

I THÁNG 8 NĂM 1966

BACH

KHOA

T H Ò I - Đ Ạ I

*năm thứ mười*

DUY KẾ HOẠCH KINH TẾ TỰ TỨC \* CUNG  
GIỮ NGUYÊN \* từ Marx đến Teilhard \* NGUYỄN  
sự phục hưng Phật giáo tại Ấn Độ \* THỂ UYÊN  
tiền đồn \* MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng \* ĐOÀN  
THÊM những ngày chưa quên \* THÁI TUẤN CUỘC  
PHIÊU LƯU CỦA HÌNH THỂ TRONG HỘI HỌA  
\* NGUYỄN HIẾN LÊ vài cảm tưởng về cuốn sách «Một  
nền giáo dục nhân bản và dân tộc» \* LỮ PHƯƠNG VỀ  
MỘT THÁI ĐỘ VĂN HỌC \* HUY LỰC tiếng hát  
Việt Nam \* TRẦN HUIỄN AN nói với Khiết \*  
SINH HOẠT thời sự văn nghệ \* Gemini  
10 những kỷ lục mới  
\* một ngày lịch sử của  
Dương Trí Viện Biên Hòa

230



# **SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L' INDOCHINE**

---

**SOCIETE ANONYME**

**AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS**

*Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8<sup>e</sup>*

---

**DIRECTION et USINE AU VIETNAM**

*406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON*

---

**Adresse Télég. : DISTAMY**

**Boîte postale : CS. SAIGON**

*Téléphone Saïgon 36.625 - 36.626*

---

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS  
ET PHARMACEUTIQUES**



# BÁCH

## KHOA THỜI ĐẠI

Số 230 ngày 1 - 8 - 1966

DUY <i>kế hoạch kinh tế tự túc</i>	3
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>từ Marx đến Teilhard</i>	19
THÁI TUẤN <i>cuộc phiêu lưu của hình thê trong hội họa</i>	27
TRẦN HUIỄN ÂN <i>nói với Khiết (thơ)</i>	32
NGUYỄN <i>sự phục hưng của Phật giáo tại Ấn Độ</i>	33
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên</i>	43
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>vài cảm tưởng về cuốn sách « Một nền giáo dục nhân bản và dân tộc »</i>	55
HUY LỰC <i>tiếng hát Việt Nam (thơ)</i>	64
LỮ PHƯƠNG <i>về một thái độ Văn Học</i>	65
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	73
VU ĐOÀI <i>nước mắt (truyện ngắn)</i>	80
NGỌC VÂN <i>tin khoa học</i>	85
<b>SINH HOẠT TRĂNG THIÊN</b> <i>thời sự văn nghệ</i>	87
NGÊ BÁ LÍ <i>một ngày lịch sử của Dưỡng trí viện Biên-Hòa.</i>	89

---

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU  
Tòa-soạn :  
160 Phan Đình Phùng Saigon  
Đ.T. 25.539  
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI  
133 Võ Tánh Saigon  
**GIÁ: 15\$** Công sở : Giá gấp đôi;  
Cao Nguyên và Miền Trung :  
thêm cước phí máy bay

# Cùng quý vị độc-giả Bách-Khoa Thời-Đại

Gần đây, giá sinh hoạt mỗi ngày một cao, chi phí ăn-loát và giấy báo tăng lên rất nhiều mà mọi vật-dụng liên quan đến báo chí đều quá mắc mớ và khan hiếm, nên muốn giữ cho nội dung tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại khỏi bị giảm sút — phần khảo-luận vẫn đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của bạn đọc và phần văn-nghệ còn được cải tiến cho thêm phong phú nữa — bắt đầu từ số này, chúng tôi bó buộc phải tăng giá mỗi số từ 12đ lên 15đ như mọi tạp chí, báo nguyệt-san khác (đã lên giá 15đ từ đầu năm nay).

Mặt khác, vì giấy báo được cung cấp lúc này chỉ có khổ nhỏ (60x90) nên bắt đầu từ số sau, Bách-khoa Thời Đại sẽ phải đổi khổ nhỏ hơn khổ cũ một chút.

Chúng tôi ước mong bạn đọc thông cảm sự cố gắng liên-tục của tòa soạn Bách Khoa Thời Đại từ 10 năm nay mà ủng hộ cho tờ báo vững tiền được trong hoàn cảnh khó khăn này.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

## **GIÁ BÁO DÀI HẠN**

từ số 230 (1-8-66)

Một năm : **300\$**

Sáu tháng : **160\$**

Miền Trung và Cao-Nguyên : Thêm cước phí máy bay.

Ngoại Quốc thêm cước phí mới ấn định

**GIÁ MỖI SỐ : 15\$**

**GIÁ CÔNG SỞ : GẤP ĐÔI**

(xin xem BK.TĐ từ số 227)

## Kế-hoạch kinh-tế tự-tức

(tiếp theo kỳ trước)

### Chính sách khắc khổ

Khi Hòa-bình được văn hồi, viện trợ chấm dứt, dân Việt Nam mới thực sự phải thi hành chính sách khắc khổ.

Trong thời gian chiến-tranh, lẽ ra phải áp-dụng chính-sách khắc khổ, nhưng thực sự chưa bao giờ thực hiện, vì hàng hóa xa-xỉ, xe Huê-kỳ còn được tự do nhập-cảng và tiền đặt cọc xe Scooter đã lên tới cả tỷ bạc.

Chiến-tranh hết, viện-trợ ngưng, trong những năm đầu, ít nhất là ba năm, chúng ta không đủ ngoại-tệ để tiêu xài theo nếp sống cũ. Nhưng chúng ta cũng không đến nỗi cơ cực, như nhân dân Anh, Pháp, Đức, sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Nhu-cầu của chúng ta không là bao nhiêu, nếu chỉ hạn chế trong khu vực Quốc-gia thuần túy, hàng hóa không thâm lậu ra vùng Cam-bốt, Lào, Cộng sản. Có thể nói trong các thứ hàng hóa cần thiết nhất như: sữa đặc, dược phẩm,

máy móc, xi-măng, sắt thép, phân bón v.v.. không thứ nào nhập cảng đến 10 triệu mỹ-kim một năm.

Với 100 triệu mỹ-kim, chúng ta có thể vừa xây dựng kế hoạch kinh tế mới, vừa đảm bảo cho nhân dân một đời sống không đến nỗi thiếu thốn bao nhiêu.

Tối thiểu, khối dự trữ ngoại tệ của Quốc gia cũng không kém 300 triệu Mỹ-kim và trong tay tư nhân, ít nhất cũng giữ một số ngoại-tệ tương tự.

Việt-Nam có thể chịu đựng được một chương trình kinh tế ba năm, không cần phải xuất cảng hàng-hóa. Nhưng tình trạng không đến nỗi bi đát như vậy, vì nước ta là nước nông nghiệp, và chỉ qua đến năm thứ hai, xuất-cảng chơi, cũng thu được 50 triệu mỹ-kim ngoại-tệ. (Trị giá của 20.000 tấn cao su và 200.000 tấn gạo). Quân bình cán cân thương mại là chuyện đương nhiên trong năm thứ ba của kế-hoạch kinh-tế.

Nhưng mục đích chúng ta không phải chỉ dừng ở đây. Thâu hồi được 200 triệu mỹ kim mới là bước đầu. Nâng cao được mức sống của toàn dân phải là mục tiêu trường cửu. Muốn làm cho lợi tức quốc gia tăng lên gấp 5, gấp 10 lần, chúng ta không thể nào không bắt đầu bằng chính-sách khắc-khò.

Ở đây chính sách khắc khò có nghĩa là toàn dân phải làm việc, phải tham dự vào công-cuộc sản-xuất. Không thể có những kẻ ngồi mát ăn bát vàng cũng như không thể chấp nhận được những nguồn lợi-tức bất-chính. Đồng tiền kiếm được phải do sức lao động tạo ra : lao động chân tay hay lao động trí óc, đều quý giá ngang nhau.

Các kế-hoạch kinh-tế không phải là phép phù-thủy có quyền-lực vạn-năng để biến ra tài sản thịnh vượng. Nước có giàu là do sự cần cù, nhân-nại của người dân. Nếu tiêu thụ nhiều hơn sản xuất, nếu làm ngày nào xào ngày ấy không nghĩ gì đến đầu tư cho tương-lai tất không thể nào vượt qua tình-trạng chậm tiến đầu, có chuyên-viên lỗi-lạc chỉ đạo kinh-tế.

Nước cộng-sản thường coi Mỹ là đế quốc xấu xa hơn hết. Lời phê bình đó chứa đựng rất nhiều bất công. Đã đành thiên nhiên có phú cho Mỹ những nguồn nguyên liệu dồi dào, đất đai phì nhiêu. Nhưng chính nhờ sự lao-động gian khổ của toàn dân mà Mỹ khai thác được các tài sản quốc gia để trở thành phú cường nhất

thế giới. Hãy coi những nông dân Mỹ làm việc quần quật suốt từ sáng tinh sương đến đêm khuya; ngay cả lúc không khí nóng như thiêu đốt, mặt trời chói sáng như lò lửa, cũng không dám nghỉ tay. Vì trong ngày mùa, một gia đình bình thường phải gặt hái, phơi phóng, đem chứa vào kho, cả trăm mẫu lúa mì.

Hãy coi những phụ-nữ Mỹ, làm việc trong xưởng máy, ôm những cái búa to bằng bắp vế mà ghè vào sắt, đầu là búa điện, búa hơi, nhưng cũng nặng nhọc vô cùng.

Chưa chắc đã có người lao động nào ở nước mình tự phụ làm nặng nhọc hơn người dân Mỹ. Đồng tiền thực sự, là của mồ hôi nước mắt, nên không trách gì người Mỹ rất quý đồng tiền đến mức mang tiếng là quá chặt chẽ

Nếu chúng ta không muốn ngửa tay đi xin, thì chỉ có một cách là cần-răng vào mà làm việc.

Đa-số người Việt-Nam vốn đi là nông-dân chân lấm tay bùn, đã quen với cuộc đời một nắng hai sương, vất vả khổ-hạnh, cho nên nhân dân có truyền thống quả-cảm, chăm chỉ, kiên trì và nhất định không sờn lòng trước hoàn-cảnh khó-khăn nào.

Chỉ có một số ít người quen sống với thực dân hồi xưa, quen lợi dụng ngoại-kiểu ngày nay, quen cách làm ăn dễ dãi, ít khó nhọc mà nhiều lợi, nên e-dè sợ hãi phải thay đổi lề-lối sinh-

hoạt, dẫn mình vào những mối hiểm-  
nguy không thể tính-toán trước được.

Nhưng được Chính-Phủ, các nhà lãnh-  
đạo, giai-cấp trí-thức, nêu gương khắc  
khô, chắc-chắn tất-cả các tầng lớp dân-  
chúng sẽ vui vẻ noi theo.

Điều quan-trọng là có thực-tâm nêu  
gương khắc khô hay không. Nếu chỉ  
làm tượng-trưng, thời không khi nào  
lừa-bịp được dân - chúng. Hồi xưa,  
người ta chủ-trương chính sách khắc-  
khô, đã nhiều lần rồi. Nhưng may một  
bộ đồ nội-hóa, áo giải màu nâu, quần  
màu tím, hay dùng mặt sau các bản in  
ronéo làm giấy ráp mà đã gọi là khắc-  
khô trong khi trang-mục ở Thụy-Sỹ  
khửa đầy ngoại-tệ và các hàng mệnh-  
phụ phu-nhân dưới quyền thì ngọc đeo,  
vàng dắt, tất nhiên dân-chúng chỉ mỉm  
cười, chế-diễu và khinh bỉ các tấn-  
tuồng lỗ-lãng.

Cũng như đã chủ-trương xe-hơi là  
tối xa-xỉ-phàm thời chính các vị Tổng  
Bộ - Trưởng phải nêu gương trước  
nhất, không dùng xe Huê-Kỳ, mà cũng  
đừng làm bộ khiêm-nhường dùng các  
loại xe nhỏ như Bờ-dô 404, Sim-ca v.v...

Phải đi xe đạp, thực tâm mà đạp xe  
đừng làm theo kiểu Thủ-tướng Y-Ăng-  
Sít-Mít của nước Rô-đê-si-a bị bao vây  
kinh-tế, cũng làm bộ không xài xe hơi,  
và chỉ chụp cho nhiều hình, tay dắt xe  
đạp, hay kiểu cộng-sản, cán bộ ăn rau ăn  
cháo trước mặt dân, nhưng hút thuốc  
Ăn-lê và xài thịt cá sau lưng nhân dân.

Đã nói đến khắc-khô, đã coi một số  
hàng-hóa, kể cả la-de nước ngọt là hàng  
xa-xỉ phàm, cần phải đánh những sắc thuế  
đặt-biệt nặng nề, thì chính các vị đại  
diện cao cấp nhất của chính-quyền phải  
từ bỏ các tiện-nghi xa-xỉ, không ở biệt  
thự, không nằm máy lạnh, không đi xe  
hơi, không ăn ngon, mặc đẹp.

Các vị tổng-bộ-trưởng mà ra ở nhà  
lợp-tôn, đi xe máy, ăn rau dưa, mặc  
quần áo bà-ba, không có trang-mục ở  
Ngân-hàng, không có tiền đề ở ngoại  
quốc, không có cửa chim cửa nôi, lo gi  
toàn dân không đoàn kết sau lưng, bảo  
sống là sống, bảo chết là chết, đồng lòng  
diệt giặc, phục-hưng kinh-tế.

Ngược lại, chủ trương khắc-khô,  
đánh thuế thật nặng vào hàng xa-xỉ, mà  
chính giai-cấp lãnh-đạo sống không khắc  
khô và dùng hàng xa-xỉ, mà trong xã-  
hội còn nhiều kẻ sống xa-hoa quá, tất  
nhiên chính sách khắc khô không đạt  
được mục tiêu của nó và chỉ gieo vào lòng  
người dân sự buồn tủi, nghi-ngờ thiện-  
chí của chính-quyền và gieo sự căm-  
phẫn trong tâm trí các người lao-động,  
sau một ngày làm việc khó-khăn mệt-  
nhọc thường nhậu một ly la-de trên khắp  
nẻo đường Đô-Thành.

Thực-sự chúng ta không đến nỗi phải  
hy sinh các tiện-nghi, các lạc-thú trên đời  
và sống khắc khô như nhân dân miền  
Bắc dưới sự đè-nén bóc-lột của Bác  
và Đảng.

Mục tiêu của chúng ta, không phải là  
diệt tất cả lòng dục, chấp-nhận nâu-sống

khô-hạnh như các vị chân-tu, hoặc là trở về với nếp sống ngàn xưa, thanh-bần trong lũy tre xanh của thánh Găng-Đi và nhiều nhà lãnh-đạo Ấn-Độ.

Người dân muốn tiến bộ, và hoàn-cảnh cũng cho phép các thể-hệ sau được hưởng nhiều tiện-nghỉ, sung-xướng hơn các thể hệ trước.

Trong giai đoạn ngoại-viện vừa chấm dứt, chính sách khắc khổ chỉ có nghĩa chúng ta chúng ta phải lao động nhiều hơn để sản-xuất vượt mức tiêu thụ và vốn đầu-tư mỗi ngày một tăng-tiến. Những người có trách-nhiệm, có công-trạng đối với Quốc-gia, những người làm việc nhiều, phải được hưởng thụ nhiều hơn.

Người dân chấp-nhận nguyên-tắc đó để nhà cầm quyền có thể hành động một cách quang-minh chính-đại, khỏi cần phải mị dân, khỏi phải lúng-túng, « đầu Ngô mình Sở », làm mất lòng tin cậy của nhân-dân.

### Tinh-thần Tân-biên-cương

Người Mỹ thường tự hào về tinh thần Tân-biên-cương của dân tộc họ. Nước Mỹ trường thành, phồn thịnh như ngày nay, chính là nhờ những công-dân xung phong, khai sơn phá-thạch mở rộng đất đai từ bờ biển Đại-tây-dương qua Thái-bình-dương, tiến mãi về phía Tây, đem biên cương mới, tài-sản mới lại cho Quốc-gia.

Dẫu không còn biên-giới nào để khuếch-trương, Tân-biên-cương vẫn

tượng trưng cho tinh thần quả cảm, xung-phong hoạt động trong những khu vực mới mẻ.

Tinh-thần Tân-biên-cương cũng đã từng thấm-nhuần dân-tộc Việt-Nam, khi chúng ta tiến về phương Nam trong những thế-kỷ trước.

Cũng như dân-tộc Mỹ khi tiến tới Thái-bình-dương, chúng ta đã dừng chân khi bước tới mũi Cà-Mau. Cũng như họ, chúng ta phải duy trì tinh-thần Nam tiến trong các lãnh vực kinh-tế, kỹ-nghệ. còn biết bao nhiêu đất đai từ Cà-mau, U Minh, Đồng-tháp-mười lên tới Cao-nguyên bở hoang chưa khai thác. Biết bao nhiêu kỹ-nghệ biến-chế nông phẩm chưa được thiết-lập. Mà cái học của Việt-Nam vẫn là học khoa-cử, học để đào-tạo một lớp người làm công-chức, tư-chức, theo một nếp sống cố định, hơn là đào-tạo một tinh-thần bất-khuất, những thanh-niên dám lao mình vào vòng hiểm nguy, bất-định, khai sơn phá-thạch, kinh doanh trong những nghề nghiệp mới.

Chúng ta không thể nào thực hiện một kế hoạch phát triển toàn diện kinh-tế, nếu nhà trường không đào-tạo cho chúng ta một lớp công dân có tinh thần mạo hiểm như các bậc tiền nhân đã thực hiện cuộc Nam tiến. Cải-tiến kỹ-thuật canh tác, dùng máy móc trong nông-nghiệp, đắp đê, xây đập, sản-xuất nhiều nông-phẩm, khuếch-trương thị-trường cũ, tạo ra thị-trường mới, nhu-cầu mới, cải cách nhà ở, cải cách lối mặc,



cải cách dinh dưỡng, trong mỗi phạm vi hoạt-động kinh-tế, từ khi sản-xuất đến lúc phân-phối, tiêu-thụ, chỗ nào cũng cần cải tiến lề-lối sinh-hoạt của nhân-dân và cần có những cán bộ có « tinh-thần Tân-biên-cương ».

Chúng ta chớ quên, mỗi sự thay đổi phong-tục, tập-quán đều khó khăn, đều vấp phải những trở ngại do tính lười biếng, tồn-cổ gây ra. Tỷ-dụ có quyền lực nào khiến cho người Ấn-Độ ăn thịt bò, thịt heo không ? Khó Ấn-Độ nghèo, một phần cũng vì không dám đụng chạm tới nhiều loài vật, được coi như thiêng liêng.

### Tự-do cạnh tranh

Tự do cạnh-tranh là một động-lực thúc đẩy các nhà sản-xuất phải hạ giá thành và nâng cao phẩm-chất của hàng hóa để lôi-cuốn được người tiêu-thụ.

Do đó nền kinh-tế luôn luôn được cải thiện. Các xí-nghiệp phải tổ-chức cho hợp lý, sản xuất nhiều để hạ bớt tông-phí. Máy móc được canh-tân nhân-công được huấn luyện cho giỏi cho khéo. Xí-nghiệp nào dở, đương nhiên bị đào-thải. Kết quả là mức sống của người dân được nâng cao, vì giá cả hàng hóa hạ thấp xuống, đồng thời người tiêu thụ được chiều đãi như ông Hoàng : dùng đồ rẻ và tốt, lựa chọn theo ý muốn, được thuê trước, không ưng ý có thể trả lại và được quyền trả góp, mua rồi trả tiền lần lần.

Những chuyện này đều có thật, không phải là hoang đường, và tất cả các nhà kinh-doanh ngoại-quốc phải thuộc lòng như những điều căn-bản của nghề-nghiệp. Có lẽ vì chúng ta như con chim phải tên, thấy cây cong là sợ, vì phải dùng mãi những thứ hàng hóa không còn tiêu thụ được bất cứ ở nơi nào trên Thế giới — tỷ-dụ tất cả các « mác » sữa hộp làm-cầm-hoặc giả không được lựa chọn, như muốn mua một chiếc mô-by-lét thì chỉ được « ban ơn » một chiếc xô-lếch, cho nên nghe đến chuyện chiều đãi người tiêu-thụ, khách mua hàng, người dân cảm thấy viển-vông xa xôi, như là « Hòa-Bình » chẳng hạn.

Nhưng khi nào chúng ta được quyền tổ chức một nền kinh-tế lành-mạnh, thịnh-vượng, thời nguyên-tắc tự-do cạnh-tranh lại là nguyên-tắc đầu tiên phải nêu ra.

Tại nước xã-hội chủ-nghĩa, dĩ-nhiên không còn tự do cạnh tranh, vì tất cả các công-cụ sản-xuất, luôn cả sức lao-động, đều thuộc quyền Nhà nước, và do Nhà nước chi phối, tổ-chức. Theo nguyên-tắc, khi Nhà nước đã chỉ huy tất cả, thì mọi sự đều tốt đẹp và các guồng máy quay tròn như các bộ phận của đồng-hồ không còn giông-tổ trên thị trường, không còn kinh-tế khủng hoảng nữa.

Nguyên-tắc này chỉ đúng một nửa, đúng ở chỗ không có khủng-hoảng, mà sai ở chỗ « không được tốt đẹp ». Muốn

có khủng hoảng, ít nhất cũng phải có thịnh-vượng, sản-xuất bừa-bãi, tiêu-thụ không hết, còn như Liên-xô đất đai rộng một phần sáu trái đất, nhưng lúa mì sản xuất không đủ nuôi dân, còn phải nhập-cảng từ Mỹ qua, thì nói gì đến chuyện khủng hoảng cho mệt.

Thiếu động cơ tự do cạnh tranh, thế giới đã thấy rõ, nền kinh-tế, nông-nghiệp, kỹ-nghệ của các nước xã-hội chủ-nghĩa không làm sao theo kịp được các nước tự do.

Trong các nước theo chủ-nghĩa Dân-chủ Xã-hội, kinh-tế chia làm khu vực, người ta cũng thấy : Nhà nước mà nhúng tay vào khu vực nào là khu vực đó trở thành chậm tiến ngay.

Nhìn lại tình trạng nước ta hồi trước cũng thấy có nhiều thí dụ điển hình. Trong ngành nông-nghiệp, vì có tự do cạnh tranh nên giá lúa mỗi ngày một hạ. Có năm, Chính-phủ ấn-định giá tối thiểu là 45đ. 50đ. 1 giạ lúa, nhưng giá thị-trường chỉ có 25đ. tới 30đ. mà thôi.

Còn trong ngành dệt, độc-quyền hầu như tập trung trong tay vài nhà máy, nên giá thị-trường bao giờ cũng cao hơn giá chính-thức.

Muốn tiến-bộ, muốn phục-vụ đại chúng, Nhà nước phải đảm bảo quyền tự do cạnh tranh, và tạo điều kiện để tự-do cạnh tranh sinh sôi nảy nở.

Bộ kinh-tế nhận định rằng vốn liếng Việt-Nam thường ít ỏi nếu tập trung thành các Đại-công-ty, sẽ dễ quản-trị, dễ hoạt-động, bớt được tiền tồng-phi, và khỏi phải làm chợ đen, chợ đỏ kiếm lời. Mà Chính-phủ cũng dễ kiểm-soát những cơ cấu làm việc theo đúng nguyên tắc Âu-Mỹ, có kế-toán chứng-minh đàng hoàng.

Lý luận như vậy là đúng, nếu số Đại-công-ty nhiều tới mức cho phép tự do cạnh-tranh. Nếu chỉ lập một số ít Đại-công-ty, tất nhiên họ sẽ tổ hợp ngầm ngầm với nhau để thao túng thị trường và chia xẻ độc quyền, khiến cho nạn chợ đen vẫn hoành hành và người tiêu-thụ vẫn bị áp-bức.

Hồi trước tuy rằng có nhiều môn bài hoạt-động trong một ngành thương-mại, nhưng người Việt-Nam vì ít vốn đã phải bán lại quyền xử-dụng môn-bài cho một nhóm Hoa-thương Chợ-lớn. Chính nhóm này đã tập trung quyền lợi trong tay, nên bề ngoài là tự do kinh-doanh, mà bề trong là độc quyền khai-thác. Gian-thương đã điều khiển thị trường, làm mưa làm gió, và người dân Việt Nam chỉ biết cúi đầu chịu trận.

Lẽ ra Bộ Kinh-tế phải thúc đẩy các Ngân-Hàng Việt-Nam tung vốn giúp đỡ cho các thương-gia, kỹ-nghệ gia hành nghề đứng đắn, cạnh tranh với hoa-thương, hạ bớt giá sinh hoạt cho nhân-dân.

Chúng ta không tài nào thoát khỏi nền kinh-tế khó khăn, khờ sở ngày nay, nếu không dẹp hết các độc-quyền, các tồ-hợp bất kỳ từ đâu tới, nếu không bành-trướng nguyên-tắc tự do cạnh tranh trong tất cả các lãnh vực hoạt động kinh-tế.

Người dân cũng không quên về chính trị còn có thể có độc-lập tương đối, chứ về kinh-tế khó lòng còn nước nào sống bưng-bít giữa bốn biên-cương. Sự mậu dịch, trao đổi hàng hóa mỗi ngày một lan rộng giữa các quốc-gia. Thị-trường chung Âu-Châu là một thí dụ điển hình về mối tương quan chặt chẽ giữa những dân tộc láng giềng.

Chúng ta hãy cố tránh hoàn cảnh của nước Pháp, vì nông-nghiệp tương đối lạc-hậu, so với Âu-châu, nên giá-thành các nông phẩm quá cao, không sao cạnh tranh được với các quốc-gia khác, khiến sự liên lạc tốt đẹp về thị-trường chung Âu-châu cứ bị Pháp phá bình hoại.

Bởi vậy nguyên-tắc tự do cạnh tranh càng phải thực-hiện mạnh mẽ để hàng-hóa sản-xuất trong nước ở một mức giá-thành, không những phục vụ được quyền lợi của người dân mà còn xuất-cảng được ra ngoại-quốc, đem lại sự phồn thịnh cho quốc-gia.

Với 14 triệu dân, thị-trường quá eo hẹp, chúng ta phải hướng về quốc tế, trao đổi hàng hóa với các quốc-gia lân cận trong Thế-giới tự do. Muốn như vậy, chúng ta phải thiết lập nhanh chóng một nền kinh-tế tiến bộ, nghĩa là nguyên-tắc tự do cạnh tranh phải được thi hành nhằm cả hai mục tiêu, đối-nội và đối-ngoại.

### Nhà Nước và kế-hoạch kinh-tế

Chấp nhận tự-do kinh-doanh, tự-do cạnh-tranh, chấp-nhận một nền kinh-tế tự do, không phân chia thành khu-vực, phải chăng chúng ta đã đẩy Nhà nước vào vai trò bàng-quan, đứng ngoài lẽ các hoạt-động kinh-tế? Không, vai trò của Nhà nước vẫn là vai-trò quyết định trong công-cuộc đưa dân-tộc ra khỏi tình trạng chậm tiến và sớm đạt trình độ thịnh vượng, phú cường.

Ngoài nhiệm-vụ phối hợp Kinh-tế, với Chính-trị và Xã-hội, theo một đường hướng chung, tiến-bộ, Nhà nước còn là kiến-trúc-sư tính toán họa-đồ xây dựng sao cho tòa Nhà Kinh-tế vững-chãi tốt đẹp chăm sóc cho mọi công dân hăng-hái, tự-do, đua-tranh kiến thiết, mỗi người trong phạm vi nhỏ bé của mình.

Nhà nước không bắt tay vào công việc xây-cắt, không giành-giặt với tư nhân, nhưng phải hướng dẫn, giải-thích, thúc-đẩy và đảm-bảo cho toàn dân tranh đua, tự do hoạt-động.

Nhà nước sẽ thiết lập những kế-hoạch chung, ấn-dịnh con đường phát-triển về kinh-tế. Căn cứ trên tình-trạng hiện tại, về kỹ-thuật, vốn liếng nhân công, căn cứ vào khả năng quốc-gia và thị-trường Quốc-tế, Nhà nước sẽ thiết lập những dự án sản-xuất hàng hóa gì, số lượng là bao-nhiêu cho những năm liên tiếp, theo một kế-hoạch ba năm, hoặc năm năm.

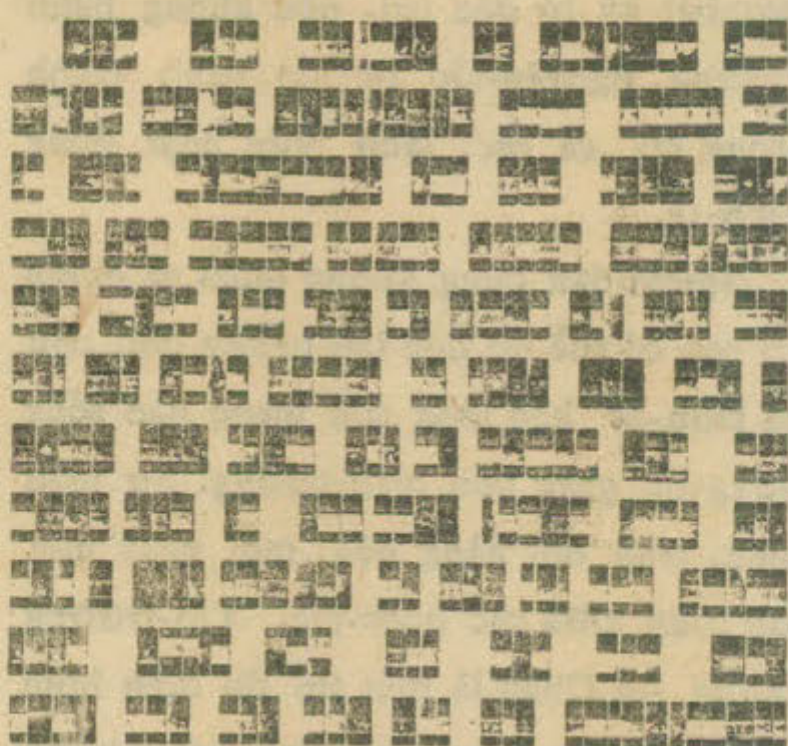
Có dự-án rồi, phải tạo điều-kiện để nhân dân có thể bắt tay vào việc, giúp đỡ cho nhân dân thực hiện đến cùng công việc dự tính. Trong phạm vi nào thiếu sáng-kiến, thiếu hăng-hái của tư nhân, Chính-Phủ bó buộc phải đứng ra kinh-doanh làm gương và trao lại cho tư nhân khi đã lồi cuốn được doanh-nhân muốn khai thác. Nếu độc quyền phát sinh trong một khu vực nào, Chính-Phủ phải phá ngay độc quyền bằng mọi phương sách, kể cả nhúng tay vào việc để cạnh tranh với tư nhân.

Trong lãnh vực kinh-tế, Nhà nước phải tuyệt-đối trung-thành với quyền-lợi chung của nhân-dân, và không bao giờ đặt ra những đặc quyền cho những nhóm riêng tư nào. Nếu để cho những nhóm áp-lực thao túng Chính-Phủ, không những nền kinh-tế bị thối nát trong khu vực đặc quyền mà sự thối nát còn lan ra tất cả các khu vực khác, cuối cùng sẽ làm suy-sụp tất cả nền tảng kinh-tế.

Dân-chủ kinh-tế phải có nghĩa là Nhà nước tạo cơ hội đồng-đều để doanh-

nhân, người lao-động tự-do phát-huy khả-năng cá nhân và chỉ hưởng lợi-tức chính-đáng, do sự cần-mẫn, óc sáng-kiến đem lại mà thôi.

Tỷ dụ, bán gạo tự-do theo giá chính-thức cho toàn dân Đô-Thành, đó là một biện-pháp phục-vụ quyền lợi chung, và chắc-chắn có kết-quả tốt, làm hạ giá gạo xuống thực sự.



Đã đành rằng, đối với công-tư-chức có đồng-lương cố-định, phải có những biện pháp giúp-đỡ họ. Nhưng phải giúp đỡ bằng những biện pháp chung, làm sụt giá sinh hoạt xuống.

Bởi vậy chính-sách kinh-tế của Chính-phủ phải nhằm vào những biện pháp có ích chung mà từ bỏ những giải pháp lười-biếng, dễ dàng, những đặc-quyền, chỉ làm xáo-trộn thêm nền kinh-tế khó-khăn.

Để hỗ-trợ cho nền kinh-tế phát-triển lành mạnh, vai trò Nhà nước về phương diện ổn định giá cả, cũng có tầm quan trọng đặc biệt. Doanh-nhân, công-kỹ-

nghệ-gia, chỉ dám lao mình hết sức vào công cuộc kỹ-nghệ-hóa xứ sở, nếu tiền-tệ vững-vàng, giá cả hàng-hóa vật-liệu không biến chuyển mạnh, công xá không nay tăng, mai tăng.

Mnốn vậy, Nhà nước phải có một chính sách thuế-khóa cho hợp lý. Tăng mỗi sắc-thuế đều có ảnh hưởng tới đời sống của toàn dân, và bình thường chỉ có tầng-lớp đại-chúng là phải chịu đựng hậu-quả dồn ép của thuế khóa, cũng như khuấy động ao thời rút cuộc bùn cũng chỉ lắng xuống đáy đất mà-thôi. Cho nên Nhà nước phải rất thận trọng khi tăng các sắc thuế đánh trên người tiêu thụ.

Tăng thuế để lấy tiền đầu-tư, cũng không phải là một biện pháp tốt đẹp, mặc dầu các chuyên-viên tài-chánh chủ-trương có thể tăng tới mức 50% mà không sợ làm tăng cao giá sinh hoạt, vì công cuộc đầu-tư sẽ làm cho lợi tức quốc-gia tiến-triển. Trên thực tế, nếu tăng thuế, thời hàng-hóa tăng giá tức-khắc, trong khi các mối lợi của đầu tư, phải sau một thời-gian khá lâu mới có ảnh-hưởng.

Nếu tăng thuế để lấy tiền làm Quỹ đen, để mua những xe hơi cực kỳ lộng lẫy như vài Thủ-tướng ở Phi-Châu muốn đề cao uy-tín quốc-gia, để mua chuộc các đoàn thể chính trị, hay làm các công cuộc xã-hội mị dân, chắc chắn nạn lạm phát sẽ làm tiêu tan tất-cả các kế-hoạch phát-triển kinh-tế, và quốc-gia

sẽ từ từ chìm xuống sinh-lầy, không tài nào vùng lên được nữa.

Vì thuế-khóa phải được ổn định trong một thời gian lâu-giải để khỏi có ảnh hưởng xấu đối với vật giá và đời sống xã-hội, nên Nhà nước phải rất thận trọng khi ấn-định thuế xuất, tránh sao cho đừng phải tính đi tính lại.

Ảnh hưởng qua lại của sự-vật đã khiến cho những vấn đề tương chừng rất cách biệt, nhưng lại tương quan chặt chẽ. Tỷ-dụ, lương-bổng công tư chức và thuế-khóa.

Nhà nước tăng thuế, hàng hóa lên giá và giá sinh hoạt khởi sự leo thang. Công chức đòi tăng lương, nhưng Chính-phủ nhất định cố giữ giá biểu cũ. Bên nào cũng nại lý do chính-đáng cả. Lý luận của công chức là đời sống đắt đỏ, phải điều chỉnh lại lương bổng cho thích hợp. Nhà nước cho rằng nếu tăng lương, vật giá lại tăng theo. Trong vòng luẩn quẩn cứ đuổi nhau và cứ điều chỉnh hoài không bao giờ hết. Vậy tăng lương cũng không tăng thêm mãi-lực mà chỉ làm cho vật giá xáo trộn thêm thôi.

Nghe thì bên nào cũng có lý cả. Và lý kẻ mạnh tức thì là lý Nhà nước tất nhiên phải hơn rồi. Nhưng người ta đã quên lương bổng công chức không phải đã được ấn định một cách độc đoán.

Theo các đạo luật ấn-định quy-chế công chức, lương bổng tối thiểu của một công chức hạng chót cũng phải đảm bảo cho họ một đời sống xứng đáng với

một người đại diện cho công-quyền. Quy-chế đã tính toán, tối thiểu người công chức độc thân phải chi-tiêu bao nhiêu một tháng, và số lương căn bản đó được chia ra làm 100 điểm.

Ngạch trật càng cao thời càng được nhiều điểm hơn. Hạng chót được 100 điểm và hạng nhất được 12 lần hơn, nghĩa là 1200 điểm. (Thang lương ở Nga-xô có tới 25 bậc nghĩa là công-chức cao cấp nhất được lương gấp 25 lần công-chức cấp nhỏ nhất.)

Mỗi khi vật giá gia-tăng, giá sinh hoạt cao lên, lẽ ra lương tối-thiểu phải tự động gia tăng theo chiều hướng các khoản chi phí dùng để tính lương tối-thiểu thực sự đã tăng thêm. Và người công-chức sẽ không bao giờ phải kêu-ca về đời sống đắt đỏ nữa.

Nhưng suốt từ năm ban hành Quy-chế — năm 1949 — các Chính-phủ kế-tiếp đã làm lơ, quên hẳn cách tính lương căn bản của công-chức và hình như coi rằng lương đó là lương khoán, cố-định, không biến chuyển theo thời giá.

Bao nhiêu năm trường, công-chức đã phải chịu cảnh bất-công, đè-nén, không được quyền tranh-đấu đòi áp dụng quy-chế cho đứng đắn. Và những người lương thiện hơn hết là phải chịu thiệt thòi hơn cả.

Chính sách thuế-khoá phải đảm bảo cho người công-chức một nếp sống đàng-hoàng, vì guồng máy công-quyền có lành-mạnh mới hy vọng không làm thối nát tới guồng máy kinh-tế.

Công-nhân tư-chức được nghiệp-đoàn bảo-vệ và ngược với trường hợp công-chức, Nghiệp-đoàn thường làm áp lực đề tăng lương cho người lao động với hậu ý chính-trị, được sự ủng-hộ mạnh mẽ hơn của lực lượng lao-động.

Nhưng nếu đời sống kinh-tế chưa tiến bộ, mức lợi-tức chung quốc-gia chưa tăng, mà đã tăng lương bằng thời chẳng có lợi ích gì cả, vì vật giá sẽ lên theo, và mãi-lực có khi lại sụt xuống.

Bởi-vậy, về cả hai phía, Chính-phủ và Nghiệp-Đoàn đều phải thận-trọng khi tăng-thuế và yêu sách tăng lương.

Nhà nước phải thành-tín giữ vững chính sách thuế khoá để kế-hoạch kinh-tế được phát-triển, và mỗi ngày kỹ-nghệ nông-nghiệp một tiến bộ hơn, thì công-chức, tư chức, toàn dân phải được sống cuộc đời vật chất đầy đủ thoải-mái hơn. Và không bao giờ được đi giạt lùi cả. Nếu phải khổ, thà khổ ngay từ đầu rồi

lần lần nâng cao mức sống lên.

Vai trò Nhà nước hết sức khó khăn, hết sức tế nhị, nhưng muốn cho quốc-gia hết chậm tiến thời phải dùng những biện pháp khó khăn mới có hy vọng đạt được kết quả. Nếu cứ dùng mãi

những biện pháp lười biếng dễ dàng thì hãy coi gương tất cả những quốc-gia lạc hậu Á-Phi, chìm đắm trong vực thẳm của nghèo đói, dốt nát, khiến cho người dân phải nổi loạn và thú tính của con người không còn được kiềm chế nữa.

### Không có phép màu kinh-tế

Anh-hùng tạo thời-thế hay thời-thế tạo anh-hùng ? Lịch-sử ghi tên những danh tướng như Nã-phá-Luân, minh quân như vua Minh-Trị, Việt-Nam cũng có những anh hùng áo vải như Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ đã từng làm đảo lộn cả tình-hình chánh-trị quân-sự trong nước, nhưng lịch-sử không thể có những anh-hùng kinh-tế, với hai bàn tay trắng mà đem lại sự phồn thịnh cho đời sống kinh-tế quốc-gia.

Không thể có những phép màu kinh-tế, cũng như không thể có những kế-hoạch bí-mật, cầm-nang kỳ-diệu, do một cá nhân thông-minh đặc-biệt sáng-tạo ra, và khi thi-hành, ổn-định ngay được tình hình kinh-tế đang đồ-nát.

Ai chỉ huy kinh-tế bằng các nước Xã-hội chủ-nghĩa, ai kìm-kẹp nhân dân trong kỷ-luật sắt-thép hơn là Trung-cộng ? Vậy mà Liên-xô với đất đai rộng mênh mông cũng không đủ lúa mì nuôi dưỡng nhân dân, Còn Trung-cộng, bao nhiêu kế-hoạch nhảy vọt kinh-tế chỉ là những thất bại chua cay, đem lại muôn vàn cơ cực cho nếp sống nông-thôn. Castro, với hai bàn tay trắng đã có thể cướp được chính-quyền Cuba, đương-đầu với nước

khổng-lồ Mỹ-quốc, nhưng Castro không làm sao phân phối cho mỗi người dân hơn một kilô rưỡi gạo một tháng, và đã phải chửi rửa tục-tằn người bạn vĩ-dại Trung-cộng, vì tội đã hạ mất phân nửa số 250 ngàn tấn gạo, vẫn đổi lấy 370 ngàn tấn đường Cuba, nại-cớ là đường sứt giá nửa tiền.

Đã không công-nhận có những anh-hùng kinh-tế, chúng ta có phủ nhận vai trò của Giáo-sư Erhard đối với sự phục-hưng của nền kinh-tế Đức-Quốc hay không ?

Nhân dân Tây-Đức vẫn biết ơn và đã đưa Tổng-Trưởng kinh-tế Erhard lên địa-vị Thủ-Tướng ngày nay. Không có điều gì là mâu thuẫn hết. Thủ-tướng Erhard được sùng bái, không phải vì ông là siêu-nhân, vì ông có những kế-hoạch kinh-tế, tiền-tệ nở bùng như bom nguyên tử nhưng chính vì ông đã chủ-trương một đường-lối phù-hợp với hoàn cảnh, khả - năng và nguyện - vọng của nhân-dân Tây-Đức.

Dân chúng muốn có điều-kiện dễ cần cù nhẫn-nại làm ăn. Dân chúng muốn tiền-tệ được ổn-định để khỏi phải lo-lắng quá nhiều về đời sống hằng ngày, về vật-giá luôn luôn xáo-động. Dân chúng muốn tự do cạnh tranh để hàng-hóa sản-xuất nhiều, tốt và rẻ tiền. Dân chúng muốn quyền-lợi người tiêu-thụ được đảm-bảo. Dân chúng muốn tự-do sinh-hoạt, và Nhà-nước can thiệp vào việc chỉ huy kinh-tế ít chừng nào hay chừng đó, để thuế-khóa khỏi tăng cao, tài-sản

quốc gia khỏi bị phi-phạm, nhùng-lạm không có đất sinh-sôi này-nở.

Đáp ứng nguyện-vọng chính-đáng của nhân dân, Giáo-sư Erhard, Tổng-trưởng kinh-tế, can-đảm đứng lên tranh đấu với nhà cầm-quyền Đồng-minh chiếm đóng nước Đức, đề thi-hành một chính-sách kinh-tế tự do, hạn chế vai trò can thiệp của Nhà nước, cho phép cạnh tranh tự do, phục-vụ kinh-tế thị-trường. Đối nội, giáo sư Erhard đã phá các thế-lực tổ-hợp kinh-tế, chống đối các Đại Công ty, loại bỏ Độc-quyền và Đặc quyền, bất-kỳ dưới hình thức nào.

Ý dân đã được tôn-trọng, tất nhiên nhân dân hăng hái, say mê làm việc và kết-quả là giá-cả hàng-hóa sụt xuống khiến cho nhân dân sung-sướng bội phần vì tăng lương trong khi giá sinh hoạt hạ thấp có nghĩa là sung-túc gấp hai lần rồi.

Ý-nguyện nhân-dân Việt-Nam, cũng không khác xa bao nhiêu ý-nguyện các dân-tộc ưa tự-do dân-chủ trên Thế-giới. Người dân Việt-Nam cũng chỉ muốn tiền-tệ, thuế-khóa được ổn-định, chế độ kinh-tế dân-chủ tự do áp-dụng, để người dân yên tâm, góp công góp của, cải thiện mức sống gia-đình và dùng mồ hôi nước mắt mà vun đắp nền kinh-tế thịnh-vượng chung. Nếu bao nhiêu nguyện vọng nêu trên tất cả các báo chí, chỉ như nước chảy qua cầu không được nhà cầm quyền chú-ý tới, mà cũng không được cơ-quan Viện-trợ xem là

trọng, nền kinh-tế sẽ hết sức giả-tạo, nhân dân không còn xây-dựng, chỉ chịu đựng và chịu đựng cho đến lúc sụp đổ tất cả các thượng-tầng kiến trúc chính-trị xã-hội.

### Giai-đoạn chuyển-tiếp.

Càng ngày, người ta càng nhận thấy không thể tiêu diệt mau chóng tất cả các lực lượng du kích cộng-sản. Những người bi-quan trù tính chiến tranh còn kéo dài 10 năm, 20 năm nữa. Có kẻ e ngại dân tộc Mỹ quen đánh lớn, đánh ồ ạt, sẽ nản chí trước một cuộc chiến-tranh tiêu-hao và nửa đường có thể bỏ cuộc.

Vậy chừng nào chúng ta sẽ phải áp-dụng kế-hoạch kinh-tế tự-tức. Trong tương-lai gần hay xa lắc xa lơ? Về tâm-lý, người dân Mỹ có thể kêu ca, bất-đồng-ý-kiến với chánh phủ Mỹ về chính-sách chiến tranh áp-dụng tại Việt-Nam, nhưng dân tộc Mỹ không thể chịu nhận thua trận tại mảnh đất nhỏ bé này. Nếu bị sa-lầy, nếu không toàn thắng được cộng-sản, ít nhất phải đạt được Hòa bình trong danh dự. Nghĩa là phải tạo ra những điều kiện vượt mặt chắc chắn cộng-sản về quân-sự cũng như về chính-trị, kinh-tế mới hy vọng đem cộng-sản tới thương-thuyết hòa bình.

Giai-đoạn hiện-tại ít nhất cũng còn kéo dài trong năm 1967 là giai đoạn cần phải áp dụng chiếc-lược kinh-tế du kích-chiến. Về quân-sự lại trở về chiến-thuật vết-dấu-loang, bảo vệ các hậu cứ, các trục giao-thông rồi từ đó tái kiểm-



soát các vùng đồng bằng, các thị-trấn dân cư đông-dúc, đẩy lui du kích vào các hang-sâu, rừng rậm.

Về chánh-trị, Nội-các-Chiến-tranh chủ-trương bầu Quốc-Hội-Lập-Hiến để tiến tới Quốc-Hội Lập-Pháp và Chính-Phủ Dân-sự trong năm 1967.

Quân-sự chắc chắn sẽ thắng lợi, cơ sở dân-chủ cũng có nhiều hy-vọng được thiết lập, riêng về kinh-tế, e rằng Nội-các Chiến-Tranh chưa quan-niệm đúng tầm quan-trọng chính-trị của nó, nên người dân sợ rằng chỉ có những biện-pháp ngày một để giải-quyết một tình trạng khó-khăn hiện-tại, theo đường lối thỏa-mãn quan-điểm của cơ-quan ngoại-viện và bắt nhân dân phải đóng góp nhiều hơn vào chi-phí chiến-tranh.

Đường lối này, đi ngược với quyền-lợi của nhân-dân, nên khó mà kêu gọi được sự ủng-hộ đoàn-kết đồng-tâm nhất-trí. Đã đành là người dân không ưa gì chủ-nghĩa cộng-sản. Và có ai lại điên rồ mà không muốn chấm-dứt tình-trạng vật giá-leo thang, đời sống lầm than đất đỏ?

Trăm người như một, ai cũng thành tâm cầu khẩn cho giải-pháp kinh-tế của Chính-Phủ thành-công và Quốc-gia sớm được phồn thịnh an lạc. Nếu giải-pháp thất-bại, chính khối nhân-dân đông-đảo là những nạn-nhân trực-tiếp và cực-khổ nhất. Nhân dân muốn tiếp tay hết sức với Bộ Kinh-tế để ổn định tình hình.

Người dân không khi nào tế-nhị đến mức lý-luận so-sánh tương lai này với tương lai xa-xăm mờ-mịt hơn nữa. Nếu Bộ Kinh-tế nói rằng, cải cách thế này chỉ khổ 5 phần, còn không cải-cách, ít lâu nữa sẽ khổ đến 10 phần. Nói vậy, thì dân cũng biết vậy, chứ đã khổ 10 phần đâu mà biết thực-sự khổ ra sao và có thực trong vài-tháng sẽ khổ tới mức đó không. Cái mà người dân cảm chắc, là so với ngày hôm nay, ngày mai,

Người dân không khi nào tế-nhị đến mức lý-luận so-sánh tương lai này với tương lai xa-xăm mờ-mịt hơn nữa. Nếu Bộ Kinh-tế nói rằng, cải cách thế này chỉ khổ 5 phần, còn không cải-cách, ít lâu nữa sẽ khổ đến 10 phần. Nói vậy, thì dân cũng biết vậy, chứ đã khổ 10 phần đâu mà biết thực-sự khổ ra sao và có thực trong vài-tháng sẽ khổ tới mức đó không. Cái mà người dân cảm chắc, là so với ngày hôm nay, ngày mai,

Sở dĩ dân kêu, vì dân nhận thấy không có đường lối nào phục vụ quyền-lợi nhân-dân hơn là đường lối kinh-tế Du-kích-chiến. Tranh-thủ nhân-tâm, hạn-chế sự hy-sinh, bình-thường-hóa nếp-sống, đem lại phú-túc cho xã-hội ngay giữa lúc còn chiến-đấu về quân sự đó, là hướng đi thích-hợp hơn hết với nguyện-vọng nhân-dân, và cũng là con đường chắc chắn nhất để chiến thắng Du-kích phá hoại.

Sở dĩ dân kêu, vì dân nhận thấy không có đường lối nào phục vụ quyền-lợi nhân-dân hơn là đường lối kinh-tế Du-kích-chiến. Tranh-thủ nhân-tâm, hạn-chế sự hy-sinh, bình-thường-hóa nếp-sống, đem lại phú-túc cho xã-hội ngay giữa lúc còn chiến-đấu về quân sự đó, là hướng đi thích-hợp hơn hết với nguyện-vọng nhân-dân, và cũng là con đường chắc chắn nhất để chiến thắng Du-kích phá hoại.

Chấp nhận mục tiêu tranh thủ nhân-

dân, trong giai đoạn vết-dầu - loang, Chính-phủ phải thực hiện kế hoạch kinh-tế nhằm 4 điểm :

1 — Cải thiện các phương-tiện giao-thông giữa những vùng an ninh.

2 — Đất đai an toàn lan ra đến đâu, nông-nghiệp, chăn nuôi phải phát-triển tốt độ tới đó.

Ngư-nghiệp phát triển trước nông-nghiệp vì dọc bờ biển có an ninh hơn là trên đất liền.

3 — Khuếch - trương tiểu-công-nghệ, tiểu-kỹ-nghệ tại các thị trấn. Thiết-lập kỹ-nghệ biến chế thực phẩm hoặc tận dụng cây kỹ-nghệ tại những vùng an ninh rộng-rãi, hoặc vùng có thể thu hút nguyên liệu từ vùng địch kiểm-soát chuyển qua.

4 — Nhập-cảng động-cơ, máy móc trang-bị kỹ-nghệ, và nhập cảng hàng hóa trong nước không thể sản xuất, hoặc sản-xuất không đủ thỏa mãn nhu-cầu.

Đĩ-nhiên, khi đã đặt sản xuất vào hàng chính yếu, vì căn bản của nền kinh-tế chống Du-kích không phải chỉ là hưởng thụ ngửa tay xin mãi ngoại viên, Chính-phủ phải tạo điều kiện thuận-lợi cho nhân-dân thi hành chính sách kinh-tế sản-xuất, nghĩa là : *phải ổn định nền tài-*

*chánh :* 財政 政策 必須 穩定 金融 市場 物價 必須 穩定 工資 必須 穩定 稅收 必須 穩定 預算 必須 穩定 財政 政策 必須 穩定 金融 市場 物價 必須 穩定 工資 必須 穩定 稅收 必須 穩定 預算 必須 穩定

Ngoài hai điều-kiện tiên-quyết trên đây, Chính-phủ phải thi-hành chính-sách tận tâm tận lực giúp đỡ nhân-dân hoạt động trong tất cả các lãnh vực kinh-doanh, dành lại công-cụ sản-xuất và quyền chủ động cho người Việt-Nam.

xXx

Thi hành chiến-lược kinh-tế chống Du-kích có nghĩa là sửa soạn tiến tới một nền kinh-tế tự-túc phần-thịnh. Mỗi ngày chúng ta sẽ đạt thêm tiến bộ, và bất cứ lúc nào, nếu cố gắng hòa-bình của Mỹ hoặc những hoạt động hòa-giải của Liên-Hiệp-Quốc đạt được kết quả, chiến-tranh chấm dứt chúng ta vẫn có thể chuyển ngay từ nền kinh-tế chiến-tranh qua nền kinh-tế tự-túc được.

Và trong thời-gian chiến-tranh tiến-bộ nhiều chừng nào thì qua thời-gian hòa-bình bớt được chừng đó nỗ-lực và hy-sinh của nhân-dân.

Giả sử chiến lược kinh-tế vẫn không nhằm mục-tiêu tranh thủ nhân tâm, và tình-hình kinh-tế cứ tiếp-tục suy-sụp, liệu chúng ta có lâm vào hoàn-cảnh đờnát vô phương cứu vãn và không bao giờ còn áp dụng được chính sách kinh-tế tự túc nữa không ? Liệu có đến nỗi « chậm quá » không ?

Người dân thiết nghĩ, nếu cứ mãi lần nhà cầm quyền cù-lần đi ngược với nguyện vọng của nhân dân là phải tan nát đồ vỡ hoàn-toàn, thì trong bốn ngàn năm lịch-sử có cả trăm lần nước Việt-Nam nô-lệ bị đồng-hóa với nước

thống-trị, và trên bản đồ Thế-giới cũng không còn chữ Việt-Nam nữa.

Tan vỡ có tan vỡ, đồ nát có đồ nát nhưng mỗi lần con Rồng Việt-Nam lại tái sinh từ đám tro tàn.

Mặc dầu tình-hình kinh tế có khó khăn có tuột dốc đến mức nào chẳng nữa, khi hòa-bình trở lại, với sức sống tiềm tàng mãnh liệt với sự thông-minh nhân nại, cần cù của dân-tộc, với đất

đai phì nhiêu thiên-nhiên đã dành cho chúng ta, chắc chắn chính-sách kinh-tế tự túc trong 3 năm sẽ hàn gắn được các vết thương chiến-tranh, sau 5 năm sẽ đem lại sự sung túc và sau 10 năm có thể đặt Việt-Nam lên hàng ngũ các quốc-gia tân tiến trên thế-giới, với một đời sống xã-hội, phú túc và dân-chủ.

**DUY**

**BÓN ĐỌC**

**THÁI ĐỘ**

Tập san phổ biến hạn chế • **THẾ UYÊN** chủ biên

Diễn đàn của những kẻ không muốn đầu hàng cộng sản, không muốn chiến đấu bảo vệ Tư bản, Địa chủ và cũng không muốn ngồi kêu khóc.

**SÁCH MỚI XUẤT BẢN**

Lần đầu tiên, tư tưởng chỉ đạo của nền Giáo-dục Việt nam và những vấn đề cấp bách trong ngành giáo dục hiện tại được trình bày đầy đủ trong một quyển sách :

**« MỘT NỀN GIÁO DỤC NHÂN - BẢN VÀ DÂN TỘC »**

của Đoàn-Nhật-Tấn, giáo sư trường Sư phạm Qui Nhơn.

Có bán tại các nhà sách lớn.

**CALCIUM CORBIERE**  
 THUỐC CHÍCH - THUỐC UỐNG  
 CƠ SINH TỐ ED-PP

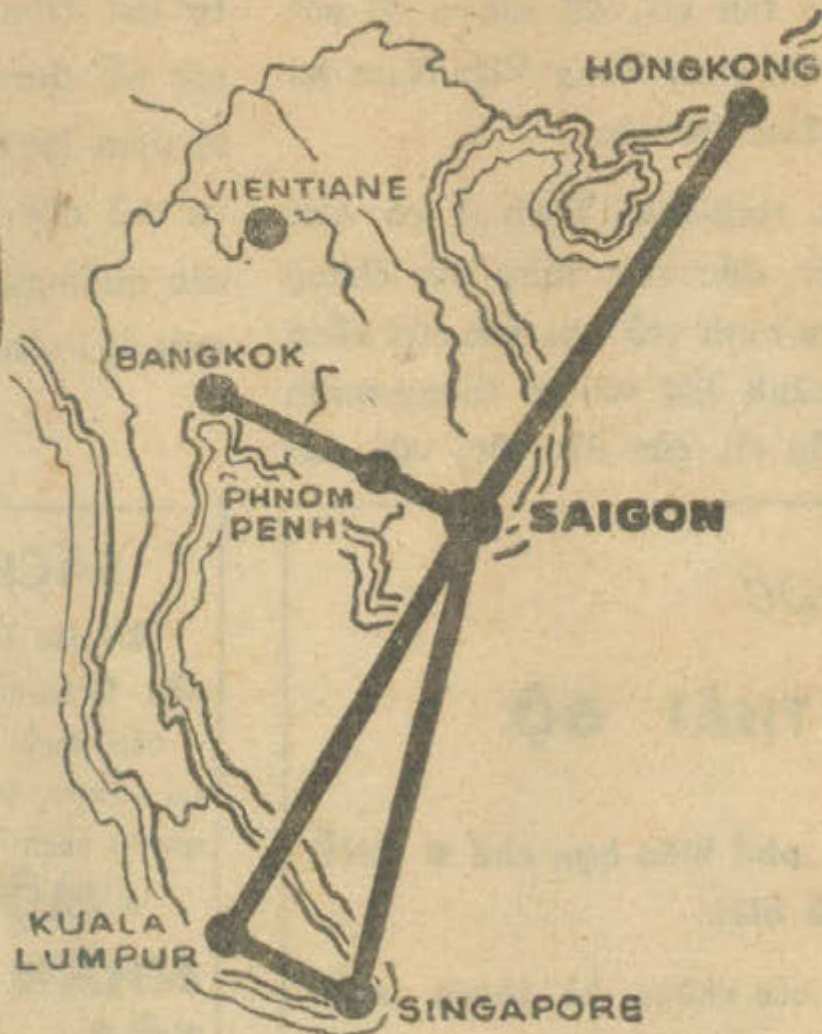
*Chuyên trị:*

- YẾU XƯƠNG - GÂY XƯƠNG.
- CƠ THỂ SUY NHƯỢC.
- TRẺ EM MẠU LỚN.
- DƯỠNG THAI - CHO CON BÚ.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

U  
i  
c  
t  
  
N  
a  
m  
  
H  
à  
n  
g  
  
K  
h  
o  
n  
g

# TRONG ĐÔNG-NAM Á



A  
I  
R  
  
V  
I  
E  
T  
N  
A  
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ  
LUÔN  
LUÔN  
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*  
của ĐƯỜNG BAY

*Hasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

**VIỆT NAM HANG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HỮU SÁNG, SAIGON 21.624-625-626

## từ MARX đến TEILHARD

(xin xem B.K.T.Đ. từ số 229)

Nhân đọc các sách :

TRẦN VĂN TOÀN.— *Tìm hiểu triết-học của Karl Marx*. Nam Sơn, Saigon, 1965.

TRẦN VĂN TOÀN.— *Hành-trình đi vào triết-học*. Nam Sơn, Saigon, 1965.

NGUYỄN VĂN ÁI.— *Khoa-học và đức-tin*. Nam Chi tùng thư, Saigon, 1965.



Teilhard de Chardin

Những học-thuyết như duy-vật chủ-nghĩa của Marx đã làm mê hoặc người hiện đại nhờ nơi lốt huy-hoàng của khoa-học. Nhưng châu-lý khoa-học có phải là châu-lý duy nhất và toàn diện không? Những sự thấu đạt của khoa-học có giá

trị nhất-quyết và vĩnh viễn không? Theo lịch-trình phát-triển của khoa-học, có thể xem những châu-lý khoa-học chỉ là những sự hiểu biết tạm thời để từ đó đi đến những kết quả tốt đẹp, đúng đắn hơn nữa, và không có gì lỗi thời nhanh chóng cho bằng những phát-minh khoa-học.

Học-thuyết Marx, hay khoa-học, không phải là toàn-thể của sự sống. Khoa-học có thể nói rộng phạm-vi của mình, tinh-thần khoa-học và phương-pháp khoa-học rất quý hoá, giúp một cách hữu-hiệu để phê-phán những lối suy nghĩ khác và một số tín-điều mà nhà thần-học thường đặt làm nền-tảng cho đức-tin họ. Nhưng muốn nhìn đời một cách vững chắc, muốn nhìn đời trong toàn-thể, người không chỉ cần khoa-học, mà còn cần đạo-đức, nghệ-thuật, văn-chương, triết-lý, cần nhận-thức một sự huyền-bí thiêng-liêng, một sự cảm-thông với một

uy-quyền tối-thượng, là những nền-tảng của tôn-giáo.

Trong những sự cố gắng gần đây để nhìn đời trong toàn thể, để tiếp nối những công-trình của khoa-học, để khám phá phần tốt đẹp của học-thuyết Marx có đường hướng của Pierre Teilhard de Chardin đã vạch ra, đáng được chú-ý. Cuốn *Khoa-học và đức-tin* của Bác-s Nguyễn-văn-Ái, viện-trưởng viện Pasteur Việt-Nam, vừa xuất-bản đề giới thiệu tư-tưởng của Teilhard, là một tài-liệu rất tốt, giúp cho sự hiểu-biết một nhận-định mới lạ trong tư-tưởng giới mà ảnh-hưởng và danh-tiếng càng ngày càng lan rộng.

Teilhard là một linh-mục Pháp thuộc Dòng Tên, cũng là một nhà khoa-học chuyên về địa-tầng-học và cổ sinh-vật-học. Ông đã có công trong việc tìm ra bộ xương Sinanthrope gần Bắc-Kinh năm 1928. Chí-hướng của ông là hòa-hợp tôn-giáo và khoa-học, hay đúng hơn là hòa hợp thần-nhiệm với vật-lý. Tin-điều của ông có thể rút lại trong bốn câu ông đã ghi lại cho một người thân thuộc :

« Tôi tin Vũ-trụ là một sự Tiến-hóa,  
 Tôi tin Tiến-hóa hướng đến Tinh-thần  
 Tôi tin Tinh-thần kết tụ trong Cá-biệt  
 Tôi tin Cá-biệt tối-thượng là Chúa  
 Ki-Tô ».

Danh-vọng đến sau này cho Teilhard cũng là một hiện-tượng đáng ngạc nhiên. Vì suốt đời, Teilhard, vì sự ngăn cấm của bề trên, không thể nào cho xuất bản tác-phẩm của mình được. Ông vâng lời

gắng thuyết phục, nhưng vô hiệu quả ; tuy vậy ông không hề chán nản trong công việc nghiên cứu và viết lách. Ông vẫn tin rằng không gì có thể ngăn cản ảnh-hưởng của con người trong thế-gian nếu hành động ấy hợp với chân-lý và Lẽ Trời. Teilhard có viết cho người quen : « Không được đem in không quan hệ gì. Tinh-thần không có hàng rào... Tôi có cảm tưởng rằng thay vì họ ngăn chặn tôi họ chỉ làm nới rộng tôi mà thôi. Họ làm phờ biếng những mầm mống tôi mang. Họ tăng gia ảnh-hưởng của tôi.» Quả thật, sau khi Teilhard chết, năm 1955, tác-phẩm của Teilhard đã được công bố, cuốn *Le phénomène humain* chấn - động dư-luận hoàn-cầu không thua gì cuốn *L'être et le néant* của Sartre sau thế chiến thứ hai. Việc xuất-bản những sách vở và tài-liệu của Teilhard để lại được thực - hiện dần dần nhờ sự bảo trợ của những ủy-ban quốc-tế gồm những danh-nhân về khoa-học, văn-học, v.v. Tư-tưởng của Teilhard trở thành đề tài phê bình, tranh-luận, bút-chiến, hội-thảo (mỗi năm, tại Vezelay, Pháp, có cuộc hội-thảo về Teilhard), gây tiếng vang cả trong Công-đồng Vatican vừa rồi. Cuối năm 1965, nhân dịp bế-mạc Công-đồng Vatican II, một bản hiệu-triệu của các nhà trí-thức đã ghi nhận : « Có lẽ chưa bao giờ thấy xuất hiện rõ rệt hơn ngày nay, sự có thể hòa-hợp sâu xa giữa Khoa-học đích-thực và Đức-tin đích-thực, cả hai đều phụng-sự một Sự-thật độc nhất.»

Quan-điểm hòa - hợp sự hiểu biết khoa-học và hiểu-biết đức-tin đã được

Ông Nguyễn văn Ái trình bày trong phần mở đầu của sách Ông. Tiếp đến soạn-giả đã cố gắng trình bày một cách khách - quan, đặc - điểm của tư-tưởng Teilhard.

Tư-tưởng này dựa trên những nhận xét sau :

Vũ-trụ tiến-hóa không ngừng trong thời-gian, đi từ khởi điểm *Alpha* ở đó chỉ có toàn năng lượng, và biến chuyển trong thời gian qua bốn giai-đoạn : 1) tạo-lập vũ-trụ, 2) tạo-lập sự sống, 3) tạo-lập con người, 4) tạo-lập môi-trường Thiên-Chúa (*milieu divin*) để tới tận-điểm *Omega*.

Nhưng cái gì đã điều-khiển cuộc tiến-hóa đó ? Bên cạnh hai cái vô cùng của Pascal, vô cùng to lớn và vô cùng bé nhỏ, Teilhard nhận thấy một vô cùng thứ ba, ông gọi là vô cùng phức-hợp, và Teilhard định luật cuộc điều-khiển tiến-hóa của vũ-trụ là sự tăng-tiến về phức-hợp.

Teilhard, tuy đứng về phương-diện khoa - học, chỉ ghi nhận các hiện-tượng và sự diễn tiếp mà không quan-tâm đến những nguyên-nhân sâu xa, Teilhard cũng đã báo trước rằng đây chỉ là những điều khêu gợi mà không phải là những điều quả quyết, cốt để làm cho người ta suy nghĩ và hướng về những chân trời mới.

Ba điểm Teilhard muốn lưu ý là :

1. Cái vô cùng lớn và cái vô cùng nhỏ đã làm cho con người có cảm-giác bị chôn vùi và trở thành vô-vị. Đứng giữa

hai cảnh ấy, cuộc sống và Nhân-loại không còn nghĩa lý gì nữa khi, tính theo lượng-số về nguyên-tử trong vũ-trụ, nghi đến sự may rủi để cấu thành hành-tinh của chúng ta, rồi trên hành-tinh này, sự cấu tạo của sinh-vật, sự tồn tại và biến-hóa của chúng. Vũ-trụ có vẻ lãnh-đạm — và thường chống lại — bất cứ loại Sống nào. Cảm giác ấy đưa người đến sự ngợp và chán nản.

2. Muốn thoát khỏi cảnh đó, Teilhard đề nghị, ngoài hai cái vô cùng trên, một vực-thẳm thứ ba : vực thẳm của Phức-hợp. (Hình như Ông Nguyễn-văn-Ái lưỡng lự trong việc dùng chữ phức-tạp và phức-hợp. Ông đã dùng chữ vô cùng phức tạp, và thêm « hay nói theo danh-từ triết-học vô cùng phức-hợp ». (tr. 20) Thiết tưởng, chữ *phức-hợp* ăn ý Teilhard hơn chữ phức tạp. Teilhard đã giải nghĩa rõ : « Khi nói đến sự phức-hợp một toàn-thể, tôi không chỉ nói đến số và loại của những thành-phần gồm toàn-thể ấy, tôi còn nghĩ đến sự sắp xếp của chúng. Kết với nhau mà không có thứ-tự, 360 kiểu hạt-nhân nguyên-tử mà Vật-lý đã công nhận ngày nay, từ Hydrogène đến Uranium, chỉ làm thành một sự Phức-tạp (*Hétérogénéité*) không phải là một phức-hợp (*Complexité*). Phức hợp là một sự phức-tạp được tổ chức (*hétérogénéité organisée*) và vì vậy có trung-tâm. » (Xem : *La vision du passé* Seuil, Paris, 1957, tr. 312-313)

Theo Teilhard, sự tiến-hóa đem tới những vật-thể mỗi ngày mỗi phức hợp hơn và trong thế-giới động-vật, không có một

cơ-thể sinh-vật nào phức-hợp hơn bộ óc con người, gồm trên mười bốn ngàn triệu tế-bào. Vì lý do đó, con người đứng tận chóp đỉnh trên đường tiến-hóa của vũ-trụ.

3. Theo Teilhard con người trong vũ-trụ có ba vô cùng, con người có địa-vị đặc biệt. (Ưu-đãi con người, bấy lâu vẫn là một nghi-vấn. Chúng tôi nhắc lại đây, làm tiêu-biểu cho sự phản-đối của một số nhà khoa-học, ý-kiến của Bertrand Russell. Khi xét Marx về phương-diện triết-lý, Russell thấy Marx có nhiều thiếu sót quan trọng. Ông viết :

« Marx quá thực tế. », quá chú-trọng đến những vấn-đề thời-đại ông ta. Tư-tưởng của Marx chỉ hạn định nơi hành tinh này, và trên hành-tinh này, chỉ nghĩ đến con người. Mà từ Copernic, rõ ràng là con người không còn có quan-hệ vũ-trụ mà người tự cho mình thời trước. Không ai, nếu không nhận thức sự-kiện ấy, có thể tự cho triết-lý mình là khoa-học được ». *Histoire de la philosophie occidentale*, Gallimard, Paris, 1952, tr. 800) Teilhard cũng nhận rằng quan-niệm thời trước cho người là trung-tâm vũ-trụ quả thật sai lầm, khi cho vũ-trụ thụ-động và cho người chỉ là một trung tâm hình-học và pháp-lý trong một vũ-trụ thụ-động ấy. Teilhard cho rằng rồi đây thái độ của nhiều nhà khoa-học sẽ thay đổi và sẽ không xa quan-niệm của những nhà khoa-học khác cho con người giá-trị đặc-biệt của nó. Họ sẽ không thể cười nhạo cái tự-phụ của con người muốn tạo cho mình một ưu-thể không lý-do, mà sẽ xem người là đối-vật cao hơn hết, phong

phú hơn hết, nghĩa lý hơn hết những đối-vật mà nhà khoa-học có thể tìm hiểu được. Con người, theo Teilhard không phải làm những việc vô ích và tuyệt vọng như Sisyphe, khi con người nhận thức được điềm tới của mọi cố gắng trong vũ-trụ. Vào giữa thế-kỷ 19, quan-niệm về vũ-trụ theo Thiên-chúa-giáo hình như lỗi thời, thì trong vũ-trụ với ba vô cùng của Teilhard, Thiên-chúa-giáo có thể xem là tôn-giáo cấp-tiến nhất.

Ô. Nguyễn-văn-Ái trong phần giới-thiệu tư-tưởng Teilhard chỉ có 12 trang, tất nhiên không thể nói đông dài về những khía-cạnh khác của công-trình Teilhard. Trong phần tài-liệu rất hữu-ích, soạn-giả cũng phải hạn số bài trích dịch; chỉ có hai bài được chọn, Ý nghĩa chiến tranh (trong *L'activation de l'énergie*, Hoạt-động hóa năng-lượng), Thánh-lễ về thế-giới (trong *Hymne de l'univers*-Ca vịnh về vũ-trụ). Thật tiếc soạn-giả không có chỗ đề hiễn cho độc-giả nhiều tài-liệu hơn. Vẫn biết tác-văn nào của Teilhard cũng đáng được dịch và giới-thiệu, ngay cả những đoạn văn ngắn Teilhard ghi lại trong khi ông đi đào đất ở Trung-Hoa hay Ấn-Độ hay những bức thư tâm tình gửi cho thân thuộc bạn bè, đều có giá trị hoặc cho những nhận xét mới lạ về sự thật, hoặc kích thích tâm hồn người đọc với những ý tứ thâm thúy và lạc-quan. Nhưng thật tiếc ô Nguyễn văn Ái không cho vài trang của cuốn sách chính *Le phénomène humain* (Hiện-tượng con người) hay ít ra, bản toát-yếu mà Teilhard đã hiễn cuốn sách ấy, trong đó tác-giả trình bày yếu-tính của hiện-tượng và cho thấy



những khả năng hòa hợp khoa-học với đức-tin.

Sách *Hiện-tượng con người* Teilhard đã soạn trong hai năm 1938 đến 1940 rồi được bổ chính vào năm 1947-1948. Sách ấy chiếm địa-vị quan trọng trong tất cả tác-phẩm của Teilhard, không chỉ vì lượng mà vì căn bản phong phú, vạch đường cho những suy tư nối tiếp, có thể thu hút thiện-cảm hay chú-ý của nhiều độc-giả. Xét về phương diện khác, thì cuốn *Le milieu divin* (Môi-trường Thiên-Chúa), tuy mỏng hơn, mới là cuốn quan-trọng đối với Teilhard, và là trung-tâm tư-tưởng của ông. Nhưng *Hiện-tượng con người* là sự đóng góp lớn lao cho một hiện-tượng-luận về vũ-trụ. Teilhard muốn người ta xem sách ấy không phải là một sách triết-lý tổng-quát, một sách về siêu-hình hay thần-học mà chỉ là một tường-trình khoa-học. Chính sách ấy đã gạt bỏ những thành kiến về sự ly khai giữa khoa-học và đức-tin. Sách cho thấy rằng những sự sai lầm và thái-độ sợ hãi đối với vật-chất, đối với thuyết duy-vật, cũng có thể vượt qua khỏi, dùng đến được, để đi đến một tổng hợp hữu lý và năng-dụng. Sách đưa lại một niềm hi-vọng cho những người băng khuáng về thời-đại muốn tìm cách giải quyết những mâu-thuẫn và xung-đột uy hiếp tương-lai nhân-loại. Đối với những kẻ có đức-tin thường sẵn ác-cảm đối với những phát-minh khoa-học, đối với những học-thuyết như tiến-hóa-luận, vì nghĩ rằng bao nhiêu điều ấy nguy hại cho đức-tin mình, thì học-thuyết Teilhard, xuyên qua sách *Hiện-tượng con*

*người* và những tác-phẩm khác (như *L'apparition de l'homme*, Sự xuất hiện con người, *La vision du passé*; Nhìn quá-khứ) có thể làm cho vững tâm; không có gì tương phản giữa đức-tin và lý-trí con người cả.

Đề bổ sung phần giới thiệu tư-tưởng và phần tài-liệu, Ông Nguyễn văn Ái đã có sáng-kiến thật hay là thêm một phần khá đầy đủ, thu góp những phê-bình chính của các giới. Vì Teilhard đã tự đặt tư-tưởng mình vào một vị-trí không an-thích chút nào. Ông đã làm chấn-động dư-luận thế-giới và bất cứ phía nào người ta cũng tìm ra được điều để chỉ trích và than phiền. Những lãnh-tụ đoàn-thể và chính-trị, những người theo Marx, những triết-gia, những nhà thần-học, tin-lành hay công-giáo, những nhà khoa-học nữa, không giới nào có thể làm ngơ trước hiện-tượng Teilhard được. (Cho những ai muốn dựa vào khoa-học để chống lại thuyết Teilhard nếu cần, chúng tôi xin giới thiệu hai cuốn sách gần đây của Bác-sĩ Vernet: *La grande illusion de Teilhard de Chardin*, và *Vernet contre Teilhard de Chardin*, Gedalge, Paris, 1965.) Chính trong giới công-giáo, sự chống đối đã quyết liệt hơn hết. Ô. Nguyễn văn Ái không dấu diếm trong sách ông những phản ứng trái ngược nhau trong giới này, những phản ứng đượm màu sắc đam mê nồng nhiệt hơn đâu bởi lẽ dễ hiểu là họ quá tha thiết đến Sự Thật. Không lâu lắm, chừng mười mấy năm trước thôi, người ta đã nghi cho Teilhard là *đổi đạo* hay *giáo*

*giau* ; nay trong giáo-phẩm đã có vị cho Teilhard là một người con làm rạng danh Giáo-Hội ! Có dư-luận tiên-đoán rằng, với thời-gian, với sự phán xét bình tĩnh và công bình, với sự biến-đổi của môi-trường xã-hội, người ta sẽ công-nhận giá-trị tư-tưởng Teilhard, đã nhắc đến sự cần thiết tìm lại Trần-Thế và thu thập Vũ-trụ.

Marx (trong Luận-đề thứ hai về Feuerbach) có viết một câu lừng danh : « Bấy lâu những triết-gia chỉ giải thích thế này thế khác về đời ; bây giờ chính là lúc phải biến đổi đời đi ». Những người theo Teilhard chắc hẳn không cần phải từ khước lời ấy, vì chấp nhận rằng đời phải được thay đổi và xây dựng nhưng thay đổi theo một đường hướng được linh hội rồi.

Từ quan-diểm ấy, không còn thấy Marx ghê gớm và linh thiêng nữa. Như ông Nguyễn văn Ai viết : « Đứng trước tư tưởng của Teilhard, học-thuyết của Karl Marx đã trở thành lỗi thời » (tr. 36) Ông thuật lại ý nghĩ của Léopold Senghor (tổng-thống Cộng-Hòa Sénégal và nhân-viên trong ban bảo-trợ việc xuất bản tác phẩm Teilhard) trình bày tại sao Ông đã bỏ học-thuyết Marx và dùng tư-tưởng Teilhard để xây dựng một thuyết xã-hội Phi-châu. Ô. Senghor trách Marx đã quên tầm thước vũ-trụ của con người, đã chỉ chú trọng tới một phần của nhân loại, tới một giai-cấp, và đã giảm giá sự kiện tôn-giáo, rất quan-trọng đối với người Phi-châu.

Như thế, đối với những người theo-Marx nhưng còn đủ tự-do tinh-thần (và

tự-do thể xác) đề đặt lại vấn-đề Marx, có được một tâm hồn cởi mở, chấp nhận sự đối-thoại ích lợi cho sự đến gần chân-lý, thì tư-tưởng phong phú của Teilhard đáng được xét đến.

Cũng như Marx, Teilhard đã dựa trên những chủ-đề khoa-học mới mẻ nhất để đặt hệ-thống tư-tưởng, tuy rằng, theo ý chúng tôi, hệ-thống Teilhard chưa xây dựng được chu toàn. Cũng như Marx, Teilhard đã đề nghị một cái nhìn lịch-sử về con người, dựa trên căn-bản thuyết tiến hóa. Đối với Teilhard cũng như đối với Marx, con người là tiến-hóa đã ý-thức được chính mình.

Duy về tổng-hợp thì khác nhau, thu hẹp trong bộ ba Thiên-nhiên — Con Người và Xã-hội, còn tổng-hợp của Teilhard là: *Vũ-trụ Con người và Thiên-Chúa*. Điểm cuối cùng của tiến-hóa theo Marx là con người hết vong-thân và sự thỏa-mãn toàn vẹn những nhu-cầu con người. Điểm cuối cùng theo Teilhard là điểm *Oméga*, nơi toàn-hợp Vũ-trụ vào Thiên-Chúa. Thay vì dùng giai-cấp đấu-tranh, thay vì khai thác hận-thù, ganh-tị, làm động cơ thúc-đẩy sự tiến tới, Teilhard dùng làm động-cơ, *tình yêu giữa người và người*.

Biện-chứng quá quen của Marx đã được thay thế bằng một biện-chứng khác. Thiên-nhiên biện-chứng của Teilhard là *Tán-Tụ-Thăng* (Phân-tán, Hội-tụ và Lộ-xuất — Divergence — Convergence — Emergence). Ô. Nguyễn văn Ai đã tóm tắt biện-chứng ấy như sau : « Ở mỗi mực-độ của sự-vật, thấy có một khuynh-

hướng về phân-tán để tạo ra một đa-số mới, một loại nguyên-liệu thứ hai. Đa-số mới này sẽ chịu ảnh hưởng của những sự sắp-xếp thống-nhất về tổng-hợp. Sự sắp-xếp tổng-hợp là một tăng-tiến về nội-tâm, tự đó sẽ xuất-hiện những tính-chất không thể dự-đoán trước. Khi tới một mực-độ phối-hợp gay-cấn, *một cái gì* không thể phân-hóa được với các phần tử khác, sẽ lộ-xuất ra trong một trật-tự mới. Tự đó, lại có một đặc tính mới. » (tr. 40)

Học-thuyết của Marx và tư tưởng của Teilhard lại gặp nhau, không phải nơi cứu cánh, mà nơi nhiệm-vụ trực-tiếp và hiện-thời. Trong một bức thư năm 1939 Teilhard đã viết :

« Những người Ki-Tô giáo truyền thống nói : Hãy đợi chờ Ki-Tô trở lại. Những người theo—Marx trả lời : Hãy hoàn-thành thế-giới. Và cuối cùng những người Ki-Tô giáo của ngày mai nghĩ : Muốn cho Ki-Tô có thể tới, bắt buộc chúng ta phải làm xong và hoàn tất thế-giới. »

x x x

Trong việc tìm hiểu về Teilhard, chúng ta tiếc không được biết nhiều về con đường tư-duy của ông ta, mà cũng tiếc, xuyên qua những sách vở giấy tờ ông để lại, không thấy Teilhard nhắc đến những công-trình các bậc tiền-bổ; hay đồng thời đã đưa ông đến một quan niệm tổng hợp xem là mới lạ, ấy.

Có lẽ Teilhard đã lựa chọn hay đành chịu lối cô-đơn, không muốn dựa vào danh-vọng có sẵn của một ai, hay vì sự

quả quyết của mình mới là một giả-thuyết cần minh-chứng thêm nữa, nên không muốn lôi cuốn một ai trong sự thất bại của mình nếu có thất bại, hay buộc một ai phải chịu lấy sự nghi ngờ hay cảnh thờ-ơ mà Teilhard suốt đời đã phải chịu đựng.

Ngoài Bergson, hình như chẳng có nhà tư-tưởng nào được Teilhard xem trọng. Nếu ông nhắc đến nhà sinh-vật học Julian Huxley, thì chỉ nhắc cho biết rằng nhà khoa-học vô thần ấy có nhận xét đứng đắn về giá-trị đặc biệt của con người (xem *Uniqueness of man*, Chatto and Windus, London, 1941), không thể xem đó là một ảnh-hưởng. Nhưng nội-dung tư-tưởng Teilhard cũng để cho thấy một đôi dấu vết những tìm tòi của thời-đại. Có lẽ nào ông không lưu-ý đến chủ-trương của Lawrence J. Henderson, đã đưa sinh-hoạt-thuyết tan hòa trong mục-đích-học, hay không biết đến giả-thuyết của A.I. Oparin về nguồn gốc sự Sống trên địa-cầu ? Có lẽ nào ông đã không tìm ít nhiều ý-hướng trong triết-lý duy-cơ của Whitehead ?

Chúng ta cũng ngạc nhiên khi chẳng thấy Teilhard, là người có sống lâu ở Trung-Hoa và Ấn-độ, lại không thấu

## BÁO

— Nghiên-cứu Việt-Nam Số 2  
Hè 66, cơ quan khảo luận văn hóa dân tộc, hội sống ngày nay do Lê-văn-Hảo chủ trương. Báo in ronéo, 21 X 27, dày 100 trang, in 2 mặt, gồm các bài của Nguyễn-Bạt-Tụy, Trần-văn-Khê, Bửu Cầm, Trần-văn Toàn, Lê-văn-Hảo, Thuần-Phong. Giá 40 đ.

lượng đôi điều gì trong những tư tưởng và học-thuyết Đông-phương. Teilhard công nhận văn-minh Trung-Hoa thời cổ thật tế-nhi đặc-biệt, nhưng ông cho văn-minh ấy không hề thay đổi phương pháp của nghìn xưa; ngay giữa thế kỷ 19 mà vẫn còn thuộc thời-đại tân-thạch-khi, không hồi-xuân được như ở những miền khác đồng thời, mà chỉ trở nên phức-tạp trên một bình-diện mà thôi, như thế là không thoát khỏi đất mênh mông phát sinh ra văn-minh ấy được. Còn Ấn-độ, theo ông, đã mê mẩn trong siêu-hình-học. Teilhard nói: « Chúng ta không quên ảnh-hưởng thần-bí rất lớn mà mỗi người trong chúng ta trước kia đã nhận được từ nơi phản-phong (anti-cyclone) ấy. Nhưng dù cho những trào-lưu đó đủ hiệu-năng để làm thanh-khiết không khí của nhân-loại, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng, vì quá thụ-động và quá siêu-thoát, những trào-lưu ấy không đủ sức để xây dựng thế-gian.» (*Le phénomène humain*, Seuil, Paris, 1955. 233-234).

Nhiều nghi-vấn khác có thể đến với người đọc Teilhard. Nhưng chỉ nên nhớ Teilhard mới vạch ra đại-cương của một đường hướng. Còn biết bao công việc đang chờ những người tiếp-nhận sáng-kiến của Teilhard, để tìm ra phương sách áp-dụng và thực-hiện, trong mọi chi-tiết, sự hòa-hợp vô cùng hữu-ích và đáng ước mong của khoa học và đức-tin, với cái nhìn vũ-trụ xuyên không-gian và thời-gian.

CUNG GIỮ NGUYỄN

## SÁCH MỚI

Bách Khoa Thời Đại đã nhận được :

— **Xây dựng hạnh phúc cho mình và cho người**, nguyên tác « *You are not the target* » của bà Laura Archera Huxley, bản dịch của Nguyễn-Hiến-Lê, do Tao-Đàn xuất-bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 326 trang. Giá 90đ.

— **Maria kẻ đã tin** nguyên-tác của Karl Rahner, bản dịch của : Cao-đăng-Minh, Bùi-văn-Thanh, Lê-thạch-Khả, Nguyễn-văn-Nghi, Nguyễn-quang-Toàn do Trao Đổi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 144 trang. Giá 30đ.

— **Hội thánh trong thế-giới ngày nay** do Trao-Đổi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 115 trang, Giá 20đ.

— **Poems and Short stories** do Trung tâm Văn bút V.N. phiên dịch một số thơ và truyện Việt - Nam ra Anh ngữ và Pháp ngữ, Nguyệt-san Tin-sách ấn-hành, ông Chủ-tịch nhóm Bút Việt gửi tặng. Sách dày 272 trang, Giá 100đ.

— **Sứ địa số 2** (tháng 4, 5, 6 — 1966) tam cá nguyệt san, do một nhóm giáo sư, sinh viên Đại-học Sư-phạm Saigon chủ-trương, nhà sách Khai-Trí bảo trợ. Tập san dày 120 trang, Giá bán 20đ.

## Cuộc phiêu-lưu của hình-thể trong hội-họa

So với màu sắc thì hình-thể trong hội họa đã chịu nhiều biến đổi quan trọng.

Trước hết, với một quan niệm đơn giản nhất, vai trò của hình thể trong tranh là cố cho giống với hình thể thiên nhiên sự vật. Đó là loại hình thể đề tài. Trường hợp hình thể ở loại tranh *tả cảnh* của các *paysagistes*. Gọi là hình thể đề tài, vì nó sao chép đúng sự thật thiên nhiên; và bởi vậy mà nó sao chép lại cả ý nghĩa cùng vẻ thơ mộng sẵn có ở thiên nhiên sự vật. (ở đề tài)

Những hình thể vẽ ở trong bức tranh là những hình thể đã có thật ở thiên nhiên, họa sĩ không thêm bớt chỉ mong ghi chép thật đúng với đề tài. Bức tranh chỉ còn là một tấm gương soi, phản chiếu sự vật. Giá trị của nó ràng buộc và lệ thuộc phong cảnh có thực, như một tấm hình chụp. Cái xấu hay cái đẹp là tùy ở phong cảnh cho bức tranh. Ý nghĩa hoặc một vẻ thơ mộng nào đó mà người xem tranh nhận thấy ở bức họa là cái ý nghĩa và là vẻ thơ mộng chính

thực đã có từ trước, ở ngoài tác phẩm. Họa sĩ không sáng tạo mà mượn tạm để đưa vào tranh.

Những bức vẽ chân dung *tả người* của các *portraitistes* cùng một tinh thần trên, chỉ có đề tài thay đổi. Cái đẹp nếu có, chỉ là cái đẹp do từ người ngồi làm mẫu đẹp. (cái đẹp hiểu theo nghĩa thông thường người trong tranh đẹp chứ không phải bức tranh đẹp). Cái giá trị của bức họa cũng chỉ là cái giá trị lệ thuộc vào người mẫu đẹp.

Ở hình thức loại tranh *kể chuyện*, thì hình thể được xử dụng như một thứ văn tự, thay cho lời nói. Hình thể chỉ còn có tinh chất của một thứ ký hiệu dùng để minh họa và giải thích câu chuyện. Hình thể tự nó mất hết ý nghĩa nếu đem tách khỏi câu chuyện. Ở đây câu chuyện là chính và nó chi phối hình thể. Trường hợp của loại tranh *tả về chiến trận, lịch sử, thần thoại có chủ đề*)

Một vẻ đẹp trong thiên nhiên, một ý tưởng sẵn có lấy một câu chuyện đã

xảy ra dù có được vẽ lại thật trung thành thì cũng chỉ là ghi chép bằng hình thể ; không phải là công việc của sáng tạo.

Vai trò của hình thể trong một bức tranh, không những phải tạo ra một ý tứ nghệ thuật mà còn phải làm tròn công việc trang trí nữa. Sự trang trí ở đây không tách rời ý nghĩa của tác phẩm. Nó sẽ trở nên vô ích nếu làm sai lệch hoặc phá hủy ý nghĩa ở tác phẩm.

Cái đẹp không thể tách rời khỏi nội dung họa phẩm, và nếu có làm được thì nó sẽ trở nên vô nghĩa (trường hợp loại tranh trang trí.)

Rất đầu từ Cézanne hình thể trong hội họa có xu hướng bị tách rời khỏi đề tài. Ông ta là người đầu tiên đã nói lên ý đó. Về sau được môn phái lập thể hết sức khai thác. Trước Cézanne hầu hết các họa phẩm đều thuộc loại có hình thể đề tài. Sau Cézanne hình thể bắt đầu thoát ly đề tài thiên nhiên ; vươn tới những hình thể thuần túy (forme pure) có thể gọi là hình thức *hình thể hình thể*. Một thứ hình thể do họa sĩ chế tạo ra không dựa vào thiên nhiên. Cézanne nhận thấy hình thể mất một phần tự do nếu tùy thuộc vào thiên nhiên ông chủ trương phải giải phóng cho hình thể để trả lại cái tự do cho nó và nhờ vậy nó được thuần khiết hơn. Nhưng tranh của ông còn cho thấy có nhiều do dự và lúng túng. Đáng lẽ giải thoát cho hình thể khỏi cái khung sự vật, thì ông lại đóng khung sự vật bằng hình thể.

Matisse cũng có cùng một ý nghĩ về sự làm cho hình thể thuần khiết hơn. Nhưng bằng đường lối thực hiện khác. Ông nói « Cô đặc ý nghĩa của một vật thể bằng cách gạt lọc để gửi lại những đường nét chính yếu và cần thiết »

Rất nhiều người đã hiểu nhầm Cézanne, nên đã kết luận : « Hình thể thuần khiết của một trái táo là hình tròn và hình thể thuần khiết của một chiếc lá là hình thoi. »

Sự thực không phải như vậy. Hình thể trong hội họa, không dùng như một ký hiệu (signe) hay biểu-tượng (symbole) cho một đồ vật, một ý nghĩa.

Con đường đi tìm một ý nghĩa nếu không phải từ cái vỏ bên ngoài của sự vật, thì cũng không hẳn từ bên trong sự vật mà ra. Nó là sự bao gồm toàn thể cả một không gian bao quanh sự vật ; không thể là một mảnh nhỏ của sự vật. Con đường của nghệ-thuật không phải là con đường của khoa học hay triết-học. Gạt lọc hình thể sự vật, không phải là giản dị hóa các đường nét trong tranh hay tìm cách phá vỡ sự vật để nhặt lấy một mảnh nhỏ nhất.

Hình-thể thuần-khiết và chân thật nhất của sự vật đôi khi lại là những hình ảnh phức tạp nhất của đường nét. Mỗi nghệ sĩ phải tự tìm lấy một cách nhìn riêng, một cách-thức thể-hiện riêng để đạt tới đích.

Qua các họa-phẩm của Cézanne và Matisse, chúng ta nhận thấy các hình

thề trong tranh của họ chưa thoát hẳn khỏi hình-thề đề-tài cho đến Picasso «thời kỳ Les Demoiselles d'Avignon» cũng chỉ tìm cách làm biến dạng các hình-thề đề-tài. Thời-kỳ trừu-tượng mới thực sự là thời-kỳ hình-thể đề-tài được xóa bỏ dứt khoát. (Không kể trong đó có những nhóm vẫn pha trộn hình-thề đề-tài và hình thề thuần-túy như Gromaire, Fernard Dufour, Dubuffet Hình thức hội họa của nhóm này chỉ có thể coi như là những bào-thai của trừu-tượng).

Đó là giai-đoạn hiện-thời của nền nghệ-thuật hội-họa trừu-tượng vô-hình-dung. (abstrait non figuratif.) Thời-kỳ này chính ra phải gọi là thời-kỳ hình thể vì hình-thể hoặc hình-thể thuần-túy. Người ta không tìm thấy hình-thề cây cỏ, con người hay đồ vật trong những bức họa trừu tượng vô-hình-dung. Để thay thế cho những hình-thề đề-tài. Có nhóm chế-tạo lấy những hình-thề mới lạ có nhóm chỉ dùng đường nét, nhóm khác dùng màu sắc và có những nhóm chuyên dùng những chấm những điểm những vệt màu. Ngoài ra thể chất của vật-thề được chú trọng khai thác triệt-đề như một vật-liệu diễn đạt hữu-hiệu. Nổi bật hơn hết là sự tìm kiếm một không gian mới. Không gian mới ở đây theo xu hướng trừu-tượng là một không gian của hội họa không phải là thứ không gian đánh lừa luật viễn-cận (perspective) và cũng không phải là thứ không gian mặt phẳng của lập thể.

Đó là thứ không tưởng tượng thuần túy một thứ không gian cảm thấy chứ không chứng minh. Tóm lại tất cả hình thức kỹ thuật của trừu-tượng không ngoài mục đích loại bỏ hình thề đề tài ra khỏi hội họa. Vẽ một đồ vật theo cái nhìn, hay sự hiểu biết bị coi như làm hội họa ngoài hội họa Xu hướng trừu tượng không tìm kiếm chân lý sự vật theo hiện thực của thị giác, cũng từ chối luôn cái hiện thực của khái niệm. Họ không chấp nhận vai trò của hình-thề chỉ là một tấm gương soi phản chiếu hình-thề sự vật, phản chiếu một ý nghĩa. Nó cũng không ghi chép diễn đạt mà phải tạo ra ý nghĩa và chính nó phải là ý nghĩa (1) Tách rời hình thề khỏi đồ vật là đồng thời tách rời hình thề khỏi đề tài. Để tìm một hình thề tinh khôi, thuần khiết tự nó đứng đơn độc, (không cần cái hiện thực của sự vật) mà cũng có thể tạo một ý nghĩ cho mình. Sự mong muốn đẹp đẽ đó, không ngoài mục đích trả lại cho nghệ thuật cái hội họa ngôn ngữ đích thực của nó, đem nó trở về con đường hội họa thuần-túy, không phải thứ hội họa mua

---

Họa sĩ c ì tạo ra hình thề rồi hình thề tự tạo lấy ý nghĩa, Người vẽ tranh không đem một ý nghĩa sẵn có từ ngoài gắn vào. Như vậy thì chính người xem tranh cũng không có quyền gán đại một ý nghĩa nào đó vào bức họa mà phải nhận cái ý nghĩa của họa phẩm tỏa chiếu tới mình Phóng trào làm cho các hình thề đồ vật «chuyển động thực sự» bằng một động cơ, cũng là do ý nghĩ ở trên; sẽ đề cập tới trong một bài khác.

hui, giải trí cũng không phải thứ C  
 hội họa triết học, hội họa khoa học.  
 Cái ý niệm mới mẻ về hình thể đó, nếu  
 trong phần thức hiện đã tạo ra được  
 một số ít họa phẩm trừu tượng đầy đủ  
 giá trị nghệ thuật thì cũng chưa thuyết  
 phục nổi những nhóm nghệ sĩ tiến sau.  
 Nhóm này lý luận : nếu bảo rằng hình  
 thể đề tài thường làm sai lạc ý nghĩa  
 của bức họa, thì hình thể thuần túy còn  
 gây ra nhiều sự lăm lẩn hơn. Sự sai  
 lạc nếu có, là do ở chỗ không làm mới  
 được đề tài, chứ không phải ở đề tài,  
 ở đồ vật. Một cái ghế thực nếu nhìn  
 và nghĩ theo một chiều hướng nào đó,  
 thì cái ghế sẽ chẳng phải là cái ghế nữa.  
 Họ kết luận : không cần thiết đi tìm  
 những hình thể ở gần sự vật thiên  
 nhiên để tạo được những ý-nghĩa mới.  
 Hình thể và ý nghĩa nằm chính trong sự  
 vật thiên nhiên, không thể tìm và tạo  
 ra ngoài thiên nhiên. Nếu thất bại là bởi  
 chưa nắm kỹ hình thể thiên nhiên,  
 chứ không phải là tại đã bắt chước và  
 sao chép quá đúng với sự vật.

Và chẳng trong cố gắng tách rời hình  
 thể khỏi đề tài, người ta đã không hiểu  
 rằng : hình-thể, hay đề tài chỉ là những  
 nguyên-liệu đề sáng tác. Không thể coi  
 hơn thế được.

Khởi từ nhận thức đó, một trào lưu  
 mới về nghệ thuật tạo hình ra đời. Đó  
 là phong trào dùng chính đồ vật thực  
 đề gắn lên bức họa. Người ta đã thấy  
 những bức của Daniel Spoerri dùng lon  
 sữa bò, soong, giấy điện v.v.. gắn lên.

Còn Arman thì dùng những bao thuốc  
 lá sắp xếp đủ chiều đề tạo thành một  
 bức tranh. Cùng với loại này còn có  
 loại tranh làm cho các đồ vật chuyển  
 động. Thực ra khó mà có thể gọi được  
 những công trình đó là một bức họa,  
 bởi nó gần với điêu khắc hơn là hội  
 họa.

Qua nhiều biến đổi quan trọng, hình  
 thể trong hội họa hẳn nhiên đã làm  
 một cuộc phiêu lưu sôi nổi nhất so  
 với đường nét và màu sắc ; đề rồi  
 cuối cùng được trả về cho sự vật  
 thiên nhiên.

Nhưng trả về với một ý thức mới :  
 nếu không phải là sự khoác vào hình  
 thể một ý nghĩa của thiên nhiên sự  
 vật sẵn có, thì cũng không phải là sự  
 tách rời nó khỏi ý nghĩa sẽ có.

Một hình-thể trong tranh dù cố gắng  
 sao chép, làm giống sự vật thiên nhiên  
 đến đâu, thì cũng không phải là chính  
 sự vật. Một cái ghế vẽ chẳng bao giờ  
 có thể là một cái ghế thực. Từ những  
 đường nét dùng bút lông để vẽ đến các  
 đường nét nhìn thấy ở đồ vật, từ màu  
 sắc do các ống sơn bôi phết lên họa  
 phẩm đến màu sắc của một chiếc lá cây  
 ở thiên nhiên biết bao là khác biệt ; ở  
 giữa cái thực và cái giả. Người đàn  
 bà đẹp trong tranh chưa hề gây  
 nên nhầm lẫn, để quyến rũ được một  
 kẻ si tình.

Cái ý muốn dùng chính ngay đồ vật  
 thay cho nét vẽ, màu sơn để tạo thành  
 bức họa cũng không hẳn là hoàn toàn



phi lý và mới lạ (2) một thiên nhiên thu nhỏ trong một hòn non bộ cũng được coi là một bức họa từ lâu. Một bãi biển, một nương dâu nếu mang ý nghĩa của sự đời thì chắc hẳn chẳng còn ý nghĩa của một thiên nhiên hiện thực đang có. Cái ý muốn rút tên từ quang không ra những hình thể chưa hề có, là một ý muốn sáng tạo toàn vẹn, và cũng là cái ý định trở nên một Thượng-Đế toàn năng. Cái tự do tuyệt đối, mà người nghệ sĩ hằng ao ước, không bao giờ có được. Hẳn còn nhiều ràng buộc với cuộc đời, với trái đất. Hẳn chỉ có thể là Thượng-Đế có một nửa. Chính hẳn đã không thấy rõ sự bất lực của mình ngay ở cuộc phiêu lưu trong công việc sáng tác. Từ ý nghĩ khởi đầu cho đến khi hoàn tất tác phẩm đã có bao nhiêu thay đổi bất ngờ mà hẳn không hoàn toàn làm chủ. Chỉ khi nét bút cuối cùng vừa chấm dứt thì đồng thời hẳn mới nhận được ý nghĩa của tác phẩm. Ý nghĩa ở đây không có tính chất một lời giải thích một sự truyền đạt mà chỉ là một cảm thông; tỏa chiếu ra từ toàn thể họa-phẩm. Cái ý-nghĩa được tạo ra chỉ là do công phu của hẳn có một nửa. Và hẳn khao khát mong ước người thưởng ngoạn ít ra cũng nhận được cái phần nửa đó.

Hình-thể đề-tài hay hình thể thuần túy cho đến cả các đồ vật có thực, tự chúng nó nếu có một ý nghĩa nào chẳng nữa thì cũng chỉ là một ý nghĩa không thường, chưa phải là một ý tứ

nghệ thuật. Hình thể, đường nét và màu sắc trong tranh chỉ có nghĩa, khi đã được xếp đặt theo một trật tự nào đó. Một mảnh tường cũ hay một cái palette đầy màu sắc không có thể trở thành một bức họa có giá trị nghệ-thuật.

Nghệ thuật không cấu thành bởi sự hỗn loạn vô trật tự và cũng không phải do tình cờ và sự dễ dãi.

Hình thể sự vật thiên nhiên không phải là những trở ngại cần loại bỏ; sáng tạo không phải là loại bỏ những trở ngại, mà là một sự vượt qua các trở ngại. Người nghệ-sĩ trong công việc sáng tác đã gặp biết bao nhiêu trở ngại: của lý thuyết và kỹ thuật, của những luật lệ và thành kiến, của lý trí và tình cảm, của lý tưởng và thực tại của cả bên trong lẫn bên ngoài. Tất cả những những điều đó nếu có trở ngại thì cũng là những trở ngại cần thiết; níu kéo người nghệ-sĩ lại với thế giới con người. Hẳn sáng tác là để vượt qua các trở ngại đó hơn là để diễn đạt. Trở ngại bị xóa bỏ thì không còn sáng tác. Hẳn sẽ ngang nhiên nằm nghỉ ngơi như một Thượng-Đế để vẽ ra những tác phẩm vô hình.

## THÁI TUẤN

2) Trường hợp nhóm POP ART hiện đang phát triển mạnh. Chủ trương hội họa không cần vẽ, lấy ngay đồ vật để tạo thành họa phẩm. Giống với hình thức chơi hòn non bộ của các cụ già Việt Nam. Như vậy thì chính các cụ mới là kẻ khai sáng ra phong trào này từ lâu.

# NÓI VỚI KHIẾT

Chú cúi đầu bên quan tài nhỏ bé  
Gió đông đưa vờn ánh nến chập chờn  
Mẹ cháu khóc rã rời đôi mắt lệ  
Tiếng ghen ngào kể lẽ những nguồn cơn  
Xe đi chậm đường mưa bay trận nhỏ  
Cháu có nhìn chiều vĩnh biệt — Khiết ơi ?  
Quê hương mình tiêu điều như thế đó  
Những hàng cây xơ ngọn đứng đo trời  
Nhà cửa dọc xóm buồn đen rạ mái  
Nếp xo ro trên cát bùn thâm màu  
Lũ con nít ngưng nô đùa, ái ngại  
Trỏ lá cờ tang ngơ ngẩn nhìn nhau  
Bạn cháu đó phải không nào... Khiết hỡi ?  
Quần trăm manh áo trẻ nửa vai gầy  
Đất nước ngày mai sau nhiều mong đợi  
Ói đám chiến chiến có biết chãng đây ?  
Vùng nghĩa địa hàng hàng bia mộ trắng  
Nín im hơi đón bước cháu xin vào  
Chú thấy cả bầu trời sa xuống nặng  
Cho bản kính cầu cất bổng lên cao  
Vớی nắm đất gieo sâu vào đáy huyết  
Chú ngậm ngùi từ giã cháu yêu thương  
Thôi riu rít, thôi nũng hờn, thôi... Khiết  
Có còn chi đâu giữa giấc miên trường !  
Mẹ cháu vẫn khóc gào trên đất lạnh  
Cha cháu rưng rưng vun nhẹ năm mồ  
Tội nghiệp con chim chưa đầy lông cánh  
Giọng hát chưa tròn âm hưởng bì bô !  
Chú biết nói gì giờ đây hỡi cháu ?  
Lìa cung môi là sáo ngữ vô hồn  
Xin hãy cắt cho ruột mình chảy máu  
Đề tiếng lòng chân thật thiết tha hơn...

NGUYỄN

ĐỌC SÁCH (2)

# PHẬT GIÁO hay CỘNG SẢN

lực-lượng nào nắm giữ tương-lai Châu Á

Tác giả : ERNST BENZ

Dịch giả : RICHARD & CLARA WILSON

(Xin xem B. K. T. D. từ số 228)

## B — PHẬT-GIÁO PHỤC-HƯNG



### 1) Phật giáo phục hưng tại Ấn-Độ

Sự tái-sinh của Phật-giáo hiện-đại không bắt nguồn từ ở Ấn Độ, mà ở Miến Điện và Tích Lan. Thế nhưng những biểu-hiện đặc thù nhất của Phật giáo phục-hưng đã xuất-hiện tại đất Ấn.

Đặc thù, vì sau hàng ngàn năm bị gần như tận-diệt bởi Ấn-độ giáo, đạo Phật đã được những nhân vật số một của Ấn đề cao ; coi đức Phật như một nhà « cải cách Bà-La-Môn giáo » (1), như một nhà « cách mạng xã hội » (2), dùng chủ trương « bất bạo động » (ahimsa) của đạo Phật làm vũ-khí tranh-đấu chống thực dân; lấy sự phủ nhận kỳ thị chủng tộc và đẳng cấp của đạo Phật làm căn-bản cho xã-hội mới của Ấn và ghi hẳn điều vừa kể vào Hiến-pháp ; đặt bánh xe Pháp-luân vào quốc-kỳ và quốc-huy ; dùng biểu hiệu « kinh đô sư tử » của vị vua theo đạo Phật Ashoka làm quốc-án ; và giòng thông-điệp « dharmacakra-pravarttanàya » được uốn bằng ống néon bật sáng rõ ràng trên bức tường phía

(1) Nhận định của Radakrishnan

(2) Nhận định của Gandhi

trên nơi an vị của Tổng-thống Cộng-hòa Ấn-độ cũng như tại Nghị-viện Ấn.

Đặc-thù, vì công cuộc phục-hưng đạo Phật tại Ấn-độ không do các nhóm Phật tử còn sót lại tại vùng Tây Bengal, Sik-kim, Bhutan và Nepal khởi xướng mà lại do ba người ngoại quốc trong đó có hai người Tây phương (Sir Edwin, Arnold, Đại-tá Henry Steel Olcott và David Hewavitarane người Tích Lan) cả ba người đều là tín đồ Ki-Tô giáo quy-y Phật.

Đặc thù là vì quần-chúng đông-đảo của Phật-giáo phục-hưng Ấn thuộc giai-cấp tiện-dân và địa-bàn phát-triển của nó là một xã-hội đang chuyển biến từ nông nghiệp sang kỹ-nghệ. Thế nên nó phải cố thích ứng với nhu-cầu đặc biệt của một giai cấp từ xưa đến nay bị bỏ bê và khinh-bỉ, và đồng thời cố theo kịp chuyển biến của tình-trạng kinh-tế Ấn.

xXx

Người góp công đầu trong công-cuộc phục-hưng đạo Phật là một thanh-niên quý tộc Tích-Lan David Hewavitarane, tín-đồ Ki-tô giáo quy-y Phật. Ông đã trở về với «đạo của dân tộc» vì chịu ảnh hưởng của Đại tá Hoa kỳ Olcott và ông đã bỏ hết cuộc đời vào việc thực hiện cái cao vọng do Đại-tá Olcott nhen nhúm trong tâm-khảm : « thức tỉnh Phật-giáo khỏi lớp vỏ mục rữa và lãnh-đạm. » Bỏ tất cả — gia-đình, họ hàng, bản quán... — lấy tên là Anàgàrika Dharmapàla (1) ông đi hết làng nọ sang làng kia kêu gọi

dân quê trở về với giáo-lý của Phật-Đà. Năm 1891 ông lập Hội Mahàbodhi dựa vào việc trùng tu chùa chiền tại Bodh Gaya (nơi Phật ngộ đạo) mà liên kết Phật giáo Thế-giới, « làm sống lại giáo-lý của Đức Phật » tại Ấn độ. Năm 1892 lập tờ The Mahà Bodhi and United Buddhist World làm cơ quan liên lạc giữa các Phật tử năm châu và lần đầu tiên đề cập tới chương trình « truyền giáo » sang thế-giới Ki-Tô giáo tại Âu-Mỹ. Về phương diện quốc-tế, Hội gây được ý thức « công đồng » giữa Phật - Tử năm Châu, gây được nhiều cơ sở tại Hoa-kỳ và Đức ; về mặt quốc-nội trong suốt thời gian bị Anh đô hộ, Hội đã kiên trì tranh đấu hô hào « bãi bỏ hệ thống đẳng cấp của Ấn với tất cả những bất công xã-hội do nó gây ra » ; Hội còn tích cực hoạt-động xã-hội, thực-hiện được việc cứu-trợ một số nạn nhân đông đảo trong nạn đói Bengal (1897) suốt một nửa năm, nhờ ở sự đóng góp của Phật tử toàn Thế-giới, « một thành tựu mà cho đến lúc bấy giờ hầu như vượt ngoài khả năng của bất cứ ai, trừ các tổ chức của Ki-Tô giáo » ; nhiều làng mạc hẻo lánh (như Sarnath) được biến thành những trung-tâm kinh-tế và tinh-thần quan-trọng với các thư viện Phật giáo, bệnh viện miễn phí, trường học và trường Sư-Phạm. Về mặt văn-hóa, Hội gây được cả một phong trào phục-hưng tiếng Pali tại các viện Đại-Học Calcutta, Patna, Benares, Bombay,

(1) Anàgàrika có nghĩa là kẻ không nhà.

Lucknow, Nagpur, Poona và Baroda ; dịch kinh điển ra các thổ ngữ Hindi, Tamil, Urdu, Tegulu... làm giới trí thức Ấn lưu tâm đặc biệt đến Phật-giáo và tạo một ảnh hưởng sâu đậm trong sinh-hoạt trí thức nghệ thuật (ảnh hưởng nghệ thuật Ajanta trong trường phái Bengal, ảnh hưởng Phật-giáo trong giới trí thức Ấn — đặc biệt là Tagore và Gandhi).

Năm 1952, dân Ấn đã long trọng cung nghinh xá-lợi của hai vị cao đồ của Đức Thích-ca — Sàriputta và Moggallāna-do viện Bảo-tàng Anh-Quốc trao hoàn, mà theo sự mô tả của tác giả, « chưa một vị anh hùng dân tộc nào tranh đấu cho tự do của Ấn, vừa thoát khỏi cảnh ngục tù Anh Quốc, đã được trọng vọng đến như thế. » Thủ Tướng Ấn và Thủ-Tướng Miến cũng có mặt trong cuộc cung nghinh xá-lợi tại trạm cuối cùng ; Sanchi.

oOo

Nhìn vào lịch sử Phật giáo phục hưng của Ấn, cuộc tranh đấu quyết liệt nhất và cũng là thành quả lớn lao nhất của Phật giáo là việc đòi hủy bỏ hệ thống đẳng cấp do Ấn-độ giáo tạo nên. Đó là một vấn đề xã hội mà chính-trị chịu không giải quyết nổi. Thực vậy, mặc dầu chính phủ Ấn đã ghi hẳn sự đòi hỏi hủy bỏ hệ thống đẳng cấp vào Hiến pháp, mặc dầu những nhà lãnh đạo chính-trị Cộng Hòa Ấn độ đã muốn con dân Ấn không còn phải qui-y Phật mới được hưởng quyền làm người mà một

thuở hệ thống đẳng cấp Ấn đã từng cấm đoán họ và họ chỉ tìm thấy trong giới tăng già Phật-giáo, mặc dầu Gandhi đã kết án : «Chừng nào mà quý vị còn coi một cá-thể là một Tiện dân thì ấy là quý vị phủ-nhận Phật giáo, phủ-nhận nhân loại», mặc dù Gandhi đã mở cửa đền Harijans của Ấn-độ giáo cho các người Tiện-dân bước vào chiêm bái, nhưng tất cả những cái đó không giải quyết được gì trên thực tế, địa-vị của lớp Tiện dân vẫn không nâng cao được chút nào. Và Phật giáo lại một lần nữa chứng tỏ rằng đạo này là cứu cánh duy nhất của sự giải thoát lớp Tiện dân khỏi hệ thống đẳng cấp Bà La Môn.

Alexandra David-Need, một phụ nữ người Âu nổi tiếng trong phong trào Phật giáo phục hưng ở Ấn, đã biện luận rằng Phật giáo có thể vượt được những sự bất công của xã hội Ấn độ mà những tệ đoan xưa của hệ thống đẳng cấp xã hội Ấn đã cấu kết với những tệ đoan hiện tại của chủ nghĩa tư bản Tây phương tạo thành. Anàgàrika Dharmapala, nhà lãnh đạo của Phật giáo Tích Lan phục hưng trong bài nói chuyện «Xã - hội kinh của đức Phật tại Thượng Hải năm 1913, có đoạn đã đề cập tới sự bình-đẳng của con người như sau : «Ngài (Đức Phật) đã đả phá cái quan điểm của những người Bà La Môn và minh chứng rằng cái quan điểm siêu-đẳng về thể-lý (biogenetic superiority) của họ không thể đứng vững được ; vì rằng giữa tế-bào của người Bà La Môn và kẻ Tiện dân không có gì khác biệt ;

Vì rằng sự phân biệt đẳng-cấp là giả tạo...» Trong một bài diễn văn khác tại Bengal ông đã cho rằng bản chất của Phật giáo là đạo-đức xã-hội. Theo ông, Ấn-độ đã tiến bộ lớn lao về chính trị luân lý và trí thức dưới thời vua Ashoka khi Phật giáo là quốc giáo. Sự suy đồi của Ấn độ liên quan trực tiếp đến sự suy vong của Phật giáo và sự trỗi hưng của Bà La Môn. Cái số phận đáng thương của lớp người tiện-dân là một trong những chứng bệnh chính của xứ sở tới chỗ suy vi. Nhân danh đức Phật ông kêu gọi sự tái lập quyền làm người của những kẻ xấu số này.

Tất cả những sự diễn-tả Phật giáo theo quan điểm xã-hội đạo-đức đã trở thành một sự-kiện chính-trị thực-tiến, khi Bác sĩ B.R. Ambedkar kêu gọi lớp Tiện-dân qui y Phật tập-thề. Ông đã lý luận rằng, chỉ có cách đó mới giải thoát được họ ra khỏi sự áp chế khắt khe của hệ-thống đẳng-cấp Ấn và giúp họ được thụ hưởng những quyền làm người thông thường. Tại Hội nghị Phật-Giáo Thế-giới Thứ nhất tại Colombo năm 1956, Bác sĩ Ambedkar trong lúc công bố sự qui y của mình đã tuyên bố rằng Phật giáo là hy vọng duy nhất khiến lớp tiện-dân được chấp nhận như những con người. Thế-giới không thể cống-hiến một bằng chứng nào mạnh mẽ hơn nữa về việc Phật giáo đã góp một phần thiết yếu vào sự giải quyết các vấn-đề chính-trị và xã-hội hiện tại.

Chính phủ Ấn dĩ nhiên không thể nhìn một giải pháp như thế bằng đôi mắt

thiện cảm. Vì sự qui y tập-thề dĩ nhiên sẽ cho thế giới biết rằng những điều luật nhân-quyền ban cho những lớp Tiện dân tại Ấn bởi Hiến-pháp Ấn-độ chỉ là những quyền trên giấy tờ; cũng như sự giải thoát tôn giáo là cần thiết trong việc chuyển luật lệ thành sự thực.

Sau khi từ Rangoon về Ấn, Bác sĩ Ambedkar đã hăng hái theo đuổi nhiệm vụ lôi kéo những kẻ Tiện-dân về với Phật giáo. Đến ngày 14 tháng 10 năm 1956, khoảng 500.000 tiện-dân, trong số đi có hàng ngàn tín đồ Ki-Tô giáo, đã làm lễ qui y tập-thề tại Nagpur. Trong số những người qui y có Thạc sĩ Niyogi, nguyên Chánh Thẩm tòa Thượng-thẩm tỉnh Nagpur ; mặc dầu không thuộc giai cấp Tiện dân nhưng ông rất có cảm tình với ý tưởng của Bác sĩ Ambedkar. Việc qui y của ông đã làm xáo động giới truyền giáo Ki-tô giáo, vì chính ông này đã là Chủ-tịch Ủy-ban Điều-tra do chính-quyền tiểu bang Madhya Pradesh chỉ-định năm 1945 để giám sát những hoạt động của các đoàn truyền giáo Ki-Tô giáo và ngăn ngừa họ dùng các phương pháp xu-mị để ảnh-hưởng quần chúng. Thạc sĩ Niyogi trong bản Báo cáo của Ủy Ban Điều Tra hoạt động của các nhà Truyền giáo Ki tô giáo (Nagpur, 1956) đã giữ lập trường cương quyết chống lại các cuộc theo đạo tập-thề và những phương-thức truyền-giáo dẫn đến mục-dịch ấy. Thế mà bây giờ chính ông ta lại đứng ra đóng một vai trò quan trọng trong việc tán thành một phong trào theo đạo tập-

thề như vậy — tuy là theo Phật giáo, chứ không phải Ki-tô giáo.

Bác Sĩ Ambedkar chết năm 1958, nhưng phong-trào vận-động qui y do ông phát khởi vẫn được tiếp tục. Trước khi chết, ông đã lập một Chứng-viện Phật giáo tại Bangalore với mục-đích huấn-luyện các nhà truyền-giáo để hoằng dương Phật pháp sâu rộng thêm nữa vào số quần chúng Tiệp-dân tại Ấn-độ.

Nhiều người Âu cũng như Ấn thường nêu lên câu hỏi là công cuộc phục-hưng Phật giáo của Bác sĩ Ambedkar có thể coi là một phong trào tôn-giáo hay không và cái động lực tôn-giáo đó có bị hoàn toàn lấn át bởi các mục đích chính-trị trong các cuộc qui y tập thề của nhóm tiệp dân hay không. Những lời chỉ trích này thường cho rằng phong trào trên đây bắt buộc phải thất bại vì tính chất giả tôn giáo của nó. Họ quả quyết rằng phong trào này không thể coi như các phong trào phục-hưng tôn-giáo đích-thực tại Tích-Lan và Miến-Điện được.

Câu hỏi này trả lời không phải là dễ. Quả thật là có những động lực khác ngoài động lực tôn-giáo trong lễ qui y của bác sĩ Ambedkar và đám Tiệp-dân Ấn-Độ. Nhưng điều đó cũng đúng như chúng ta sẽ thấy trong tiết mục sau, với Phật giáo phục hưng tại Tích-Lan và Miến Điện. Thế nhưng không một ai đã phải chất đích-thực của các động-lực tôn-giáo sau phong-trào phục-hưng Phật giáo tại các nước kể trên.

Tuy nhiên có một vài điểm khác biệt quan-trọng giữa phong trào Phật giáo phục-hưng tại Ấn và tại các nước khác trong vùng Đông Nam-Á. Điều quan trọng nhất là sự liên-tục của truyền-thống Phật giáo tại Ấn đã bị gián đoạn. Tổ chức Phật-giáo phải xây-dựng lại sau một khoảng cách gần một ngàn năm.

Tân-Phật-giáo của Ấn lại càng thiếu truyền-thống hơn nữa vì nó đặt nền tảng một cách có ý thức trên giai-tầng thấp nhất của xã-hội Ấn. Và những đám tiệp-dân không mấy lưu tâm đến Phật giáo cổ-diễn trong quá khứ. Bởi lẽ đó, khi đạo Phật lại được đưa vào đất Ấn, thì một phần nó phải điều-chỉnh lại cho phù hợp với những nhu-cầu đặc biệt của một giai cấp bị lãng quên và khinh thị từ trước đến nay, phần nữa nó phải ăn khớp với các điều kiện biến thiên kinh tế của xã hội Ấn, vì đất này đang gấp rút kỹ-nghệ-hóa.

Sự khác biệt thứ hai gây nên bởi Phật giáo Miến-Điện và Tích Lan đặt nền tảng trên hình-thức truyền-thống đặc biệt của Phật-giáo Theravada. Dân chúng tại những xứ này đã quen thuộc hàng thế-kỷ với kinh-viện Phật-giáo. Trái lại ở Ấn, Phật-giáo Theravada lại phải được giới thiệu lần nữa. Điều này đòi hỏi một sự canh-tân toàn-diện về phương-thức truyền-thống của giáo-lý và sinh-hoạt. Đạo Phật mà muốn truyền cho quần-chúng sơ khai Harijans, thì từ thực hành đến chủ-thuyết đều phải chịu những sự thích-ứng-hóa phức-tạp, mà

đôi điều lại hết sức trái nghịch nhau. Hơn thế nữa, các công tác truyền đạo Phật trong đám Tiệp-dân bắt buộc phải nhấn vào các ý-tưởng xã-hội mạnh-mẽ hơn các phong trào phục-hưng Phật-giáo tại các nước có sẵn kiến-trúc xã-hội Phật-giáo từ xưa.

Thế nhưng, tất cả những điều đó không phải là lý do phủ-nhận động-lực tôn-giáo của Tân-Rhật-Giáo Ấn. Bởi vì Bác-sĩ Ambedkar không cần gì phải nguy trang công cuộc tranh đấu cho quyền-lợi chính-trị và xã-hội của đám Tiệp-dân dưới một phong-trào tôn-giáo. Nếu muốn, ông ta có hoàn-toàn tự-do để trở thành một người Cộng-Sản ; và lại một người có óc xã-hội như ông thì có tranh đấu theo đường lối Cộng-sản cũng chẳng có gì là khó hiểu. Nhưng thay vì vậy, ông đã tới Colombo để nói chuyện với mấy vị sư che dù đi dép, những người chắc chắn chẳng đại-diện cho một lực-lượng thế-giới nào và chẳng thúc đẩy trực-tiếp một ảnh-hưởng chính-trị nào. Chẳng có một áp-lực ý-thức-hệ nào buộc ông phải công-bố xin qui-y. Rõ ràng là những cái dù của các vị sư đối với ông có lẽ là một đảm-bảo nhân-quyền hữu-hiệu cho đám Tiệp-dân hơn là thiết-giáp và phi-đạn của lực-lượng Bôn-sơ-vích.

Bác-sĩ Ambedkar đã trình-bày những động-lực chính của ông trong một bài tiểu-luận trước khi ông qua đời ít lâu, đăng trong tuyển tập *Présence du Bouddhisme* (1958). Trong bài tiểu-luận này

ông biện-luận rằng thời-đại của những vị sáng lập tôn-giáo đã qua rồi. Bốn vị được ông coi là các nhà sáng-lập đạo là Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesus, Giáo chủ Moham med và Krishna. «Thời đại của Mahátmas đã qua rồi ; không còn có chỗ trên trái đất này cho một tôn giáo mới nữa ». Do đó vấn-đề của chúng ta ngày nay là lựa chọn trong số các tôn-giáo hiện hữu một tôn giáo tương xứng với những nhu cầu hiện-đại của xã-hội. Tôn-giáo đó phải lưu ý đến bốn điều : (1) Một xã hội chỉ có thể sinh-tồn được nếu nó đặt căn bản trên một luật-lệ luân-lý. Luật pháp trong xã hội thì hết sức yếu ớt trừ phi nó có nền tảng tôn-giáo. «Vi vậy tôn giáo, được hiểu như luật-lệ luân-lý, phải là một nguyên-tắc quyết định không thể thiếu được trong các xã hội.» (2) Tôn giáo của một xã-hội phải hòa-hợp với kiến-thức khoa - học ; nó không được nghịch lại với lý-trí và kinh - nghiệm ; nó không được đặt nền tảng trên những mặc-khải siêu-luận-lý hoặc thế-lực của giai-cấp tăng-sĩ. (3) Nó phải đặt nền-tảng trên những nguyên-tắc căn-bản về tự-do, bình - đẳng và huynh - đệ cho tất cả mọi người. (4) Nó không can-gợi sự cùng khó. Vẫn biết, sự từ bỏ của cải sở-hữu có thể là một hành-động đáng được gia-hộ, nhưng chính sự cùng khó thì không bao giờ có thể coi là một ân-sủng. «Tuyên xưng sự thanh-cao nội tại của sự nghèo khó là một sự ngoan-cổ của tôn-giáo và có nghĩa là duy-trì



vinh-viễn thói xấu và tội ác mà sự cùng khổ đưa tới ».

Cả bốn đòi hỏi mà một tôn-giáo trong xã-hội hiện-đại cần có đó, theo Ambedkar chỉ có riêng Phật-giáo là hội đủ.

Ông phản-đối những thái-độ coi sự thực - hành chủ - trương bất bạo động như là một sự đóng góp đặc biệt của Phật-giáo vào khung cảnh xã-hội hiện-đại. Ông nhấn mạnh rằng Phật giáo không phải chỉ giới hạn hẹp hòi như vậy vì « Đức Phật cũng còn thuyết giảng về những vấn đề xã hội, kinh tế và tự do chính trị, về sự bình đẳng giữa mọi người và mọi thế hệ. Thật khó mà tìm được một vị tôn-sư nào có được một chủ thuyết bao gồm nhiều lãnh vực dị biệt và nhiều khía-cạnh của sinh hoạt xã hội con người đến như vậy, và mối quan-tâm đầu tiên của Ngài là làm dịu nỗi đau thương trên trần thế, chứ không phải chỉ hứa hẹn cho con người Thiên-đàng sau cõi chết.»

Riêng đối với Ki-tô-giáo, B.s. Ambedkar coi Ki-tô giáo của Giáo Hội sơ-khởi như là một phong-trào chính-trị và xã-hội thỏa mãn được những ước vọng của quần-chúng về quyền tự-do và bình đẳng. Thế thì tại sao ông lại dẫn hàng triệu dân của ông tới với Phật giáo thay vì Ki-tô giáo ? Thực ra thì ông cũng đã có thương lượng với nhiều Hội truyền giáo ki-tô giáo khác nhau về vấn đề thu nhận đám Tiệp - dân. Thế nhưng cả Công Giáo lẫn Tin Lành đều không làm sao vượt nổi sự kinh chống về đẳng-cấp trong cộng-đồng Ki-tô giáo.

Ngay từ khởi-thủy các công tác của các nhà truyền đạo Ki-tô đã chứng tỏ là việc tụ tập các tín đồ thuộc các đẳng-cấp cao thấp khác nhau trong một buổi lễ là một việc hết sức khó khăn, nếu không muốn nói là không thể được, còn nói chi đến chuyện những người đó dự lễ ban Thánh-thề một lượt. Hơn nữa các họ đạo cũng như các nhà thờ đều chống lại sự tràn ngập của đám Tiệp-dân. Những người Ấn thuộc Giáo hội Tin-lành Anh-quốc thường coi sự vào đạo này như một cử-chỉ chủ tâm gia-nhập văn-hóa Anh. « Từ cách sống cho đến quần áo và cử chỉ của họ đã hoàn toàn đoạn tuyệt với xã-hội Ấn. Họ đặc biệt không muốn dây dưa với những thành phần của một giai-tầng thấp hèn nhất và bị khinh rẻ nhất của xã hội ». Tất cả những điều đó đã khiến chương-trình xin cho đám Tiệp-dân gia nhập Ki-tô giáo thất bại.

Trong lúc xin qui-y, Bác sĩ Ambedkar đã lập riêng một chương-trình cải cách Phật-giáo. Ông đề nghị ba biện-pháp hoằng dương đạo Phật. Đó là : (1) Soạn và phổ biến một « Thánh kinh » Phật-giáo. (2) Cải-tổ tổ-chức, mục-dịch và lập-trường của Giáo-Hội Tăng-Già. (3) Thiết lập một Hội truyền giáo Phật-giáo Thế-giới.

Về điểm đầu tiên, Bác sĩ Ambedkar đề nghị cuốn « Thánh-kinh » Phật giáo sẽ gồm có những phần sau : (1) Tiêu sử đức Phật (a) Kinh Phammapada của Trung-Hoa, trong đó giáo lý nhà Phật

được diễn thành thơ (3) Một vài bài giảng chính của Đức Phật. (4) Các thủ-tục hành lễ trong dịp sinh nở, cưới xin và tang lễ cũng như cách thức chịu lễ qui y. Nhưng trên thực tế, việc này hết sức khó khăn vì số lượng kinh điển Phật giáo quá lớn, hơn nữa khó có thể đồng-ý về sự lựa chọn và trích các đoạn kinh vào cuốn « Kinh Thánh »; về phương diện ngữ học thì lại càng khó hơn vì kinh Pali phải dịch ra hàng trăm ngôn-ngữ của Ấn và các bản-dịch cho đám Tiệt-dân lại phải đơn giản, linh động, gợi hình và dễ hiểu,

Đối với Giáo Hội Tăng Già những đòi hỏi của Bác sĩ Ambedkar cũng cấp-tiến không kém. Ông cho rằng các Giáo Hội Tăng Già được bảo-tồn tại các nước theo Phật-giáo đã rơi vào một tình trạng đáng buồn. Các Giáo-Hội Tăng-già cò-diễn này đã coi cùng-đích là sự trầm-tư mặc-tưởng. Mà theo Ambedkar thì Giáo-Hội Tăng-Già nguyên-thủy đã có ba nhiệm-vụ rõ rệt- Thứ nhất, Giáo Hội phải cung-hiến cho Phật tử cái mẫu mực của một xã-hội trong đó các chủ-thuyết Phật giáo được tuân hành một cách thực lý-tưởng. Hai nữa, Giáo hội phải được coi như một nơi huấn-luyện cho các phần-tử trí thức ưu tú có đủ khả-năng hướng dẫn xã hội một cách vô tư và khả tín. Ba là, Giáo Hội phải bao gồm một nhóm người « đặc biệt chuyên tâm phục vụ cho dân chúng »; chính vì mục-dích đó mà họ phải rũ bỏ hết mọi ràng buộc và phải sống độc thân.

Đây quả là một sự diễn-tả hết sức thời-đại về Phật-giáo của Bác sĩ Ambedkar, mà việc phụng sự xã hội đã được hết sức nhấn mạnh.

Khởi từ những nhận định này, Bác sĩ Ambedkar đã lên án sự suy-đổi các phần tử Tăng Già hiện-đại. Ông đã cho rằng thời nay có quá nhiều tăng-sĩ sống trong « trầm tư và lười biếng » không trung thành với « sứ mạng chính của họ là thuyết-giảng và phụng sự ». Ông kết án Giáo-Hội Tăng-già chưa ý thức được cái nghĩa-vụ giúp đỡ quần-chúng đau khổ. Ông tin rằng hệ-thống tăng-viện Phật-giáo nguyên-thủy đã có những nét tương-tự với dòng tu Jésuite. Ông đã nhắc lại sự-kiện là các Viện Đại-Học Nalanda và Taxila đã được các vị sư quản-nhiệm, những người học vấn uyên-thâm đã hiểu được rằng việc phụng sự xã-hội là một công-cụ không thể thiếu được trong việc hoàng-dương đạo-pháp. Theo ông, các bậc tăng sĩ ngày nay phải trở về với lý-tưởng ấy. « Trong tình-trạng hiện tại Giáo-hội tăng-già chẳng có thể tạo được hấp-lực nào đối với quần chúng »

oOo

Tại Ấn-Độ có một nhóm thứ ba, hoàn toàn dị-biệt, đã có nhiều cảm tình với đạo Phật. Đó là phong-trào Dravidic tại miền Nam Ấn, họ muốn trở lại truyền thống bản địa thời kỳ tiền—Aryan, chống lại Bà-La-Môn giáo của giai-cấp thượng-lưu thuộc giòng giới những người Aryan xâm-lãng. Những nhà lãnh đạo trí-thức của phong-trào này là ông

lão tám mươi E.V. Ràmaswamy Naiker, nguyên đảng viên nhiệt-thành của Đảng Quốc-Đại, và C.N. Anadurai, văn-sĩ kiêm ký-giả Về tôn-giáo, nhóm này chối bỏ tất cả những tin-tưởng về Thượng-Đế, thiên hần về chủ-nghĩa nhân-bản và duy-lý Tây phương. Về chính-trị, nhóm này chủ-trương liên-kết khu-vực ngôn-ngữ Dravidic tại Nam Ấn — Tamil, Telugu, Malayam và Kanàda — thành quốc-gia độc-lập Dravidistan. Cảm-tình của họ đối với Phật-giáo bắt nguồn từ sự phủ-nhận mọi tin-tưởng về quyền-uy. Vì vậy Ràmaswamy trong những năm gần đây đã nhắc đi nhắc lại là Phật-giáo đáng được đón nhận sâu rộng tại Nam Tamil vì lý-tưởng của Phật-giáo là « giúp con người tự-do về tư-tưởng và giải-thoát họ khỏi phải nhai lại các giáo-điều tôn-giáo ». Hơn thế nữa, ông ta còn quả-quyết rằng, sự phục hồi chủ-trương không chấp-nhận đẳng-cấp của Phật-giáo « trong vòng hai mươi năm sẽ chấm dứt sự khai-thác con người dưới danh nghĩa đẳng cấp và giáo-lý ». Anadurai cũng hoan-ngheh sự trở lại đất Ấn của Phật-giáo với một thái-độ như vậy. Lên tiếng trong một buổi lễ Phật-giáo tại Madras tháng Năm 1956, ông đã tuyên-bố rằng những người như ông « không tin-tưởng gì vào tôn-giáo » mà cũng bị lôi cuốn bởi giáo-lý của Đức Phật.

Thế nhưng, những vị lãnh-đạo phong trào Dravidic không hô hào những người trong nhóm theo đạo Phật. Khi Bác-sĩ Ambedkar qui-y, cụ Ràmaswamy được hỏi là có tính nổi gót không, cụ đã trả lời thẳng là không và cụ cho biết là muốn hoạt động ngay trong Ấn-độ giáo để thanh-toán « các chủ-thuyết sai lầm và các tin-nguồn dị-đoan ». Tuy nhiên cái khía-cạnh đả phá Bà-La-Môn giáo của Phật-giáo vẫn được hết sức đề cao bởi các đại-diện của phong-trào Dravidic. Đôi khi những cải cách của đạo Phật được so-sánh với sự cải cách của Martin Luther. C.P. Chitrarasu, một người có cảm tình với phong trào Dravidic, đã viết một cuốn sách về Martin Luther. Năm 1952 sách này đã phải tái bản tới lần thứ ba ở Madras và đã được phơi bày trên các giá sách tại các ga hỏa-xa miền Nam. Trong sách này Chitrarasu đã so sánh nỗ-lực của Luther thay thế tiếng La-tinh bằng tiếng nôm với việc Đức Phật thuyết-pháp bằng ngôn-ngữ của quần-chúng — để rồi xếp hai nhân-vật tên tuổi này vào cuộc tranh đấu chống lại tiếng Hindi, quốc-ngữ của Ấn-độ, mà theo tác-giả đã cưỡng bách người Tamil sử-dụng.

(Còn nữa)

NGUYỄN

Kỳ tới : *Phật-giáo phục-hưng tại Tích-Lan*

*Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG TẠO*

**CÁNH TAY NỔI DÀI**

**DỌC ĐƯỜNG**

**ĐỐT BIÊN GIỚI**

**ĐIỆP KHÚC TÌNH YÊU VÀ TRÁI PHÁ**

tập truyện của Doãn Quốc Sỹ

tập truyện của Thanh Tâm Tuyền

truyện dài của Doãn Quốc Sỹ

thơ của Kiệt Tấn

# B. N. P.



## BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9<sup>e</sup>

### SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

### BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

### BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

### SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 25 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

### BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

# NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 227)

## ĐOÀN THÊM

### Bên lề Cách-Mạng

Chánh-phủ Trần-Trọng-Kim lập xong chưa được bao lâu, thì niềm hy-vọng của nhiều người, chứa chan sau ngày 9-3-45, đã nhường chỗ cho sự hoang-mang và lo-ngại. Vì thời-cuộc biến chuyển dồn dập ở khắp nơi, và những tin-tức gây xúc-động mạnh, dù bị quân-đội Nhật kiểm duyệt, cũng vẫn lan tràn mau lẹ.

Đồng-Minh chiến thắng trên các mặt trận. Bên Âu-châu, Ý thua to, Mussolini bị giết, Bá-Linh thất thủ, Hitler tự tử, quân-đội Đức tan rã, Anh-Mỹ-Tàu quyết đòi Nhật đầu hàng không điều-kiện.

Ở Thái-bình-dương, Nhật bị tổn hại nặng-nề, hạm-đội cuối cùng bị hủy diệt, và dấu các chiến-trường Okinawa và Iwojama vẫn được Nhật phao đồn là mồ chôn quân Mỹ, những vụ ném bom ào-ạt hàng ngày của B.29 lên các đảo Phú-Tang hình như rung chuyển cả tin-tưởng của hạng người thân Nhật ở Hà-Nội.

Bởi thế, từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 8, dư-luận càng ngày càng xôn-xao. Nhiều người trước kia không tưởng tượng được rằng Đức và Nhật có thể đại-bại, nay bảo nhau liệu tìm đường chạy nếu Anh Mỹ đổ bộ, vì các thành-thị sẽ tan tành... Giá gạo lại lên, loại thường cũng trên 200đ. mỗi tạ...

Một số khá đông công-chức, nhất là những người đã lên tiếng bài thực-dân, rất e Pháp sắp trở lại : bọn Mặt trận bí-mật FFI đang sửa soạn tiếp tay, Cảnh-Sát chẳng vừa bắt được là gì, vài Pháp-kiểu trữ súng đạn trong nhà ? Nên những công-chức đó cố vận động anh em các sở, lập những toán thanh-niên võ-trang, rủ nhau lập đoàn chống Pháp, tập dượt bằng súng gỗ và gậy tre. Những người dè dặt không theo, bị buộc là Việt-Gian, một tội-danh được phổ biến và hay được áp dụng do mấy toán-trưởng nhiệt-thành : trong số đó, có ông mới đây vừa về hưu trí, vì đã được Cao-Uỷ Bollaert cho tái nhập ngạch cũ và truy lãnh lương-bổng từ 1947



Nạn đói ở Bắc-Việt năm 1945

Vài bạn tôi không bối-rối, nhưng bức lắm : Nhật không chịu giúp mình tổ-chức gì hết, chắc chỉ đợi trả quyền cho Pháp. De Gaulle đã cử Đô-Đốc Thierry d'Argenlieu là một thầy tu phá giới, làm Cao-Uỷ kiêm Tổng-Tư-Lệnh tại Đông-Dương. Không lẽ ngồi khoanh tay cho Pháp trở về cắt cò ? Chính-phủ mình chẳng tranh đấu được chi, cứ im lìm, vắng mặt, không khéo thì chết cả !

Người khác lại cho biết : có đoàn-thề đương hô hào chống Pháp và đánh cả Nhật. Họ hoạt động ở rừng núi và thôn quê, thỉnh-thoảng bắn chết một cường-hào và gài bản án tử-hình lên áo với dấu V.M. Họ giải thích : muốn độc-lập phải được Đồng-Minh thừa nhận, và nếu vậy, cần chống cả Đế-quốc Pháp lẫn, quân-phiệt Nhật.

Tin đồn này cũng có phần đúng. Vì từ tháng 7, thấy Hiến-Binh Nhật bắt nhiều thanh-niên và sinh-viên, đem giam chặt cả hầm trụ-sở lớn của hãng Shell đường Rialan. Có người bị đánh đập rồi được thả, có người bị đưa đi đâu biệt-tích.

Trong số sau này, không biết chừng có cả những bạn mà khá lâu nay tôi không được tin-tức, Hỏi thăm, thì chỉ nghe nói các anh đó rủ nhau lánh xa Hà-Nội. Rồi một hôm, vào cuối tháng 7, NXB cho tôi hay : vắng mặt hai tuần, vì đã lên đưa P.M. qua rừng lên Thái-Nguyên liên lạc với nhóm tranh-đấu.

Tranh-đấu như thế nào, anh chưa thể cho tôi biết rõ. Song nghe anh, một người vốn ngoan-ngoãn theo nghĩa cò-diễn, — tôi mới tin rằng quanh tôi, nhiều người trẻ tuổi đương quyết ra khỏi chỗ bế-tắc, để tìm một tương-lai cho đất

nước. Tôi thấy không thể nào khác, vì vẫn cảm được lơ-mơ rằng từ sau 9-3, thanh-niên cần có chốn dụng-võ, nhưng lớp người hữu-trách không biết chỉ giúp nơi nào.

Cũng có anh em bàn tính với tôi về thời-thế : nhưng chỉ nói suông, trao đổi thắc-mắc, vì tôi cũng chẳng biết gì hơn về cuộc-diện, không có ý-kiến gì xây-dựng. Tôi chỉ hiểu một cách tiêu-cực những gì không nên : như quá chậm rì, sự lao đầu của anh H vào hoạn-lộ, khi bao người khác muốn bỏ về ; hoặc chẳng hợp thời nữa, cái cảnh hai đầu gục vào nhau trên bãi cỏ vườn Bách-Thảo đề thề thốt yêu đương... Và cả mặt Tây-Hồ kia, mông-mênh và lạng-lẽ, cũng hình như trái tiết, trái với những ngày đang sôi nổi...

oOo

Ngày 6 - 8 - 1945, trái bom nguyên-tử đầu tiên tàn phá Hiroshima. Hôm sau, nội-các Trần-Trọng-Kim đệ đơn từ chức, nhưng được ủy nhiệm xử lý thường-vụ. Vua Bảo-Đại kêu gọi Tổng-Thống Truman, Thủ-Tướng Churchill và cả Tướng De Gaulle thừa nhận và bảo vệ Độc-lập cho V.N. Nhật-Hoàng quyết định xin hàng, Nhật ở Đông-Dương trả lại Nam-Kỳ cho Triều-đình Huế... Trong hai tuần lễ, các biến-chuyển liên tiếp như mây đen ùn-ùn theo nhau trên trời rong bão.

Phủ Toàn-quyền được giao hoàn cho phủ Khâm-Sai. Bạn L-béo, khi đó đương tính sửa soạn luận-án tiến-sĩ Luật, đến tìm tôi với vẻ mặt ngây-thơ quen thuộc : ông Khâm với L. ra giúp việc để điều khiển phòng Báo-Chí thay cho ông Phủ L.T.T. ; cả V.K.K. cũng hứa cộng-tác, vậy thì tôi cũng nên hợp lực với các anh. Thấy tôi cảm ơn và thoái thác, anh cau mặt : bọn mình cứ khoanh tay mãi hay sao ? Lúc này không xông ra thì còn chờ lúc nào ?

— Lúc nào làm được việc.

— Nhật trả hết quyền rồi, mình phải nắm lấy.

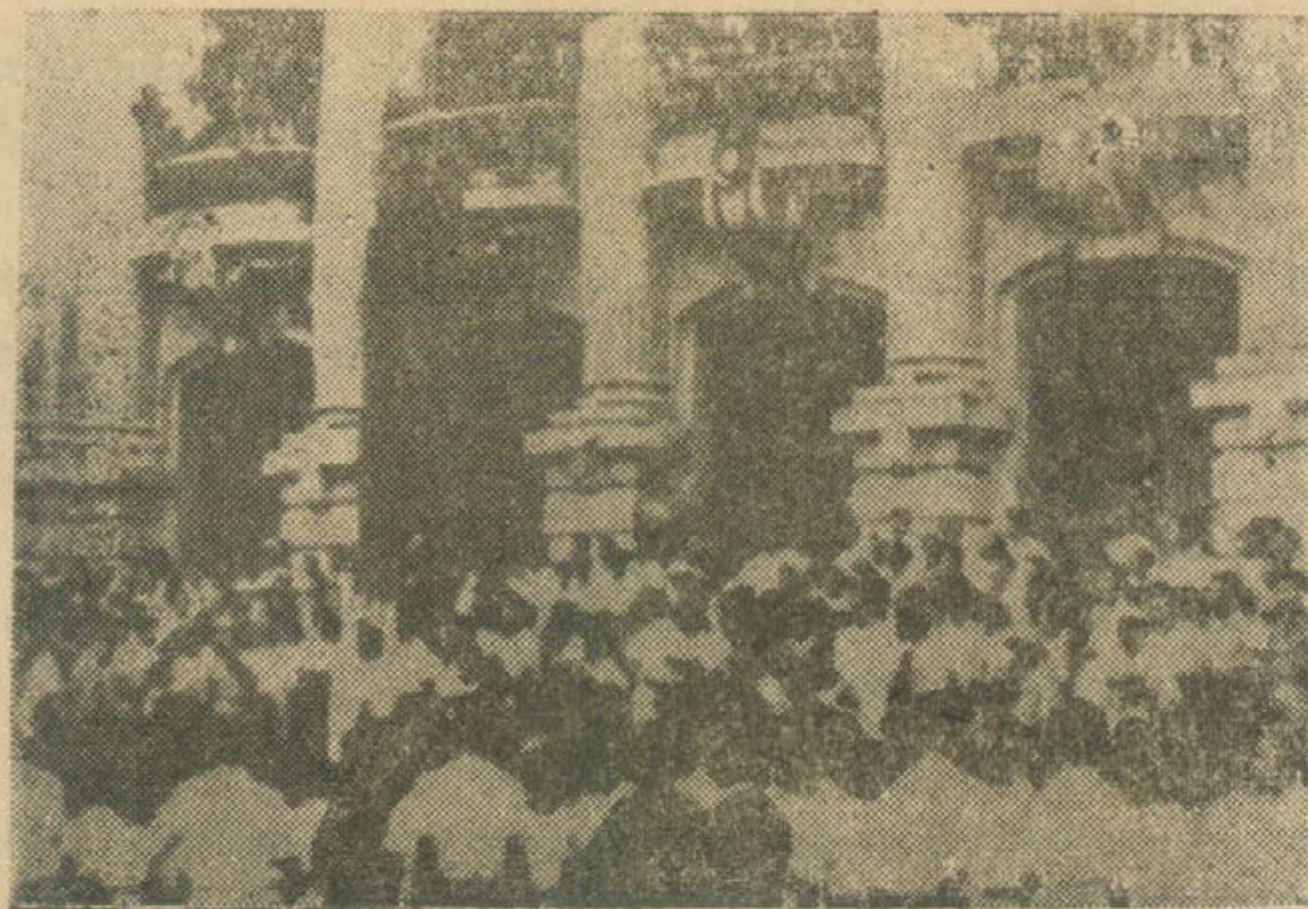
— Nuốt không được, thì tha làm phước.

— Mình phải lôi cuốn quần-chúng...

— Chỉ ngại phen này quần-chúng lại lôi cuốn mình,

— Suốt đời một giọng ậm ờ. Anh hoài-nghi, thì cũng phải tin ông Khâm. Người có thiện-chí lắm, hiểu biết lắm. Quý nhất là thanh-liêm.

— Xin đọc thuộc lòng cho anh nghe lời phê về một tổng-đốc được tiếng là trong sạch, của viên Thanh-Tra Hành-Chánh Domec : Son Excellence X... jouit d'une excellente réputation d'intégrité. J'estime cependant que cette intégrité ne dépasse pas la moyenne, en ce sens que si Son Excellence ne provoque pas les offres,



Biểu tình của công chức trước Nhà Hát Lớn Hà-Nội 17-8-1945

Elle ne sait non plus les refuser : Quan Thượng được tiếng là thanh-liêm. Song tôi thấy đức thanh-liêm đó không vượt quá mức trung-bình, nghĩa là nếu quan không thúc dân dâng lễ, thì quan cũng chẳng biết chối từ.

Cực chẳng đã, bạn L. đi nhận việc một mình, với tất cả nhiệt-thành của một người quyết-tâm góp phần cứu vãn thời-cuộc. Nhưng anh không quên dặn lại : thôi, tùy ý, nhưng ít ra thấy có nhân-viên nào giỏi thì kiếm giúp ngay.

Cũng phải thông-thả chứ, vì ngày mai công-chức còn được lệnh gắt-gao của các toán-trưởng rất hăng, buộc đi dự cuộc biểu-tình vĩ-đại trước Nhà Hát Lớn.

oOo

Trước Nhà Hát Lớn, 15 giờ ngày 17-8, trời kéo cơn mưa, nhưng hàng vạn công-chức đã sắp thành đoàn đứng chật đường Paul Bert, kéo dài suốt xuống Hàng Trống. Dân-chúng tới xem, chen chúc trên các ngã phụ-cận, Bobillot và Amiral Courbet.

Trên bao-lan Nhà Hát, cờ ba vạch gãy Quẻ Ly được từ-từ đưa lên, trong điệu đồng-ca vang dội Tiếng gọi Thanh-Niên... Mây sấm giã dần ; chợt thấy giọng ai như của L. kéo ngập ngừng qua ống phóng-thanh : « Mặt trời rạng tỏ, một niềm vui... Hôm nay, chúng ta họp mặt tại đây để chào mừng chủ-quyền đã thâu hồi toàn vẹn, và hoan hô Chánh-phủ Trần-Trọng-Kim... »

— Hoan-hô ! V.N. độc-lập muôn năm !

— Hoan-hô V.M.!!



Những tiếng sau là của kẻ nào lén vào hàng ngũ công-chức. Những người quanh đó sửng sốt, ngỡ ngác... Còn đa-số vẫn mãi reo to : Hoan hô V.N. muôn năm !

Rồi đoàn biểu-tình được lệnh chuyển bước tuần hành qua nhiều đường lớn, nhưng mỗi lúc những tiếng lạ tai khi nãy lại được gào thét nhiều hơn. Tới ngã sáu Cửa Nam, vài anh áo cộc quần đen, chắc chắn không phải là công-chức, vừa chạy vừa phất lá cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng, anh khác giơ một vật ít thấy ở thời đó là khẩu súng lục, bắn chỉ thiên vài phát như đề thị-uy : anh em hãy cùng tôi hô Mặt Trận Giải Phóng muôn năm !

Vài công-chức, có lẽ hoảng sợ quá, đành "muôn năm" theo một cách gượng-gạo và máy-móc. Máy cảnh-binh đứng cạnh dọc đường lăm lét hỏi nhau với vẻ kinh-ngạc, nhưng không can thiệp, tuy nhiều đám người khác trên các vỉa hè cũng nắm tay giơ chào gần như Phát-xít Ý, và hoan hô một đoàn-thề mà nhân-viên công-lực cũng không biết là gì.

Nhưng cần chi biết ? Hàng chục, hàng trăm, rồi hàng ngàn người cứ việc "muôn năm", mãi cho tới khi giải tán, vào khoảng sáu bảy giờ chiều.

Ông Tham Đ dừng lại hỏi ông Phán N : tưởng là biểu tình hoan hô Trần-trọng-Kim, mà sao chẳng ai kêu cụ Trần cả ? V.N. chứ sao lại Mặt trận VM ? Một ông nữa xen vào câu chuyện : ai bảo hoan hô như thế, bây giờ còn bán-khoản ? Người ta hô, thì làm sao khác được ? — Thôi, nó bắn, ông mất hết vía rồi !

Mất vía còn ít. Như thế này thì mất cả những gì đáng quý hơn tâm-hồn Tham Phán. Đó là cảm-tưởng sấm ngắt như trời mây phủ, nó theo đuổi tôi trên lối về nhà. Đêm hôm ấy, tôi trần-trọc khó ngủ, vì đầu óc rối ren như cảnh đã mục kích ban trưa, và như cảnh hỗn độn mà tôi ngại cho những ngày sắp tới.

oOo

Lúc tôi mở mắt, mới biết là bị lay tỉnh do bạn S.

S. không trách tôi ngủ đến 11 giờ sáng, nhưng vội bảo :

— Lung tung như thế này mà ngủ yên được thì khá thật ! Có biết gì không ? Họ cướp chánh quyền rồi.

— Ai cướp ? làm gì có chánh-quyền mà cướp ?

Bạn thuật lại cho tôi một thôi một hồi... Sau cuộc biểu-tình chiều qua, trên đường phố, có vô-số truyền-đơn, và có nhiều người đi từng nhà bảo : quân Giải-phóng đã về, treo cờ đỏ sao vàng để đón tiếp, Họ đưa cho cả cờ giấy. Sáng nay

ất nhiên nhà treo. Lúc nãy, hàng trăm người đủ các hạng và các tuổi, xông vào Bắc-bộ-phủ vừa reo vừa đá đảo Phát-xít, hoan hô Giải-phóng, phá phách đồ đạc, đập tan cửa kính v.v... Không thấy ông Khâm đâu cả. Có lính canh, nhưng lính không dám bắn. Lính Nhật cầm súng đứng gác bên nhà Băng Đông-Dương cũng chỉ nhìn trơ như tượng gỗ...

Kể xong, bạn thần mặt hỏi :

— Thế thì ra làm sao ?

Tôi đã nghe câu này sau ngày Nhật kéo tới Đông-Dương, sau hôm Pháp bị đánh đổ, rồi lại thấy đặt ra hôm nay. Tôi không biết trả lời ra sao, chỉ phỏng đoán rằng trong đời sống chung, chúng ta sẽ còn nhiều dịp nhắc lại câu đó.

Khi viết dòng này, tôi phải nhận là đúng, vì trong hai-mươi năm qua, mỗi lần xảy ra biến-cổ, chẳng bao giờ thấy ai quanh tôi sẵn sàng có lập-trường hay thái-độ rõ-rệt, dù có khi ở địa-vị cao nhất nước.

Chiếc lá bay tùy gió... đó là hình-ảnh phát phơ đương thu hút nhõn-quan tôi, chiều hôm đó, trên vỉa hè đường Dốc Hàng Gà : chắc tại nó hợp với tâm-trạng buông trôi mà tôi đương nghĩ là chung cho mọi người quen biết.

Tôi lang thang để xem xét sự đổi mới đột-ngột. Chợt gặp L béo : Anh định tới nhà tìm tôi như mỗi lần có chuyện. Anh cho biết đã tiếc không nghe tôi, ra giúp ông Khâm-Sai chưa được 48 giờ thì đồ vỡ ; VM từ đâu kéo về, lôi cuốn quần-chúng chiếm, phủ Bắc-Bộ, các công-sở, và tòa Đốc-Lý. Ông Đốc-Lý trao quyền ngay cho một nhóm gọi là Ủy Ban Nhân-Dân, và lạng-lẽ rút lui với một nụ cười nhả-nhặt.

Anh đương kể, thì độ ba chục người quần nâu áo đen, vác cò vác súng, sắp hàng bốn, vừa đi vừa kêu nhịp bước : một, hai ! Theo anh, đấy là một đơn-vị Giải-phóng quân vừa ở chiến-khu về.

Anh thở dài bảo tôi :

— Chưa bao giờ chán nản như thế này. Mình phải tìm cách gia nhập một đoàn-thề nào để có phương-tiện tranh đấu cho lý-tưởng quốc-gia,

— Cũng tiếc cho ông Khâm nhỉ ? người đứng-đầu như thế...

— Thời này chỉ cần cương-quyết...

Tôi hỏi anh định làm gì trong những ngày sắp tới ? Anh nói còn phải đến vấn kể mấy bậc đàn anh có tiếng là nhiều cao-kiến, như bác-sĩ C, và muốn rủ tôi cùng đi.

Không thu hút, theo bạn S, là vì mấy lẽ rất quan-trọng đối với đại-đa-số : về nước quá chậm, khi V.M. đã ở địa-vị chánh-quyền, nên nên các lãnh-tụ đối-lập ở tể kém của kẻ đến sau và đòi chia xẻ; lại về nước giữa nước giữa lúc quân-đội Trung hoa Hoa kéo sang giải giáp Nhật, nên dễ mang tiếng là theo Tàu hoặc dựa vào thế-lực ngoại-quốc, một điều tối-ky khi tinh-thần quốc gia đang bùng bật lên cao.

oOo

Trong họ hàng tôi, và nhiều gia-đình bạn, thanh-niên ùa theo chế-độ mới không phải vì ưa mát-xít, vì họ chẳng nghĩ tới tìm hiểu chủ-nghĩa này làm gì. Nhưng lớp người mới lớn đương hăng hái tranh thủ độc-lập và chủ-quyền, lại bị thất vọng nhiều về Nhật và chánh-phủ Trần-Trọng-Kim. Họ rất cần có cơ-hội, tổ-chức và không-khí phấn-khởi đề hoạt-động : chống Pháp trước hết, vì Pháp trở lại đến nơi rồi. Hạng khác trạc 35 - 40, biết suy nghĩ, thấy đã tới lúc giúp nước chớ không thể còn theo nếp sống cầu an vị-ky như trước 1945 ; vả lại, quần chúng đã theo một hướng, họ xét khó lòng đi ngược chiều.

Còn hạng xu thời, thì bao giờ chẳng có ? Những ai đã niếm nở hoan hô Cụ 1945, lại sốt sắng phục vụ Ngài 1949, rồi tỏ lòng tri ân bất diệt với Chí-sĩ, nếu đọc tôi, tất sẽ nhớ lại thái-độ của mình. Những vị đó trước sau vẫn chỉ lo bảo vệ quyền-lợi có sẵn, nếu không nhằm thủ đắc những quyền lợi lớn hơn ; hoặc ở mỗi thời, đều mắc những lỗi này lỗi khác, khiến chế độ nào vừa lên đều có thể đem ra chất vấn, nên các vị phải cư xử thế nào để được khoan dung. Cũng may, là mọi chánh quyền chưa đứng vững, dẫu không trọng vọng, vẫn thu dùng trong lúc thiếu người ; vả lại, kẻ trung thành dù chỉ tận-tâm nhất thời, cũng được việc hơn hạng lạnh nhạt hay ương ngạnh. Biết sao cho phải ? Khồng-Minh thấy Nguy-Diên về hàng, thì quát đao phủ lôi ra chém. Hồ-Chí-Minh tiếp thượng-thư và tông-đốc cũ, thì vồn vã như gặp cố-nhân.

oOo

Dù sao, một hậu-quả của cuộc Cách mạng tháng 8, là sự thay đổi rõ rệt của nhiều người tôi quen biết ; và có thể coi như điển hình, trường-hợp của B, của L và của S.

B. sinh trưởng trong một gia đình phong-lưu, con một học-quan có tư-sản ; anh thông-minh và hiền hậu. Từ nhỏ được ăn trắng mặc trơn, đáng lẽ khi lớn phải ưa sống theo lớp trưởng giả và thủ-cự. Song chính vì thế, mà anh có mặc cảm tội lỗi đối với nhiều bạn khá thân nhưng nghèo hơn. Đến khi những người này ủng hộ chế độ mới, anh ngỡ ý với tôi rằng cũng thấy phân-vân : các bạn vốn giàu thiện-chí, hay tham gia những công cuộc xã-hội từ khi còn là sinh-viên, thì

theo B, lẽ nào họ lại lằm đường ? Nên tuy không tán thành nhiều thái độ của một số cán-bộ đặc thời, B theo các bạn với hy vọng giúp ích. Giúp gì, thì chưa rõ nhưng cũng sẵn sàng đợi dịp. Trong lúc đa sự thế này, không thể nào nghĩ tới việc lấy vợ, kiếm tiền, đẻ con, hoặc ngồi yên trong căn nhà đồ sộ mà thừa hưởng gia-tài. B muốn sống cho hợp thời mới, hay đúng hơn, muốn tìm một lối sống mới, chưa ý niệm một cách cụ thể, song phải xa lánh đường mòn cửa cha chú. Anh đi học y-khoa và dự việc cứu thương. Lần chót mà tôi gặp anh ở bờ sông Tuyên Quang, vào đầu năm 1947, anh có vẻ một thanh niên hăng hái, đeo ba-lô đi theo đoàn cán bộ quân-y và tỏ ý tin tưởng vào cuộc kháng chiến trường-kỳ.

Cũng như B, bạn L. đã sớm chọn đường, mặc dầu sau ngày 18-8, anh có qua giờ phút bất mãn vì không được tiếp tục giúp phủ Khâm-sai nắm vững tình thế. Chỉ cách đó hơn một tuần, anh đến chơi tôi với nét mặt hoan-hỉ. Tôi hỏi có chi mà yêu đời thế ? Anh cho biết đã được anh G.S. HMG đưa tới tiếp xúc với «anh VNG» rồi gặp cả Cụ. Hai người này đều tỏ ra «compréhensif», hiểu biết cho anh lắm, và anh đã nhận lời mời ân cần ra giúp cụ tại bộ Ngoại Giao mà cụ tạm thời kiêm nhiệm. Anh muốn xem tôi nghĩ thế nào ? Còn nghĩ chi nữa khi anh đã nhận công tác ? Tôi chỉ thắc mắc như nhiều người hồi đó, rằng liệu có phải theo đường lối Cộng Sản không ? Anh cau mặt :

— Cái cậu này lạ quá ! Đâu có chuyện ấy được ? lại bị tuyên truyền rồi !

Hình như ở thời nào tôi cũng bị trách là chịu ảnh-hưởng tuyên-truyền : có lẽ vì thế, tôi đã ngờ cả thiện chí của Nhật-Bản đối với V.N ? dè dặt đối với nhà học giả họ Trần ? Ngày nay lại lo âu vì đã được ĐĐH xác nhận rằng Cụ với Nguyễn Ái Quốc chỉ là một? chắc bịnh khó tin sẽ khiến tôi chẳng làm nên sự nghiệp gì, nếu quả như lời một chính khách Pháp, sự thành công chỉ đến với người tin-tưởng chứ không bao giờ với kẻ hoài nghi (le succès appartient aux croyants, jamais aux sceptiques : André Tardieu). Nhưng cũng do đó, tôi thông cảm với L: anh vốn bản tính hiếu động, người xưa gọi là có chí lớn, muốn đóng vai trò trọng-yếu trong tấn tuồng đời. Nên hễ được dịp thuận tiện, thì anh mang thiện chí xông ra, bất cứ với đạo-diễn nào và theo nghệ thuật gì. Loạn cũng tiến, trị cũng tiến, khác nào Thánh-chi-nhiệm Y Doãn nhà Thương? Từ tri huyện thời trước, đến Tổng-thơ-ký một Bộ thời nay, ở địa vị nào anh cũng mong góp phần, và được việc. Phải chăng chúng ta sống vào một giai đoạn biến chuyển quá nhiều, nên luôn luôn phải xét lại đề chính lý lập-trường ? tôi nghĩ đến những thái-độ chân thành liên tiếp của André Gide : les sincérités successives.

Dù sao những kẻ đã thấy đường, dấu đường đó thẳng hay cong, vẫn sừng hơn kẻ bần khoản không dứt như bạn S. Tuy cũng muốn đem năng-lực tham gia

chính-trị, S. lại chẳng hợp tác được với phe nào. Theo anh, nhiều người trong guồng máy chính-quyền mới, đã tỏ ý phân chia giai-cấp, không thành-thực đối với những người chỉ có tư-tưởng quốc-gia, không biết phục thiện mà chỉ đòi phục tòng. Với đầu óc hay lý-luận, và tính nói thẳng « toạc móng heo », anh không chịu nổi những khuynh-hướng mà anh coi là độc-đoán : anh chưa rõ rằng khuynh-hướng đó có thể thấy dưới bất-cứ chế-độ nào trên đất nước này trong hai-mươi năm sau. Được vài bạn rủ gia nhập những đảng-phái đối-lập, anh đã đi gặp một số chính-khách ở Tàu về. Nhưng sau một thời gian tiếp xúc, anh lại thở dài : họ chống Cộng thật đấy, có lý-tưởng quốc-gia, nhưng thiếu lãnh-đạo, thiếu tổ-ehức, nhiều tự-ái và tham-vọng cá-nhân, nên rời-rạc, chia rẽ, và dễ nát. Mới nghe đại danh của mấy ông, thì cũng có thiện-cảm ; nhưng tới gần hầu chuyện, thì vỡ mộng ngay : quý ông chẳng hiểu gì về tình-hình, chắc vì xa dân xa nước quá lâu ngày. Vài ông khác tuy có võ-cách, ra trận thì may ra đánh cũng khỏe, nhưng thiếu tác-phong chính-trị, thích tiền, thích gái, thích cả bàn đèn. Đoàn-thề khác, tương-đối khá hơn, có kỷ-luật, có chủ-trương, nhìn rõ thực-trạng xứ sở, song thiếu người, phải dung nạp cả những phần-tử không tốt trong các giới thân Pháp thân Nhật cũ : S rất ngại thành đồng-chí của quý vị này. Rút cuộc, S chẳng biết đi với ai, về ngã nào, nên lăm vào một thể tiêu-cực, thụ động trong bất-mãn.

oOo

Những người vui vẻ nhất thời đó, thuộc thể-hệ hai-mươi, chưa vợ con, chưa bị ràng buộc vào quyền-lợi gì ; hoặc hả dạ nhất, là một số bà con nghèo trong họ trong làng tôi.

Xuân, một cựu-học-sinh vừa tốt nghiệp trường kỹ-nghệ Hà-Nội, theo anh em vào một đoàn-thề cứu-quốc võ-trang. Hãy trông anh : đồng-phục ka-ki, giày boots cao thỉnh thoảng lại đeo vật hiếm có là khẩu súng lục nổi thõng vào thắt lưng da, bằng một vật cũng hiếm có là khúc dây dù của lính Mỹ. Kề cũng oai. Ở thời trước, làm gì cho được như vậy ? Dân-biểu Bắc-Kỳ hay nghiệp-chủ triệu-phú cũng chỉ được phép mua súng bắn chim bắn hươu. Còn súng lục, thì ngay đến Đội Cảnh-binh hạng nhất cũng chỉ được đeo từ 1942, hoặc đeo vờ cho ra vẻ, vì bao súng bên hông có khi chỉ đựng thuốc lào và quẹt. Thế mà nay Xuân hiện ngang với khẩu Colt 45, đề sẵn sàng nghênh chiến Thực-dân đồ bộ. Tuy vậy, Xuân chưa thỏa, thường mơ ước và hay gọi tên những thứ súng mới nhất, Stens, Bazookas, 12/37 hay gì nữa... Ông thân của Xuân rất phiền muộn, cho là con nông-nghềnh, a-dua, và đại-dột. Có lúc ông nhiech : Sắp thành Cộng-Sản hả ? Lúc khác ông quở : chẳng chịu nghĩ gì đến làm ăn cả ! Mỗi lần, Xuân chỉ bình-tĩnh trả lời : con sẽ đánh Pháp. Cũng gần như Thủ-Tướng Clémenceau trả lời các nghị-sĩ chủ hòa, mỗi bận chỉ nhắc lại một câu : Tôi đánh giặc, Je fais la guerre.

Tinh-thần kháng-chiến không mạnh như trên, ở những người như ông Đ., một lực-điền giữ chức trương-tuần xã tột. Cũng phải cày cấy đã chứ? Nhưng bây giờ không còn phải nộp thóc cho ai, mình làm mình ăn. Và không phải đình đám lồi thối nữa, bỏ được xôi thịt, mới khỏi nạn tranh nhau ăn trên ngai chốc của mấy ông Hàn, ông Chánh, ông Tiên-Chỉ. Hiện nay, các ông len lét như rắn mồng năm, hoặc trốn ra Hà-Nội, không còn hét ra lửa, hay chỉ tay năm ngón. Không ai để cho các ông vào Ủy-Ban làng mà sợ. Còn Công-sứ, còn Phủ, Huyện, thì còn nhiều chuyện ứ hiếp. Chính-phủ mới? Nghe nói là Cách-mạng, thì cũng biết vậy. Ông Nhiều Hai bảo phen này người có máu mặt sẽ mất sạch; cái đó không sao đối với ông Đ., vì có gì đâu để mất? Họ còn hứa sẽ đem chia các hậu-điền, tự-điền, chẳng rõ có được sào nào không? Hãy biết không phải đóng thuế. Và hết vua, hết quan, ra đường ai cũng như ai. Trước đây, chỉ con nhà có của mới ăn học để làm to. Nay con ông Xã-Sọc lằng trèo, chẳng học hành để đạt chỉ cả, cũng lù lù trong Ủy-Ban tỉnh, ai cũng phải nể. Thăng Trí nhà ông Đ., chịu khó nhận nhiều công-tác, rồi ra cũng vào nội Ủy-Ban Huyện là ít. Nếu tóm tắt hộ ông những ý kiến riêng đối với cuộc-diện mới, thì như sau: chánh-thề gì, ông không cần rõ; ông chỉ thích thú vì thoát nhiều ách cũ, lại có đôi chút hy-vọng bước tới ít nhiều tư-sản, và cho con cái leo thang xã-hội. Nói một cách khác, là để có của và để có quyền thay lớp người trước.

Đ.T.

Kỳ tới: Bộ đồ ka-ki

*Tăng cường sinh lực*

*lãng*

**CETONIC**

*VITAMINE C 250mg*

1483 BYT - D P.Đ.C.

## Vài cảm-tưởng về cuốn

# Một nền giáo-dục nhân-bản và dân-tộc của ô Đoàn-Nhật-Tấn

Nghề dạy học là nghề hợp với công việc viết lách nhất. Có ai chịu khó thống kê chắc sẽ thấy trong hai chục năm nay, ít nhất có tới một nửa số tác phẩm xuất bản — không kể sách giáo khoa — là công trình của nhà giáo. Trong loại nào chúng ta cũng thấy sự đóng góp của họ và đã có nhiều nhà nổi danh trong loại các tiểu thuyết, thơ và biên khảo. Nhưng tôi nghiệm rằng rất ít nhà chịu nghiên cứu về chính cái nghề của họ. Trước sau tôi chỉ thấy được dăm ba nhà gọi là có viết về giáo dục, và trong số đó chỉ có vài nhà thỉnh thoảng đưa ra một chút kinh nghiệm riêng của mình. Sống hai ba chục năm trong nghề, dạy dỗ biết bao thiếu nhi và thanh niên, tiếp xúc với biết bao bạn đồng nghiệp và phụ huynh học sinh trong mọi giới, mọi miền, dưới ba bốn chế độ, kinh nghiệm của họ tất phải nhiều và rất có ích cho đồng bào, mà sao ít người chịu chép lại cho chúng ta nhỉ? Tại họ chán nghề của họ chẳng? Tại họ quen với nghề

quá rồi, không thấy có gì đáng nói nữa chẳng? Có lẽ nào tình cảnh khủng hoảng nghiêm trọng của nền giáo dục nước nhà lúc này không gây được chút thắc mắc nào trong tâm hồn họ? Hay là họ ngờ rằng có nói ra cũng chẳng ai nghe, thôi thì mặc cho mọi sự sụp đổ?

Trong cái không khí thờ ơ đó, cuốn *Một nền giáo dục nhân bản và dân tộc* (1) của ông Đoàn Nhật Tấn, giáo sư trường Sư-Phạm Qui Nhơn, xuất hiện như một niềm tin tưởng.

Mới đọc nhan đề tôi đã hơi ngại ngại, tự nhủ thầm: «Lại nhân bản và dân-tộc nữa!» Hai danh từ « nhân bản » và « dân tộc » đó mười mấy năm nay đã làm cho tôi quá ngán, nhưng vốn được biết tác giả là một nhà giáo có kinh-nghiệm — năm 1964, ông đã xuất bản cuốn *Dạy học và dạy viết cho trẻ con* — nên tôi không ngần ngại đọc hết trăm tám chục trang, hy vọng sẽ tìm được

(1) Do tác giả xuất bản

ít nhiều nhận xét xác đáng hoặc mới mẻ  
Và tôi xin thưa ngay rằng tác phẩm rất  
đáng đọc và đáng cho ta suy nghĩ.

Không ai có thể nghi ngờ nhiệt tâm  
của tác giả. Trong bài *Tựa* ông vạch  
tình trạng « *hầu như đổ vỡ* » của nền  
giáo dục hiện thời sau những cuộc « *bạo  
hành hoau ho, đã đảo sóng động ngay trong  
khôn viên các học đường giữa thầy giáo  
và học sinh* », và ông « *đánh bạo hiến kế  
đề « ổn định tận gốc rễ* » tình trạng đó.  
Theo ông, muốn vậy, phải định một  
« *chiều hướng* » và một « *căn bản* » cho  
nền giáo dục, và nền giáo dục này phải  
« *dựa vào tình cảm và đạo lý* ».

Như vậy là ông đưa ra một quốc sách  
về giáo dục và trong trăm tám chục trang  
ông xét bao quát tất cả các vấn đề từ  
nguyên tắc chung (phần I), tới phương  
pháp giáo dục (phần II) và cách ứng  
dụng phần (III). Chỉ có vấn đề tổ chức  
giáo dục là ông không bàn tới (có lẽ ông  
thấy tổ chức hiện tại từ tiểu học đến  
đại học không có gì phải thay đổi); còn  
thì vấn đề nào cũng được ông nhắc tới,  
như tâm lý trẻ em, ảnh hưởng của gia  
đình, kỷ luật ở học đường, sân chơi, thể  
dục, dạy quốc văn, dạy sinh ngữ, bỏ thi  
hay không bỏ thi... Tất nhiên, trong bấy  
nhiều trang ông không thể xét kỹ từng  
vấn đề một, nên hầu hết ông chỉ đưa ra  
ít điều căn bản thôi; và tác phẩm, xét  
chung, nặng nề về phần lý thuyết.

Trọng tâm của phần lý thuyết đó nằm  
ở ba điểm dưới đây :

a. — *Theo một chiều hướng nhân bản*  
Ông muốn đào tạo một con người có ý  
thức và biết tự chủ, có ý thức đề tự  
chủ được; có ý thức về bản thân và mọi  
vật ở xung quanh, đặc biệt là có ý thức  
về bình đẳng và tình thương người, về  
tinh thần trách nhiệm, về ý hướng  
vươn lên.

Ông đã có lý khi nhấn vào tinh thần  
trách nhiệm. Cái nguy cơ của xã hội  
chúng ta lúc này là thiếu tinh thần trách  
nhiệm. Cha mẹ không dạy dỗ con cái,  
trút trách nhiệm cho học đường; học  
đường đổ lỗi cho gia đình, cho xã hội.  
Trong các công sở, trên đổ lỗi cho dưới,  
dưới đổ lỗi cho trên: cả trên lẫn dưới  
đều đổ lỗi cho chỉ thị. Việc mà hỏng  
thì trách nhiệm chẳng về ai cả; thậm chí  
dưới trào Ngô đình Diệm, một ông tổng  
trưởng giáo dục để cho trường thi biến  
thành cái chợ, báo chí sĩ vả, báo nên từ  
chức đi, vậy mà vẫn cứ bám lấy cái ghế,  
tới khi bị đuổi đi mới chịu rời nó, rồi dắt  
điu vợ con qua ngoại quốc sống. Càng ở  
địa vị cao, người ta càng thiếu tinh thần  
trách nhiệm. Những kẻ hại dân hại nước  
nhiều khi còn được thưởng một số tiền  
cả trăm triệu đồng với một chức Đại  
Sứ, hoặc Đại sứ lưu động, để đi du lịch  
thế giới trong khi chờ đợi một cơ hội  
khác. Trên dưới mà vô trách nhiệm như  
vậy thì xã hội làm sao không thối nát,  
đổ vỡ ? Phải tập cho trẻ tinh thần trách  
nhiệm; lại phải sửa đổi hiến pháp, luật  
lệ để tuyên những người có tinh thần  
trách nhiệm, nghiêm trị những kẻ vô trách  
nhiệm, thì rồi nền giáo dục mới có thể



Như vậy thời giờ ở bậc Trung học phổ thông có thể rút xuống còn ba năm, hoặc nếu vẫn giữ bốn năm thì nâng cao trình độ lên, đề lên tú tài, rút xuống còn hai năm (trang 128)

Bốn năm năm trước, trên tạp chí *Bách khoa*, tôi cũng nghĩ như tác giả: trong giai đoạn hiện tại chỉ nên dạy ngoại ngữ cho những trẻ thông minh sau này có hy vọng lên đại học được; nhưng đề nghị của tôi khác của tác giả: không đợi tới cuối bậc trung học đệ nhất hay đệ nhị cấp mới chuyên dạy ngoại ngữ trong một năm (như vậy có sự gián đoạn về việc học các môn khác), mà dạy ngay từ hồi nhỏ, càng sớm càng tốt (vì tuổi nhỏ dễ học sinh ngữ) và phải dạy một cách đàng hoàng, bằng những phương pháp mới.

— Tác giả đề nghị « *ghép hai môn Sử, Địa làm một* » (trang 132) và khi dạy Địa lý một xứ nào thì dạy luôn cả Sử ký xứ đó nữa. Đề nghị đó có lý, tuy không luôn luôn áp dụng được, nhưng áp dụng được chừng nào thì có lợi cho học sinh chừng đó. Không tốn công gì, chỉ cần sửa đổi lại chương trình thôi; và tôi chắc ở Âu, Mỹ nhiều nước đã theo quy tắc ấy.

— Ông còn muốn rằng ít nhất là ở trung học đệ nhất cấp, mỗi lớp chỉ nên giao cho hai giáo sư chính thôi, một vị dạy Việt ngữ, ngoại ngữ, sử địa, công dân...; một vị dạy tất cả các môn khoa học; không nên dùng các giáo sư

quá chuyên môn, chỉ dạy riêng một môn; như vậy đề thầy trò tiếp xúc với nhau nhiều hơn, thầy hiểu trò hơn và cũng có trách nhiệm nhiều hơn. (trang 178)

— Về vấn đề bỏ thi, ông bàn khá kỹ vì sách viết đúng vào hồi vấn đề đó làm sôi nổi dư luận. Đại ý của ông là việc thi cử rất cần thiết, không thể hoàn toàn bỏ được; chỉ nên cải cách nó, giản dị hóa nó; muốn vậy phải « xây dựng con người của thầy giáo cho xứng đáng với trách nhiệm đã » (trang 158) rồi mới tuân tự cải tiến theo ba giai đoạn: 1— chấn chỉnh nề nếp giáo dục ở học đường 2— khi nề nếp đã chấn chỉnh rồi, mới giao việc thi viết và giám thị cho các trường ở địa phương; đề thi vẫn do trung ương cung cấp, bài thi vẫn do trung ương chấm; 3— sau cùng, qua giai đoạn chót, đề cho trường địa phương hoàn toàn tổ chức lấy kỳ thi, lựa đề thi (trung ương chỉ đề nghị một số đề thi, đề thống nhất trình độ thôi) và chấm thi lấy.

Theo tới, đề nghị đó hợp lý và tác giả đã thận trọng hơn những nhà cầm quyền trong Bộ Giáo Dục.

— Tác giả cũng không quên tình trạng học sinh gian lận ở lớp học và trường thi. Vì chủ trương trọng tình cảm và đạo đức, ghét chính sách « pháp trị » ở học đường, ông cho rằng phương pháp trừng trị kẻ gian lận không có hoặc có rất ít kết quả mà lại rất hại cho trẻ. Ông bảo « *trừng trị chưa làm nên đạo đức, vì đặc thù của đạo đức là*

tự chủ và ý thức (...) Có thể nói trong một chế độ nặng về trùngthị như những chế độ độc-tài thì không có đạo-đức được vì người ta có công-minh liêm-chính thì cũng vì sợ trùngthị mà thôi, nếu có cách gì thoát khỏi thì người ta không cần theo đạo-đức nữa. (trang 163). Lời đó rất đúng.

Theo ông, vấn đề chỉ có thể giải quyết một cách đẹp đẽ khi nào « học sinh ý thức được lẽ phải và thầy giáo cũng thấy rõ trách nhiệm của mình » (trang 166)

Không ai không nhận thấy sự cao đẹp của chính sách nhân trị (dùng đức nhân mà trị); và không ai không bất mãn về một chính sách pháp trị quá tàn nhẫn. Nhưng đọc những tin tức trên báo hằng ngày trong kỳ thi vừa rồi: một ông chánh chủ khảo hay giám khảo trong một kỳ thi vô Đệ Thất bị đánh bẻ đầu; một ông giám thị trong kỳ thi trung học đệ nhất cấp ở Biên Hòa vì cấm thí sinh « đánh phép » mà cũng bị đá đến nỗi có thương tích, thì tôi ngờ rằng chỉ bàn đến chính sách nhân trị, e chưa đủ; có lúc phải dùng đến chính sách pháp trị. Nhưng pháp trị mà dùng giải pháp của Bộ Giáo Dục: cho phép những giám thị, giám khảo bị hành hung về « trốn » ở Bộ; và hăm tỉnh nào có sự hành hung giám thị và giám khảo thì năm sau toàn thể thí sinh không được thi ở tỉnh đó nữa, phải về cả Saigon thi, thì quả thực là quái đản, vừa nhu nhược, vừa vô lý, không ai có thể hiểu nổi. Nhu nhược vì không có cách nào bảo vệ được giám thị

và giám khảo, mà chỉ khuyên họ « trốn »; vô lý vì bắt toàn thể thí sinh một khóa sau (hàng ngàn hàng vạn người) phải chịu một hình phạt vì lỗi lầm của một thí sinh trong khóa trước! Rồi nếu trung tâm Nha Trang hay Huế cũng có những vụ hành hung giám thị thì cũng dẹp hết bắt người ta vô Saigon thi? Tới khi trung tâm Saigon cũng vậy thì sẽ bỏ thi trên toàn quốc?

Khi mà tình trạng gian lận trong các kỳ thi đã tới cái mức đó thì trách nhiệm không thuộc về cơ quan giáo huấn nữa. Kẻ kia dám có thái độ du côn như vậy tất phải ý vào một cái gì: hoặc vào một quyền thế nào đó, hoặc vào sự bất lực của chính quyền. Nguyên nhân ấy dù con nít cũng thấy rõ mà trong mấy năm nay tình trạng cứ mỗi ngày thêm bê bối là tại đâu? Tôi biết rằng tác giả là một nhà giáo, chỉ muốn đứng trên phương diện thuần túy giáo dục, trong phạm vi học đường hoặc gia đình mà tìm một giải pháp cho những tệ đoan hiện tại; nhưng như vậy là không xét được toàn diện của vấn đề, do đó, giải pháp dù tốt đẹp tới mấy cũng chỉ có một công dụng hạn chế, mà lý thuyết dù hoàn hảo tới mấy cũng vẫn còn thiếu sót. Không thể không xét lại tổ chức cùng qui chế của cơ quan giáo huấn hiện nay.

— Mấy ý kiến của tác giả mà tôi vừa trình bày đều xác đáng hoặc ít hoặc nhiều và đều có tính cách thực tế, có thể áp dụng ngay được. Nhưng theo

tôi, đây mới là phần cống hiến đáng quý nhất của giáo sư họ Đoàn.

Ba năm nay ai cũng phàn nàn về tình trạng thiếu kỷ luật trong các trường học, một tình trạng rất nguy hại mà nếu chúng ta không tìm cách nào cải thiện được thì đừng nên duy trì bộ Giáo Dục nữa, đừng nên dùng tiếng *giáo dục* nữa vì không thể nào có giáo dục được nếu không có một kỷ luật tối thiểu nào đó, nếu học sinh vẫn chửi thầy đánh thầy như đã xảy ra nhiều lần trong các trường công ở nước ta. Vấn đề đó là vấn đề số 1 của Bộ Giáo Dục và tôi không rõ bộ đã tìm được giải pháp nào chưa.

Nay đọc *Một nền giáo dục nhân bản và dân tộc* tôi rất mừng rằng tác giả đã tìm được một giải pháp, hơn nữa đã thí nghiệm nó trong nhiều năm ở một vài trường trung học (chắc là tại miền Trung) và thấy có kết quả (trang 90). Giải pháp đó nằm trong mục *Kỷ luật dân chủ và tự giác ở trường ở cuối phần II*, (Theo tôi mục đó nên cho vào phần III, phần ứng dụng thì hợp lý hơn; hai phần trên nên dành riêng cho lý thuyết — nhiều đoạn, mục khác cũng nên sắp đặt lại cho bố cục thêm phân minh; nhưng đó chỉ là tiểu tiết, không làm hại nhiều cho tác phẩm).

Sự thực giải pháp của tác giả không có gì mới mẻ: chính tác giả cũng nhận như vậy (trang 104): sự «*tổ chức học sinh tự trị*» đã có người áp dụng ở Anh

từ 1824, ở Pháp từ 1899; ở nước ta từ 1946. Nguyên tắc là tin tưởng ở trẻ, xây dựng tinh thần tự do, dân chủ, tự giác, tự lãnh trách nhiệm của trẻ, tập cho chúng tự giữ lấy kỷ luật ở học đường, tự tổ chức, tương trợ, điều khiển lẫn nhau.

Tôi không thể chép lại hết phương pháp của tác giả, từ cách gây ý thức cho học sinh, tới cách gây những tập quán mới, diệt những tập quán cũ, cách đối đãi với học sinh phạm lỗi, cách gần gũi học sinh, cách chuẩn bị trả lời những thắc mắc của học sinh khi bên ngoài học đường có một biến chuyển gì, chẳng hạn một chính biến, cách tổ chức các hàng đội tự trị trong mỗi lớp, cách «*nuôi dưỡng môi trường sinh hoạt tập thể*»... Độc giả cần đọc hết những trang 87-105 mới hiểu được phương pháp.

Nếu quả thực tác giả đã thành công trong việc thí nghiệm đó — mà chúng ta không có lý do gì để nghi ngờ sự thành thật của tác giả — nếu quả thực tại một tỉnh nào đó ở miền Trung, trong mấy năm nay nhờ phương pháp của tác giả mà một vài trường Trung học giữ được kỷ luật, hơn nữa giữ được tinh thần mật, tin tưởng lẫn nhau giữa thầy và trò, thì tôi tưởng Bộ Giáo dục đã mắc một lỗi rất lớn vì đã không biết tới một thí nghiệm quan trọng như vậy, hoặc biết mà không phổ biến trong khắp các trường Trung học để chấm dứt tình trạng vô kỷ luật kinh khủng hiện tại ở học đường.

Nhưng dù bộ biết tới hay không biết tới thì tác giả cũng nên vì ích lợi chung tìm cách phổ biến lấy bằng cách ghi chép lại một cách đầy đủ mọi cuộc thí nghiệm, đầy đủ y như một người viết nhật ký vậy: từ tên trường, tên lớp, năm, tháng cách tổ chức, phân công ra sao, tới những dò dẫm, thất bại ra sao, cách sửa đổi phương pháp ra sao, gặp những khó khăn nào, cách giải quyết từng trường hợp ra sao, kết quả năm đầu ra sao, các năm sau ra sao, ở lớp đệ thất ra sao, ở các lớp trên ra sao... Có vậy các bạn đồng nghiệp của tác giả ở khắp nơi mới rút ngay được kinh nghiệm, chứ mười mấy trang tác giả đã dành cho vấn đề đó trong *Một nền giáo dục nhân bản và dân tộc* vẫn còn có tính cách khái quát, lý thuyết quá, chưa đủ gây một lòng tin vững vàng trong lòng đa số độc giả.

Và nếu tác giả chỉ làm được một công việc đó thôi, giúp cho các trường trong toàn quốc lập lại được kỷ luật và trật tự thì công của tác giả với quốc dân cũng đáng ghi rồi, mà tác phẩm tôi đương giới thiệu với độc giả đây cũng đáng có một địa vị trong tủ sách gia-đình và học đường rồi. Tôi mong lắm mà chắc độc giả cũng mong lắm.

oOo

Thời nào, các chính trị gia chân chính cũng coi trọng sự giáo dục, nhưng chỉ một số nhà cầm quyền sáng suốt mới biết đặt sự « giáo dân » ngang

hàng với sự « dưỡng dân », trên hẳn những nhiệm vụ khác. Đặc biệt trong những thời loạn như thời nay ở nước ta, thì giáo dục lại càng bị coi rẻ, nhà giáo càng bị khinh thường. Giáo sư Đoàn Nhật Tấn chịu suy tư trong nhiều năm, dựng một quốc sách cho nền giáo dục Việt-Nam. Việc đó cũng đã đáng khen rồi, huống hồ ông còn đưa ra được nhiều ý kiến xây dựng rút từ kinh nghiệm bản thân.

Chỉ hơi đáng tiếc là ông vì nghề nghiệp, tự hạn chế những suy tư của mình trong phạm vi giáo dục thuần túy, nên chỉ mới xây dựng được một phần nền tảng cho giáo dục.

Giáo dục tuy quan trọng nhưng cũng chỉ là một trong những cơ quan của chính phủ, tất chịu ảnh hưởng xa gần của các cơ quan khác trong đường lối của chính phủ. Nó tuy có ảnh hưởng lớn tới xã hội, nhưng nó chỉ là một hoạt động của xã hội, tất phải chịu sự hạn chế của xã hội. Tôi gần như tin rằng xã hội ra sao thì có nền giáo dục như vậy, cơ hồ không thể khác được. Một xã hội như xã hội Trung Hoa ở đời Thanh thì phải có nền giáo dục khoa cử, cho nên mặc dầu nhiều nhà đã lên tiếng từ đời Minh, đả đảo lối văn tám vế mà mãi đến năm 1905 người Trung-Hoa mới bỏ được lối dùng thi phú lựa nhân tài, và đến năm 1917, mới nghĩ tới việc bỏ cổ văn mà dùng bạch thoại. Những phương pháp Tân giáo dục của Decroly, Montessori đã được

mọi người nhận là tấn bộ, hợp lý từ đầu thế kỷ này mà tới nay Âu, Mỹ vẫn mới chỉ áp dụng được một vài phần vì xã hội Âu Mỹ chưa đủ tiến bộ để có được nền giáo dục đó.

Chúng ta cứ xây dựng lý thuyết cho ngày mai, việc đó thời nào cũng nên làm. Nhưng muốn thực sự cách mạng nền giáo dục của ta thì lúc này chưa được; phải cách mạng xã hội trước đã.

Phải có một cuộc cách mạng xã hội trước đã; ai làm được cuộc cách mạng đó, lúc nào mới làm được? Trong khi chờ đợi, chúng ta chỉ có thể làm được những công việc mà tác giả là « vá víu tạm thời » (trang 161). Những ông bộ trưởng nhiệt tâm tới mấy, tài giỏi tới mấy thì cũng không làm được gì khác. Chúng ta chỉ cầu cho họ có chút tinh thần trách nhiệm, biết thận trọng và trong việc vá víu biết chú ý tới ý kiến của một số người có kinh nghiệm trong nghề, mà đừng đưa ra những giải pháp vội vàng, vô lý, lỗ lã như chúng ta đã thấy trong mấy năm nay.

Sài gòn 25-7-1966.

NGUYỄN HIẾN LÊ

## YÊU TRONG BÓNG TỐI

tiểu thuyết của TUẤN HUY

đã phát hành sau những khó khăn về đủ mọi phía mọi mặt.

Sách dày 400 trang. Ấn loát mỹ thuật.

TIỀN - HÓA XUẤT - BẢN

# TIẾNG HÁT VIỆT-NAM

tặng búp-bê Việt-nam

*Giọng hát chợt buồn hơi thu tháng tám  
Hương phấn oà lên vùng bão động sa mù  
Em đứng giữa nước non này ảm-đạm  
Khói lửa chập-chờn nước nở lời ru*

*Khuôn mặt học-trò về khuya điên dại  
Tiếng hát cất lên túi nhục chan hòa  
Anh nhìn xuống nửa bản đồ còn lại  
Âm hưởng nghẹn ngào chiến cuộc mù xa*

*Em vút lên trong chiều cao sự thật  
Từng nốt nhạc cứa da rớm máu đêm hè  
Hát đi em tuổi thơ hồng đã mất  
Quê hương này im tiếng súng lắng nghe*

*Rồi đến các anh ngày mai gục xuống  
Người thơ cô đơn trên chiến cuộc sau cùng  
Theo hơi gió anh trở về đồng ruộng  
Hồn vi-vu tiếng hát giữa không trung.*

## VỀ MỘT THÁI-ĐỘ VĂN-HỌC

Vào khoảng cuối năm 1945, nhà xuất bản Sáng-Tạo ở Saigon có ấn hành một tập tiểu-luận của ông Trần-Thanh-Hiệp tựa là *Tiếp Nối*, gom góp một số bài lí-luận nghệ-thuật và triết-học mà tác-giả đã đăng trên tạp chí *Sáng Tạo* cách đây đã có 10 năm. Trong một bài phê bình đăng trên *Tin Sách* (số 44, tháng 2-1966) ông Vũ-Hạnh có ghi nhận nơi *Tiếp Nối* một trong những điểm then chốt đáng đề cao là tác-giả đã thấy cơ sở dân-tộc như cái hướng chính cho mọi nỗ lực tìm hiểu di-sản văn-học tiền-nhân cũng như trong việc hình-thành một nền văn nghệ mới. Tuy vậy, theo ông Vũ-Hạnh, đây mới chỉ là sự cố gắng có tính cách đại-cương thiếu hẳn một giới-thuyết cụ thể cho danh-từ « dân tộc ». Bởi vì, nếu không xác định « nội-dung cụ-thể » cho danh từ này, người ta dễ dàng có khuynh hướng lấy một số tác phẩm của một thiểu số trí-thức xưa cũng như nay để xem đó như là tất cả nền văn-chương dân-tộc — nền văn chương mà, theo ông Vũ-Hạnh, đúng nghĩa phải gọi tới đông đảo mọi người trên đất nước. Chính từ quan điểm này mà ông Vũ-Hạnh cho rằng trong lập-luận của mình, ông Trần Thanh-Hiệp đã đi tới bế tắc — bế tắc

ở chỗ trong khi xem những trường phái *Tượng trưng, Siêu thức, Trừu tượng...* như là nội dung gây khó khăn cho việc thưởng ngoạn nghệ thuật bây giờ, ông Trần-Thanh-Hiệp đã vô tình đi ngược lại cái ý chí tiếp nối con đường văn học dân tộc của mình, bởi vì những ý niệm văn học này tự thân chỉ là những phản-ứng tặc-nghẽn của một số trí-thức phân hóa trước xã-hội Tây Phương đồi phế, không phù hợp với nhu cầu của dân tộc ta ngày nay. Thơ tự-do — ý ông Vũ-Hạnh muốn nói đến thơ tự do mà nhóm Sáng-Tạo đề xướng — là một thí dụ. Theo ông Vũ-Hạnh, « thơ tự do hiện tại » chỉ là sản phẩm chủ quan bằng lí-trí của một số người xa lìa khát vọng của đông đảo quần chúng, nên nó không thể nào « lớn mạnh hiền nhiên » như nỗi ước mong của ông Trần-Thanh-Hiệp, cho nên « nếu nó còn tồn tại ở mức độ nào là nhờ nó được nuôi dưỡng ở lòng tự-ái nhiều hơn ».

Bài phê bình này của Vũ-Hạnh đã được ông Viên-Linh trả lời trong tuần-san *Nghệ Thuật* (số 27, ngày 16-4-1966) nơi một bài có cái nhan đề c biệt là *Anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà*. Lí luận của ông Viên-Linh có thể thu gọn như sau :

1. — Cho mình « không phải là người suy nghĩ về văn học nghệ thuật », nên ông Viên-Linh viết rằng « vấn đề văn nghệ và nội dung dân tộc không phải là vấn đề cần thiết với những người làm thơ viết văn ». Bởi vì, theo ông Viên-Linh, người làm văn nghệ là người có quyền uy tuyệt đối trong việc thể hiện tác-phẩm của mình ; « hãn làm chủ một thế giới theo quyền-năng và cung cách của một Hoàng Đế, một nhà độc tài, không cần do dân bầu : hãn hoàn toàn tuyệt đối, hoặc sống hoặc chết nhưng không cần ve vãn ai chỉ để thu lấy một số phiếu vừa đủ để đứng ở đó ». Do vậy, đối với quá khứ, nó là một sự chia lìa như ông Viên-Linh nói « tôi không thể nào quan niệm được rằng văn học nghệ thuật là sự tiếp nối » — Đến khi ra đời, tác phẩm chỉ gửi đến từng cá-nhân sinh-hoạt phân li ; cho nên « kêu gọi một cộng đồng không phải là công việc người văn nghệ : người văn-nghệ kêu gọi mỗi người sống lấy mình mà thôi ». — Chính cái quan niệm văn học này đã khiến ông Viên-Linh gọi người « mang khách quan ra nhận định một sáng tác văn nghệ » là « một thế hệ ngu muội », để hỏi rằng « Ông Vũ-Hạnh và nghiệp đoàn cán bộ trong 10 năm nay phát giác được bao nhiêu thi sĩ qua tạp chí Bách-Khoa ? Vai trò của một người tự nhận là phê bình văn học, cộng tác thường xuyên của một tạp chí đã làm được gì trước những tài năng chưa xuất hiện, hay chỉ sống vào những tài năng đã có ?

2. — Từ những lí lẽ tổng quát này, ông Viên-Linh đã nói về thơ tự do.

Theo ông Viên - Linh, thơ tự do không phải là con đẻ của lí-trí như ông Vũ-Hạnh nói ; bởi vì theo ý ông tưởng « ở Việt Nam, những người làm thơ tự-do đều khước từ trước hết sự chấp hành lẽ phải trong Thơ ». Thơ tự do cũng không suy mòn như ông Vũ-Hạnh nói nữa ; vì lẽ theo ông Viên-Linh, « ngày nay, ở bất cứ một tờ nhật báo nào cũng có thơ tự do », và thơ tự do thì rất giản dị, « giản dị đến nỗi ai cũng biết nói đến cách làm ». « Nếu thấy sự lỏng chổng hay đa dạng của nó thì không phải vì đó là một cố tình rắc rối, mà là một cách nói hết sự thật, nghĩ đến đâu viết đến đấy, nghĩ cái gì nói cái ấy, nghĩa là không sửa soạn, xếp đặt, không cầu kì, lập dị ». Nhưng sở dĩ, thơ tự do chưa được nhiều người hiểu là vì « Thơ tự do là một quốc gia không có dân, hay là cái cây duy nhất mọc trong sa mạc ».

3 — Tóm lại mà nói, dù nói tổng quát về văn nghệ hay nói riêng về thơ tự do, ông Viên Linh đều đứng từ một quan niệm văn học chủ quan tuyệt đối để phủ nhận hoàn toàn sự khách quan nơi đối tượng thể hiện, phủ nhận hoàn toàn sự thẩm định khách quan của độc giả phê bình, cũng như cắt đứt mọi dây liên-hệ của văn nghệ với quá khứ và chối bỏ mọi sứ mạng xã-hội của nhà văn. Theo ông Viên-Linh, đó mới là giá trị cao vời của văn nghệ ; cho nên người nào không thấy được điều đó là một ánh « đèn dầu », một « anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà ».



Đọc xong bài « trả lời » của ông Viên Linh, tất cả mọi người đều thấy cái dụng tâm rõ rệt của ông đã rẽ lệch con đường thảo luận văn học sang một con đường đôi co văn nghệ bằng những lời không mấy đẹp đẽ, nếu không nói là thô-bỉ. Là một độc giả mến yêu sự thật, bất bình trước cả thái độ thảo luận của ông Viên Linh lẫn sự im lặng của ông Vũ Hạnh, chúng tôi xin nêu lên sau đây một số nhận xét.

Trước hết, dù có cố gắng chấp nhận quan điểm văn-học của ông Viên Linh, người ta cũng khó lòng mà thông cảm với ông ít nhất là nơi ba điểm căn bản sau đây :

*Thứ nhất*, chúng ta không thể thông cảm với ông Viên Linh là vì trong khi quá hăng say bênh vực quan-điểm của mình, ông đã nhảy bừa vào lãnh vực của các ông Trần-Thanh-Hiệp và Vũ-Hạnh bằng một thái độ của người mù đi xem voi. Ông nói : « Tôi không biết ông Trần-Thanh-Hiệp đặt vấn đề văn-nghệ dân-tộc ra sao và ví dụ là có, thì tôi không cần biết, nếu không muốn nói thêm là ông Hiệp đã không nhân - danh văn-nghệ khi nói tới điều đó ». Chính vì không hiểu ông Trần-Thanh-Hiệp đặt vấn đề ra sao mà ông Viên Linh cũng chẳng biết những chữ « nội dung dân tộc cụ thể » của Vũ-Hạnh có ý-nghĩa gì. Thật ra các ông Trần-Thanh-Hiệp và Vũ-Hạnh đã không lấy các chữ « dân tộc » hoặc « dân tộc cụ thể » để « hạn định » các sáng tác một cách hẹp hòi như ông

Viên Linh lo lắng ; bởi vì ông Trần-Thanh-Hiệp chỉ nói « chúng ta hình thành văn nghệ mới tức là chọn con đường văn nghệ dân tộc » (*Tiếp nối*, t. 18), còn ông Vũ-Hạnh thì chỉ bàn rằng « không có một cái nội dung dân tộc cụ thể, mọi sự đổi mới cũng sớm trở thành trù tượng, mâu thuẫn và xa dân tộc » (*Tin sách*, 44, t. 10). *Rõ rệt vấn đề ở đây không phải là hạn định nhưng là thảo luận về nội dung danh-từ dân-tộc mà thôi.* Không hiểu người khác nói gì mà vẫn nhảy vào bàn luận lung tung, ông Viên Linh thực đã không hề biết thận trọng là gì. Đã vậy, ông còn la lối, chửi bới om sòm chẳng khác gì một kẻ « chửi thuê » không màng đến liêm-sĩ.

*Thứ hai*, dù chưa xét đến giá trị của quan niệm văn học cá nhân, chúng ta cũng khó lòng mà chấp nhận thái độ « độc tài » của Viên Linh, cho rằng « có một nghìn thứ nội dung, nhưng chỉ có một thứ văn nghệ » — ý nói văn nghệ tuyệt đối của ông Viên Linh — để phủ nhận những sáng tác không đồng quan điểm với mình, từ *Chính khí ca* của Nguyễn văn Giai, *Mười điều tâm niệm* của Hoàng Đạo đến *Vượt thác* của Vũ Hạnh. Bởi vì đó là một thứ thái độ « ếch ngồi đáy giếng » không đủ tầm mắt để nhìn và nhận những chiều hướng văn-học khác như là những thực tại khách quan có đủ lí do để hiện diện song hàng. Vì khu biệt như thế, nên ông Viên-Linh không thấy rằng văn-chương

chỉ là nghệ-thuật của ngôn-ngữ có thể bao dung được mọi nội-dung dị-biệt một cách hợp lí, tùy theo những cách thể nhìn đời của nhiều tác-giả khác nhau. Nếu ông Viên Linh thích làm thơ đề kể lể cái tội bệnh hoạn của ông, thì Nguyễn-văn-Giai vẫn có thể làm thơ đề chống lũ xâm lược vô loài, cũng như Vũ-Hạnh vẫn có thể viết văn đề xây dựng cuộc đời. Đó cũng chẳng phải là những trường hợp đặc thù ; bởi vì văn chương vốn là sinh hoạt tinh thần, cho nên nó sẽ tùy nhiều vào những sinh-hoạt của cá nhân hoặc xã-hội mà mang những ý nghĩa cùng chủ đích khác nhau. Dù không đồng ý với Cholokhov về đường lối văn-nghệ Cộng-sản, nhưng các ông Hàn Thụy-Si vẫn phải chấp nhận giá-trị nghệ-thuật của nhà văn Cộng-sản này, xứng đáng nhận giải Nobel.

Không nói đâu xa : cứ lấy ngay đường lối của tờ *Nghệ thuật* mà ông Viên-Linh đang làm Thơ-ký tòa-soạn để thí dụ. Chẳng lẽ ông Viên-Linh lại không biết rằng trong số ra mắt, ông Mai Thảo đã chẳng từng kêu gọi văn-nghệ-sĩ của nhiều khuynh hướng khác nhau họp mặt trong dân chủ và tự do cũng như giao cho Nghệ-thuật sứ mạng đi vào «chiến tranh hiện tại và hòa bình tương lai» đó sao ? Ngay chính trong tờ báo của mình ông Viên Linh cũng còn không thấy được làm sao đời ông mở rộng nhãn giới xa hơn nữa !

Thứ ba, dù có yêu mến thơ tự do

đến độ nào đi nữa, người ta cũng phải nhận rằng những lời tục tằn cùng lý lẽ hồ đồ, văng mạng mà ông Viên Linh dùng để bênh vực thơ tự do, chẳng nâng được thơ tự do cao lên thêm mấy tấc mà ngược lại ông còn hạ nó xuống là khác. Lấy « số lượng » làm hậu thuẫn, ông Viên-Linh đã viện dẫn rằng « ở bất cứ một tờ nhật báo nào cũng có thơ tự do » Hẳn là ông Viên Linh, khi còn phụ trách cùng một lúc tòa soạn hai tờ nhật báo đối-nghịch là tờ Đất-Tờ và Tiền-Tuyến, đã sưu tập được khá nhiều bài thơ tự do giá trị trên hai báo đó và cũng trong thời kỳ hi hữu ấy chắc ông đã «phát giác» được không ít các thi sĩ có chân tài về thơ tự do rồi. Thảo nào ông chẳng cho rằng làm thơ tự do là « nghĩ đến đâu là viết đến đấy, nghĩ cái gì nói cái ấy, nghĩa là không sửa soạn xếp đặt, không cầu kỳ ập đi » và « thơ tự do giản dị đến nỗi ai cũng biết nói cách làm thơ tự do. » Người nhẹ dạ, dễ tin, nghe ông dẫn giải tưởng như thảo được vài hàng « rao vặt » trên báo hàng ngày đã nghiêm nhiên trở thành thi sĩ... trường phái Viên-Linh ! Nhưng ông Viên Linh sau phút bùng bột hăm hở ấy, chợt nhớ ra ngôi vị Hoàng-đế « hoàn toàn tuyệt đối » của mình, lại vội vàng hạ bút : « Thơ Tự do là một quốc-gia không có dân hay là cái cây duy nhất mọc trong sa mạc » không kịp suy nghĩ rằng quốc gia không có dân là thứ quốc gia gì và cái cây duy nhất mọc trong sa mạc thì sống được bao lâu.

Trong khi ông Viên Linh lạc quan như trên đây thì có những kẻ lại nhận định rằng : « Thơ hôm nay đang đau, đang sốt

*rét ngả nước, càng ngày càng thu vào cái vỏ cá nhân* » và « *càng dần thân vào thực tại, càng vật lộn với thực tại, thơ lại càng bị thực tại chìm xuống hố sâu tuyệt-vọng* ». Người đã đọc qua bài của Viên Linh thấy mấy hàng này không khỏi băn khoăn tự hỏi : Lại luận điệu của bọn « cán bộ » « nghiệp đoàn cán bộ » ? của « anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà » ? của Vũ Hạnh ? Thưa không, đây chỉ là những lời của nhà thơ Thanh-Tâm-Tuyền, người mà ông Viên Linh cho là « khai sinh lối thơ Tự do » và của nhà thơ Trần Dạ Từ, đã đăng trên chính tờ Nghệ-Thuật (số 12 ngày 18-12-65) mà ông Viên Linh coi sóc.

Đứng trong chính quan điểm của ông Viên Linh, người ta còn khó lòng thông cảm với ông đến hơn một điều như thế, bảo làm sao những người khác quan điểm với ông có thể chia xẻ một phần lý luận của ông ? Bởi vì chỉ cần một chút lương tri, ai cũng dễ dàng nhận thấy rằng cái quan niệm văn nghệ « *độc tài không cần dân bầu* » của ông Viên Linh chỉ là một kiểu nói ngông cuồng của những người hầu như đã hết khả năng liên-hệ với thực-tế đời sống nữa.

Người văn nghệ tự chọn đối tượng, tự chọn đề tài ; nhưng tưởng rằng hẳn có quyền xử-liệu đối-tượng như một thứ nô-lệ là tưởng một chuyện hoang đường. Vì rằng, muốn làm nên một tác phẩm có giá trị, người ta chỉ có thể chọn những đề tài trong tầm kinh nghiệm của mình, chớ không thể chọn gì thì chọn. Một người như ông Viên Linh chỉ

thích nói chuyện cái tôi bất lực chẳng hạn, chắc chắn không thể nói về cái lớn lao của đông đảo những con người phấn đấu thay đổi cuộc đời, dù rằng ông có thể làm bộ cao ngạo cho rằng ông không thèm nói đến. Nhưng mà ngay cái việc « *tôi chỉ làm thơ cho tôi thôi* » cũng không cho phép ông Viên-Linh được tự do tuyệt đối ; bởi vì cái « *tôi* » hành động, suy tưởng... đã có đó rồi — có trước khi cái « *tôi* » văn nghệ đến xét nhìn miêu tả. Thiếu gì những kẻ đau tim hết mực chân thành, nhưng khi diễn tả thành bài thơ « *đau tim* » lại chỉ làm cho người đọc nhăn mặt ? Đối với chính mình đã vậy, đối với cuộc sống bên ngoài, nhà văn lại phải lệ thuộc nó rất nhiều trước khi mang được nó vào tác-phẩm. Nếu không chịu quan-sát, uốn mình theo cái quy-luật khách - quan của đối - tượng, người ta sẽ sản ra những tác phẩm phi thực ngô nghệ. Nói tóm lại, ngay trong đối-tượng, đề-tài, nghệ-thuật của tác-giả đã đặt tiêu-chuẩn khách-quan để hàm-xét rồi ; kẻ không biết đến cái khách quan trong thể - hiện là người mang ảo-tưởng ; người phủ nhận phê-bình khách quan nơi thể-hiện là kẻ cưỡng bức đối-tượng.

Đến khi tác phẩm ra đời thì chính cái khách quan của độc giả, của xã hội làm nên giá trị cho nó chứ không phải sự « *độc tài* » của nó có thể áp chế được người ta. Bởi vì văn nghệ từ thực-chất là tiếng nói của tự-do, tự-giác không quen và cũng không thể lấy sự lưu-manh hoặc tàn-bạo để xác nhận sự sống

còm côi của mình. Thiếu gì những kẻ tự ví mình với Sartre, với Camus... mà tác phẩm của họ vẫn chỉ được liệt vào hạng khiêu dâm hạ cấp mà thôi. Nhưng cũng chẳng thiếu gì trường hợp nghịch tặc : trong ý thức của thời đại mình, Nguyễn Du chỉ xem *Kiều* như một trò " mua vui cùng được một vài trống canh ", nhưng biết bao thế-hệ đã nâng niu *Kiều* như là viên ngọc quý ! Người văn-nghệ đích thực là người không chạy theo thị-hiếu quần-chúng để tìm lấy những danh tiếng hão ; nhưng người văn-nghệ nào — dù kênh-kiệu tuyệt-đối như Viên-Linh chẳng hạn — cũng ước mong được đời chấp nhận và chấp nhận lâu bền. Bởi vì dù có làm cao cách mấy họ vẫn âm thầm hiểu rằng chỉ có những lời phê-bình khách-quan nhất của xã hội mới mang lại bề-thể cho tác-phẩm mà thôi. Do vậy, mọi phủ-nhận phê-bình khách-quan nơi độc giả chỉ là thái độ của những con chồn chề nhỏ xanh của La Fontaine!

Nhưng nếu xã-hội làm nên giá trị cho tác-phẩm thì ngược lại, khi đã được chấp nhận, tác-phẩm đã góp phần tác-dụng trở lại vào xã-hội. Thiết yếu nó là mối dây liên kết xã-hội chặt bền ; vì lẽ văn chương động cập tới ngôn-ngữ vốn là sản phẩm của xã-hội và gởi tới những con người vốn cũng không bao giờ tồn tại được trong một « *sinh hoạt phân li* ». Chính những con người lãng-mạn chỉ biết rên rỉ cái tôi nhứt nhối cũng chẳng thể là một cá-thể lơ-lửng giữa trời : đó cũng là một phong-trào xã-hội. Bởi là một mối dây của cộng-đồng cho nên

tác-dụng của tác-phẩm văn-học đối với xã-hội là một điều không cần phải biện-giải dài dòng. Như ông Viên-Linh chẳng hạn. Dù trong khi viết những chuyện dâm-ô dôi-trụy, ông chỉ nghĩ đến việc giải-tỏa ần-ức của mình ; nhưng khi tác-phẩm ra đời dù muốn dù không, tác-phẩm của ông sẽ giúp rất nhiều cho các nhà chứa thêm đông khách, nghề mại-dâm thêm phát đạt và những thanh niên sẽ dễ tiền mua thuốc trụ-sinh nhiều hơn là mua sách đọc! Ai chịu trách nhiệm về sự-kiện xã-hội này, nếu không một phần là do bọn nhà văn chuyên kể chuyện phòng the ? Cho nên nói rằng người văn nghệ « *không nhận lãnh nhiệm vụ với ai ngoài mình ra* » như ông Viên-Linh là nói một điều bịp bợm cốt để bào chữa cho bọn phá-hoại xã-hội mà thế-hệ nào cũng lên án kẻ cả thế-hệ hôm nay.

Thấy được bản-chất của văn-nghệ có tác dụng sâu xa với đời sống như vậy, nên có giao cho văn-nghệ sứ-mệnh phục vụ xã-hội, tưởng không phải là một việc làm khiên-cưỡng. Bởi vì dù người ta có thể bất đồng quan-điểm, có thể nói khác nhau về những danh từ dân-tộc, xã-hội, hòa-bình, chiến-tranh... nhưng nếu phát xuất tự chân thành người ta đều có thể gặp gỡ nhau trên một điều căn-bản này : đó là cái ý chí thiết tha muốn từ bỏ thái độ im lặng trước mọi bạo tàn, căm nín trước mọi khổ đau của đồng loại thường gặp nơi những người làm văn nghệ trong chế độ tối tăm cũ. Thái độ này chẳng phải cốt ve vãn ai, làm ra cao thượng với ai, nhưng chỉ là thái độ của những con người tự hiểu rằng

chỉ khi nào đất nước có dân chủ, nhà văn mới được tự do sáng tác, xã hội đã công bằng, chiến tranh li loạn không còn nữa, nhà văn mới có thể nói đến cái tôi mà khỏi sợ bị nguyên rủa là kẻ không còn tim đờng đờng cái khổ đau của đồng loại.

Thực ra thái độ bất thường của ông Viên Linh cũng chẳng có gì là khó hiểu. Chúng ta biết rằng cái trò huênh hoang tự xưng là «Hoàng Đế», là «nhà độc tài không dân bầu» trong văn nghệ nếu không là thái độ của những kẻ bất tài tự làm ra cao thượng bất cần đời, thì cũng là thái độ hết khả năng liên hệ với đời sống bình thường của những người mất trí. Nhưng thật ra, và thật đúng, thì thái độ kênh kiệu đim kẻ đối thoại mình xuống bùn sâu để đưa mình lên tận trời xanh cũng chỉ là một cách thể của những con người «bất lực trước đồng bào và cảnh vật» — như ông Viên-Linh đã tự thú — đang mất chân đứng nơi đời sống của đông đảo dân tộc, nên phải chui vào cái tháp cô đơn để dễ dàng chối bỏ đời sống một cách cao thượng và an lành. Chính vì thế mà ta càng hiểu rằng tại sao thay vì thảo luận chân thực, ông Viên-Linh đã phải dùng mọi thủ đoạn để «hạ» kẻ khác ý-kiến với mình, kể cả cách áp đảo bằng thứ ngôn-ngữ «du-côn văn-ngệ» — như lời ông Nguyễn - văn-Trung phê bình bọn siêu-thực.

Ông Viên-Linh chỉ quên có hai điều :

Một là ông đã nhắc đi nhắc lại danh - từ « cán bộ », « nghiệp đoàn cán bộ » dụng tâm « chụp mũ » như cách thể của bọn chỉ-điêm văn-ngệ hồ; xư, của cái thời mà bất cứ tên trùm mật-vụ nào cũng đòi « nắm » văn-ngệ-sĩ Ông quên rằng thời đó cáo chung đã lâu rồi, và thủ-đoạn « chụp mũ », ngày nay không ai còn nhớ tới nữa nhưng nhắc lại mọi người vẫn còn lợm giọng.

Hai là ông đã viết rằng : « mỗi thân xác có một số khuyết đều nhau mà những cơ-quan có hai khuyết (như tai, mũi, mắt) thanh cao hơn là những cơ quan có một khuyết. Bởi thế, tôi gọi những người có tầm nhìn thấp là những anh lùn : ở thấp hẳn không thấy được những khuyết thanh mà chỉ thấy được những khuyết tục ». Vậy mà ông lại quên không soi gương để nhìn lại xem cái mồm làm nhàm vắng tục của ông nó có mấy khuyết và thuộc loại khuyết nào !

Bài vở trên tuần báo « Nghệ-Thuật », do ông trông nom, ông không nhớ được đã đành, nhưng chính diện mạo của ông, ông cũng chẳng tường trách chi « anh lùn » nhìn vào chỉ thấy toàn là « khuyết tục ».

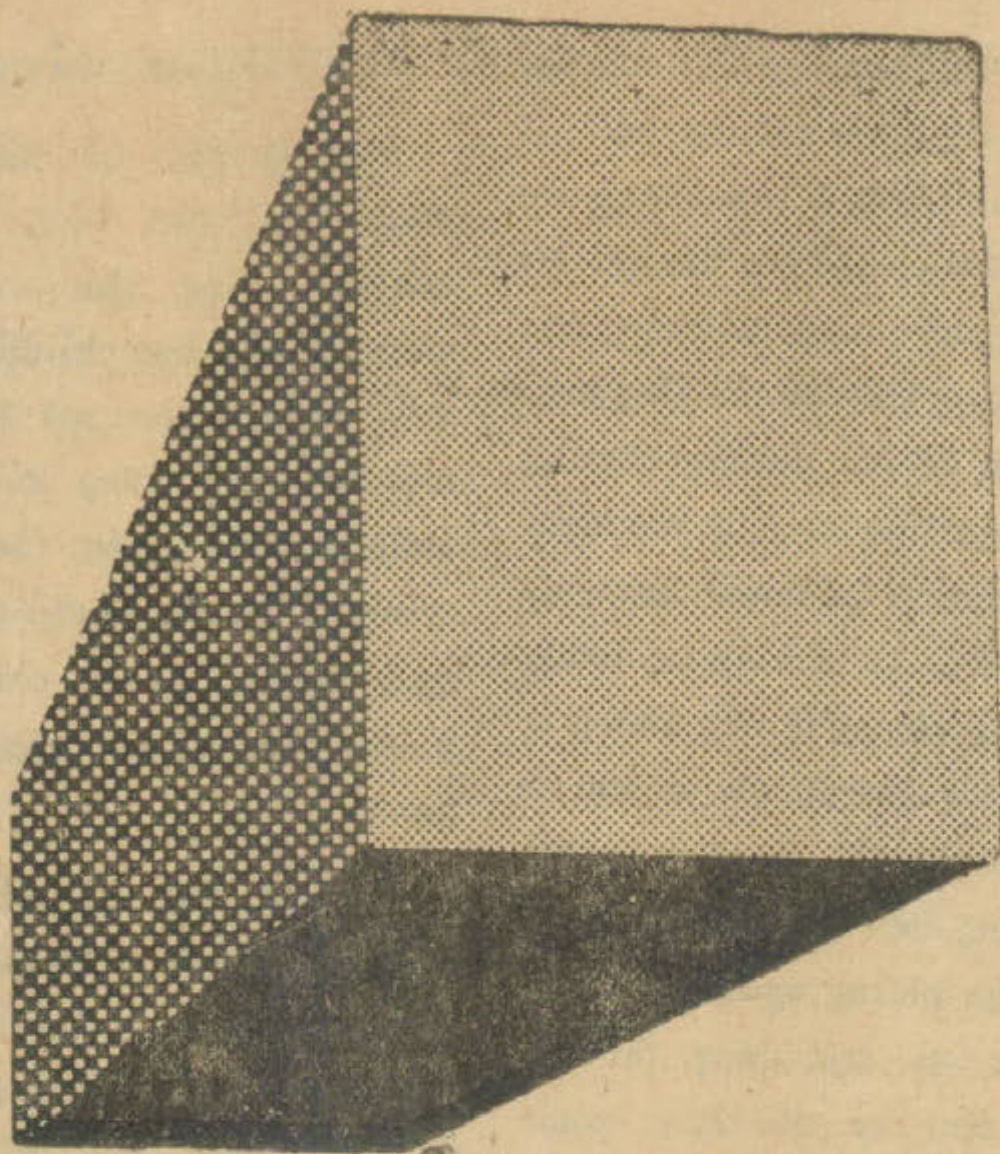
LỮ PHƯƠNG

### NGEI XANH đang xuất bản

Một cuốn sách? — Không một tấm lòng,  
Một tấm lòng với Người, với Việc, với Non sông :

### SÓNG và VIẾT với....

Nhất-Linh, Lê-Văn-Tương Á-Nam, Lê-Văn-Siêu, Doãn-Quốc-Sỹ, Đông-Hồ  
Sơn-Nam, Bình-Nguyên-Lộc, Vi-Huyền-Đắc, Nguyễn-Hiến-Lê, Hồ-Hữu-Tường



une nouvelle dimension en vitaminothérapie B 12



après la cyanocobalamine

le **Docélan**

(hydroxocobalamine)

**fixation optimum - stockage maximum**

*traitement électif des :* **anémies  
neuropathies  
dénutritions**

Boîte de 2 ampoules de 1 ml. titrées à 1000 microgrammes  
d'Hydroxocobalamine. VOIE INTRAMUSCULAIRE

De 1 ampoule par jour à 1 ampoule tous les deux ou trois jours.  
Traitement d'une semaine ou plus

**LES LABORATOIRES ROUSSEL - 35 Bd des Invalides - PARIS 7<sup>e</sup> - SOL. 93.28**

# Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (7)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Đưa ống liên hợp lại cho hiệu thính viên, chàng quì thẳng dậy, không gian im lặng. Chàng gần như chỉ còn nghe thấy tiếng thở mạnh và tiếng ho khan rải rác. Chung quanh, những vật thăm nhợt bất động. Chàng quay đầu nhìn tứ phía, không còn dấu vết hoạt động nào của địch. Chàng cất tiếng hỏi :

— Ra, tiểu đội I có ai bị không ? Tiểu đội hai ?

Các giọng nói quen thuộc từ bóng tối, trong lùm cây, bờ đất lao xao :

— Vô sự, vô sự chuẩn úy...

Hiệu thính viên kéo máy lom khom lại gần, đưa ống liên hợp :

— Cả tư tưởng đồng đa lần đồng đa cho lệnh báo cáo

Chàng tiếp tục nhìn vào khoảng đen thăm nhợt bên kia quốc lộ, nói thấp giọng vào máy :

— Vinh ba báo cáo vô sự. Địch hướng về hướng sông, phỏng đoán là thám báo địch. Sẽ sang lục soát chiến trường trong 5 phút nữa. Chấm hết.

Chàng cài vội ống liên hợp vào máy, không muốn nghe thêm các âm điện tử lẫn với những tiếng nói xôn xao đòi hỏi. Trăng chưa lên khỏi dạng cây chân trời nhưng một thứ ánh sáng nhàn nhạt, buồn tẻ bất định đã làm các sự vật bắt đầu có đường nét rõ, gãy gọn hơn. Chàng cất tiếng, giữ cho vừa đủ nghe :

— Tất cả nạp một kẹp đạn mới ! Tiểu đội I theo tôi.

Chàng đứng dậy, đầu và nửa thân phía trên chợt mát lạnh trong gió. Ngọn cây phía sau xào xạc, không gian chưa trở lại bình thường trong thứ ánh trăng còn non và nhạt nhẽo. Chàng giơ cao tay hạ xuống ra lệnh, những bóng đen vụt băng qua lộ. Chiếc cầu trắng phía xa, các căn nhà bên kia có những hàng cột đen phía trước. Toán lính lao xuống vệ đường, súng hướng về phía trước, chờ đợi. Dưới các mũ sắt, các đôi mắt không là gì hơn một khoảng đen thăm hơn nhưng chàng biết chúng có đó và đang hướng về chàng chờ đợi. Chờ đợi gì ? Một tiếng nổ làm chàng gục xuống hay một cái chết đột nhiên cho họ. Tứ bề vẫn mờ nhạt trong thứ ánh sáng không rút khoát và khó chịu, chàng nói :

— Chắc chắn tụi nó chuẩn hết rồi. Anh Ra chia làm hai toán đi lục soát dãy nhà và nghĩa địa. Tôi đợi đây.

Chàng đặt khẩu súng xuống mặt nhựa, bỏ mũ xuống cố gắng bật lửa chậm thuốc. Luồng gió đều đều làm tắt ngọn lửa nóng bỏng trên tay. Chiếc bật lửa rơi xuống tạo một tiếng va ngán trên mặt đường. Tiếng nói cất lên từ phía sau ;

— Chuẩn úy đứng thế, trông rõ lắm.

Không hiểu vì lý do gì, chàng đột nhiên cảm tình với giọng nói đó, giọng nói vô danh, gần như không thuộc về một người nào đằng sau, có vẻ như phát sinh từ cái không gian lơ mờ hỗn độn đang bao quanh. Chàng ngồi xuống, kẹp chiếc mũ giữa hai đầu gối, gắng bật một lần nữa, đầu như lọt vào trong mũ khi vùng lửa đỏ vùng lên. Khói thuốc êm ả, mơn trớn lam chàng chợt nhận ra lưng, ngực ướt đẫm mồ hôi, những giọt buồn buồn chảy dài, dừng lại một khoảng khắc ở thắt lưng rồi biến đi. Các nhà bên kia có tiếng lao xao, chàng lắng nghe, tiếng động vụt im. Tiếng Ra trầm khể từ một khoảng trống bên vệ đường :

— Tụi chúng chắc bị hai tên. Có hai vũng máu sau bếp cái nhà kia.

Chàng tì một tay ngả người thấp xuống, cố định rõ hướng theo cánh tay Ra. Không gian vụt sáng rõ hẳn lên, mặt trăng tròn đã lên khỏi dạng cây, chàng nhận thấy tấm kim khí trên cổ tay người phụ tá lắc lư theo một nhịp điệu. Hai binh sĩ xuất hiện, hối hả lại gần :

— Tụi chó đẻ, Chuẩn-Úy ! Tụi chúng ban nãy đã nấp sau chuồng bò. Chính thằng Vịnh trông thấy rõ ba đốm lửa hướng đó, quạt vô một băng trung liên... Làm một con bò chết ngắc, một con ngắc ngư... Chuẩn-Úy cho gọi chủ bò dậy mổ bán lấy thịt ?

Chàng cúi xuống hút một hơi, điều thuốc để trong lòng mũ, trả lời không suy nghĩ.

— Cũng được. Anh Ra cho trung đội bố trí quanh khu này rồi hãy cho dân ra khỏi nhà.

Hai bóng đen khuất đi, chìm lẫn vào bóng tối của hàng cây. Tiếng đập cửa vang lên trong vùng yên tĩnh : « Cô bác mở cửa đi ! Tụi tôi Cộng-Hòa đây ! » Chàng cúi xuống hút một hơi thuốc trong mũ, tiếng gọi và đập cửa lúc rõ lúc mờ theo sức mạnh yếu của gió. « Cô bác mở cửa .. Cộng hòa đây ! ». Chàng ngửa cổ cho gió lùa xuống ngực, các giọt mồ hôi se dần trên da. Các tiếng nói lẫn lộn, trao đổi, một vùng ánh đèn xuất hiện làm các bóng người hiện ra thành từng vệt dài trải về phía lộ. Vùng ánh sáng vàng di chuyển về phía chuồng bò, những tiếng động khó xác định xuất xứ bắt đầu nhiều hơn. Chàng như muốn ngái ngủ, ánh đèn di chuyển qua các bóng hiện trên tường làm đũa trẻ là chàng hơi sợ hãi kéo chắn lên chùm kín mít, giấc ngủ đến êm đềm và buổi sáng đến trong tiếng gà mẹ gọi con ngoài sân những khung vàng nhạt trên vách cửa ánh nắng mặt trời qua khe hở trên khung cửa căn nhà tại quê cũ. Hơi nóng dầu thuốc bắt đầu tỏa vào ngón tay, chàng cúi xuống cố hút một hơi chót, buồng mầu thuốc xuống, bốc đất phủ lên từ từ. Chàng đứng dậy.

Vùng ánh sáng rực rỡ hẳn lên khi chàng bước vào sân nhà. Một đũa bé ngái ngủ ngồi thẩn người trước ngọn đèn nhỏ đặt trên đất, chàng dừng lại một khoảng thời gian, nhận ra đó là một đũa gái tóc rối rũ trên vai áo rách lộ một khoảng da trắng nhạt. Một nỗi xúc động xuất hiện, chàng tự nhủ : nào có gì đâu,



một cô gái bé ngồi ngái ngủ cạnh ngọn đèn dầu, chỉ có vậy. Nhưng nỗi xúc động vẫn còn đó, ray rứt và bí ần. Chàng băng qua sân, tới tì tay vào một then ngang nhìn vào chuồng bò : một con vật nằm dài mắt một bên đui, một người đàn ông cởi trần ngồi quay lưng lại lúi húi xẻ thịt, thỉnh thoảng bê một khối bầy nhầy vớt vào chiếc thúng. Nỗi xúc động tan biến đi khi chàng nhìn rõ người đàn bà ngồi cạnh thúng, hai tay tì trên đầu gối, bàn tay buông thõng xuống gần chạm đất. Tuyệt vọng và khốn khổ có đó rồi, điều chàng âm thầm lo sợ nó hiện ra đầy đủ như thế với hai vệt nước mắt ướt trên da mặt đã bắt đầu nhăn của người đàn bà. Người đàn ông cởi trần mệt mỏi đứng dậy vắn người, hai bàn tay mở nguyên dang cách xa thân hình, các vệt máu bắt đầy đen thẫm óng lên giữa các kẽ ngón. «Giúp tui một chút chứ ! Ngồi đó mà khóc ích chi». Con bò thứ hai đứng sát vách chuồng đối diện bắt đầu run rẩy dữ dội, hai chân trước lầy bầy, các vết đạn thủng lỗ chỗ trên lớp lông vàng bết máu. Một bóng đen lại gần ngay cạnh làm chàng quay nghiêng đầu, nhận ra khuôn mặt bình xạ thủ trung liên đã chúi đầu bắn cả một băng đạn lên mái nhà. Nửa người trung đội phó đột hiện rõ trong vùng ánh đèn, đôi mắt nhỏ long lanh phản chiếu ánh sáng lộ vẻ điềm đạm, chàng thêm muốn có được thái độ ấy vì nỗi xúc động còn đang tiềm tàng, ray rứt. Có gì mà phải... đã có người dân nào bị chết... Chàng đứng thẳng người dậy, lấy thuốc châm hút. Phải rồi, có lẽ thế, chàng đã đứng đưng nhìn nhiều xác chết nhưng nhìn rõ chúng trong tư thế cứng ngắc, thực chết. Còn buổi tối, khối vô định dưới tấm bạt chiếc giầy thoi khỏi sàn xe lắc lư trong vùng ửng đỏ và bây giờ nỗi thống khổ hiện ra kia, con bò run rẩy hấp hối và người đàn bà ngồi khóc. Ra nói với người đàn ông : «Bác mò con kia đi. Nó sắp chết rồi». Người đàn ông lâu nhàu một câu không rõ, lại gần vách cầm khúc gỗ lớn nhưng một người đã vụt bước vào đánh ngược báng súng vào đầu bò. Con vật loạng choạng gục xuống, tứ chi tiếp tục rung khê. Chàng nhận ra người đánh báng súng là xạ thủ trung liên. Bây giờ đầu hắn cúi xuống, vài đợt tóc dính bết mồ hôi trên trán. Ra nói : « Bán thịt cả hai con được chừng bao, bác ? ». Người đàn bà im lặng giơ tay quệt ngang mặt, chàng gọi nhỏ : « Ra, Cát, rút đi thôi... ». Chàng hướng ra phía lộ và khi đi qua đừa bé ngồi trước ngọn đèn chàng chợt nhớ ra đêm khuya ở quê ngoại, mẹ chàng đặt ngồi cạnh ngọn đèn để giúp người đàn bà săn sóc mấy con heo bệnh bất ngờ. Mặt quốc lộ như không còn một vết bụi, loang loáng ánh trăng chạy dài về phía cây cầu đúc, chàng vẫy tay cho quân vượt qua khu đất trống, bóng tối của dặng cây cao úp phủ lên làm chàng bắt đầu nghe thấy tiếng rế kêu trong cỏ.

Có tiếng gọi từ phía đồn, hai người lắng nghe, Vũ nói :

—Họ gọi anh về ăn cơm kia.

Định đứng dậy đeo súng lên vai, hỏi :

—Đánh trận, vấn đề sinh lý ra sao ? Đòi hỏi dữ dội lắm phải không ?

Vũ ngồi im trên bực thềm đất, mắt nhìn theo lơ đãng một con chim sẽ nhay từng nấc gần vại nước :

—Bịa, đại khái thôi, còn ít bị thôi thúc hơn là ngồi văn phòng nữa.

— Tôi thấy...

Vũ ngắt lời, giọng khó chịu :

— Anh hiểu sai vấn đề rồi. Nhưng rồi anh sẽ biết. Hồi ở quân trường khác, ở đây khác. Lĩnh hành quân về, nhào lấy gái không hẳn vì nhu cầu sinh lý. Có lẽ vì một cái gì khác hơn. Không biết anh sẽ thế nào, còn tụi tôi hôm trước vừa mới đũa một châu xong, hôm sau hành quân đặng địch một trận ba tiếng đồng hồ, rút về hậu cứ một đêm bồ sung, sau một châu bia là cả bọn tôi lại nhào tới chỗ có gái trong năm phút ấy rồi...

Định cúi nhìn mũi giày đang di một màu thuốc vào sâu trong đất, Vũ nói tiếp .

— Bàn giao thể là đủ rồi. Còn chiếc võng, tôi còn dùng đêm nay. Sáng mai trao quân, trao võng luôn. Cho anh mượn một thời gian dài hạn.

— Anh cứ nói với bà xã tôi may hộ một chiếc nữa. Anh cho dùm chi tiết. Khi nào có dịp lên thăm mang lên sau. Anh đưa lại tôi danh thiếp, tôi viết thêm mấy chữ cho tiện, anh Vũ.

Định ngồi xuống, kê ngang báng súng trên đùi viết. Mu bàn tay không chỗ tựa, ngọn bút như lạc khỏi ý muốn làm chàng không muốn viết nhiều. *Em nói đúng, không có gì ở đây cho anh cả. Và ở Saigon cũng không có gì cho anh hết. Anh đang ở một thứ tiền đồn.* Vũ cầm danh thiếp lên, hỏi :

— Đọc được không ?

— Cứ tự nhiên.

Định đứng dậy, đeo súng lên vai. Dáng vàng còn dấu vết trên tấm danh thiếp hơi rung động trong những ngón tay Vũ. Có tiếng gọi, chàng ngừng lại. Vũ tiến lại gần, tấm danh thiếp còn cầm ở tay, giọng nói nâng cao đề át tiếng động cơ một xe vận tải đang chạy lại gần :

— Anh nói dùm với Yên là đêm này trung đội tôi đi kích. Tôi cho số nhà nào, cứ bắn ngay số nhà đó, khỏi điều chỉnh...

Chiếc xe vận tải lại gần, tiếng động cơ át giọng nói Vũ. Chiếc xe lao xuống dốc bằng qua giữa đồn và chợ, một làn khói xanh bay là là mặt lộ. Định hỏi lại :

— Anh nhắc lại đi. Nửa câu dưới tôi nghe không rõ.

— Thôi không cần.

Định đứng yên nhìn bạn chờ đợi. Không vì một lý do nào cả, chàng muốn biết Vũ đã nói những gì khi chiếc xe chạy qua. Nhưng Vũ đã quay người đi vào vườn, báng khẩu súng va vào một kẹp đạn kêu vài tiếng khê.

oOo

Chị mở nắp, hơi cơm bốc ra ngùn ngụt trắng, tỏa ấm áp quanh mặt. Ba trở vào, chiếc khăn mặt vắt trên vai ướt sũng, mái tóc dính vài giọt nước.

— Cơm bữa nay ngon dữ há !

— Uống rượu vậy rồi sao mà ăn. Tui làm cốt cho má con tui ăn đó !

Ba cười theo vợ, trên mặt không còn dấu vết say. Tiếng sẻ kêu vang trên tàu cau trước sân làm lòng chị dịu xuống và phẳng lặng. Mọi sự đều như bao ngày, tiếng chim sẻ kêu nhiều hơn, nồi cơm bốc khói và tiếng cười của Ba khi thấy có

món ăn ưa thích. Mọi rung động lay chuyển chị đã qua đi, nhưng còn lẩn quanh một nơi nào đó. Chị biết thế, chúng đang chờ đợi. Chúng sẽ đến, sẽ trở lại như bóng tối không cái gì cản được.

— Anh nè !

— Chi vậy ?

Ba ngừng lên nhìn vợ nhưng vẫn tiếp tục và cơm.

— Tối nay ra bà Bảy ngoài chợ ngủ một bữa đi.

— Chi vậy ?

— Còn chi vậy cái chi nữa. Tối nay tui không có muốn vác cuốc ra đào lộ.

Ba đưa một tay ghì chặt chiếc nôi, cạy mẩu cháy :

— Chắc tối nay mấy ảnh không về khu này đâu. Đào hoài rồi.

— Biết thế nào được. Đại diện xã có nói mấy ông trên đồn có lệnh rồi. Dân mà ra đào lộ đập mố, sẽ bắn súng cối chết bỏ.

Ba sừng sốt đặt miếng cháy đang cắn dở trong miệng xuống mâm :

— Thăng Tía bảo vậy hả. Gặp nó hồi nào?

— Lúc trưa này. Lại cho biết tui mình cần hai người chứng hợp lệ, ông quận mới cấp... Làm cái chi mà mặt chù ụ ra vậy. Tui nhờ mấy bà làm chứng được mà.

— Thế sao lúc tôi đi ra hồi trưa không gặp nó! Nó chỉ kiếm cớ cà rà vô đây...

Ba đã cao giọng, sợi gân xanh ở cổ đã hiện ra làm chị ngại. Bữa nay chị mệt lắm rồi, không còn muốn gây gổ, chỉ muốn mau xong bữa cơm ra rửa bát đĩa trong bầu trời tối dần, nghe Ba phì phà thuốc lá nói truyện mần ăn trong ngày. Chị đứng dậy, đặt tay lên vai chồng, xoa xoa:

— Đừng có giận dữ dậy nè, bấy nhiêu cãi lộn chưa đủ đã sao? Anh ở đây đi ra, mặt anh chù ụ như thế đó, có ai mắc mớ chi mà chặn lại nói chuyện. Người ta phải vô đây là phải quá.

Chị cúi xuống cạy một tảng cháy mềm cạnh nôi, gắp mấy con tôm bỏ vô, quần lại lấy tai bóp tròn thành khúc, đưa chồng. Ba nín thinh nhưng gân xanh trên cổ đã nhạt. Chị cười:

— Người chi là khó tính : Một ngày ba bốn hồi ghen tuông, ai mà chịu cho nôi. Mai mốt mà còn thế, mẹ con tui bỏ xã lên tỉnh lấy chồng khác cho anh coi.

Chị cười lấy bàn chân giơ lên cọ vào đùi chồng. Ba cắn một miếng cháy lớn, nói lúng búng trong miệng :

— Xềnh một chút, đã thấy thằng chả cà rờ quanh nhà rồi. Ai mà chịu ngồi im.

Nụ cười của chị cứng lại trong cổ họng, nước mắt bắt đầu ứa ra kẽ mắt. Ba bối rối, và hỏi hận :

— Rõn một chút thôi, có định chi đâu. Tui xử huề từ chiều rồi kia lặn.

Hình dáng người đàn ông to dần, một cánh tay quàng qua lưng nhưng nước mắt vẫn dần dần trong mi. Chị không giận, không hề thấy giận người đàn ông quen thuộc này. Nỗi buồn đã trở lại và không còn ai có thể lắng nghe những điều đang muốn nói. Mẹ chị chết rồi và Ba biết chi về chị. Một vụ cưỡng hiếp trên

đồn đã lâu, chỉ có thể, Ba chỉ có thể. Má chết rồi, không còn ai, không còn ai cả, Ông chết rồi, Hải ở bên kia sông trong bụng, chỉ còn có Tía nhưng Tía đã trở về muộn quá, Không, chị không thương gì Tía hơn Ba, nhưng Tía là một phần của quá khứ. Chị đã kể và Tía đã lắng nghe những truyện trên đồn, truyện Ông, truyện Hải và vẫn còn tiếp tục thương chị như ngày trước. Nhưng rồi buổi trưa, mọi sự sẽ đưa tới đâu. Đàn ông chỉ cần ngủ với chị, có lẽ thế thôi, tiếng Ba thì thảo bên tai, một bàn tay dưới vải áo vuốt ve nhẹ nhẹ lên ngực, nước mắt chị trào ra. Rồi, Tía sẽ được thỏa mãn ngay đêm nay, ngay ngày mai. Hắn ngủ với mình rồi sẽ bỏ rơi, đi lấy vợ. Cũng được. Thà thế cho xong đi. Còn đứa nhỏ, còn có nó đề sẵn sóc và còn Ba, những cơn ghen tuông giận dữ và những châu rượu say sưa nồng nặc. Bây giờ đã quyết định cho Tía thỏa mãn, một lần hay nhiều lần cho tới chán, chị thấy mong hắn chết luôn đêm nay cho rồi. Đúng vậy, chị đang mong hắn chết, chỉ có thể là tiện nhất. Còn hơn hắn chán rồi nhưng lúc nào quá bị thôi thúc, lại đến và chị sẽ chẳng có lý do nào không chiều thêm một lần nữa bởi vì đâu phải là không thích thú. Đúng vậy, Tía chết quách đâu cho rồi, chị đưa tay quệt nước mắt, kéo bàn tay chồng đang úp trên đầu ngực ra :

— Thôi ! Trời đã tối đâu. Bữa nay làm tui khóc mấy lần rồi đó. Đêm nay đừng có hòng...

Ba cười, đứng dậy kiểm thuốc về thành điều :

— Biết rồi. Đợi coi ai nghèo mà ham.

Bộ mặt đặc chí của chồng làm chị phì cười, bê bát đĩa đứng dậy ra sân. Không gian còn sáng, phía chân trời bên kia sông vàng nhạt. Chị nhớ tới Hải. Cũng hay hút thuốc quẩn như Ba lúc này. Tía chắc rồi cũng chết chứ chẳng không. Đạo này mấy ảnh ham giết đại diện xã. Nhưng khi thò tay vào vại nước, chị đã biết chắc rằng chị sẽ không mong như thế, không nghĩ như thế khi có Tía ở gần. Mùi thuốc lá khen khét bay quanh, tiếng Ba nựng con vang rõ trong khu vườn. Bên kia bụi mía, đã có ánh đèn thấp lên.

oOo

Bình hầu cận ngừng tay bơm dầu, đèn măng-xông đã sáng xanh cả căn phòng, lấp loáng trên hàng cột và bát đĩa trên bàn. Một con gà quay lớn để giữa bàn lớp da nâu bóng mỡ làm Định cảm thấy đói, nước miếng ứa ra. Vùng chiến trận, vùng chiến trận rồi đó, Định thì thảo và mỉm cười vu vơ. Mới đêm qua, chàng gọi món gà hầm nấm, không ăn hết được một nửa và cũng không thấy ngon. Chàng ngồi xuống ghế, tiếng ga-men va nhau thật thanh ngoài sân, hình đen thẫm của người lính ngồi xếp bằng trên lô-cốt gần như bất động. Chiếc bàn đã đầy người bao quanh, một chai bia từ phía sau xuất hiện trước mặt, những bọt trong li ti từ đáy ly bốc lên biến vào lớp bọt trắng mỏng dần. Yên nói :

— Một bài diễn văn chẳng ?

— Thôi, miễn cái món khó tiêu ấy đi.

Viên thiếu tá nghiêng đầu nghe Vận dịch các câu đối thoại, mỉm cười lắc

đầu, giờ ly cũng với tiểu đoàn trưởng. Những đôi đũa di chuyển, những câu nói trao đổi về món ăn, những ly bát va chạm. Định có cảm tưởng đang ngồi trong một gia đình an bình, không có một cái gì khác biệt bữa cơm tối thông thường nhưng chàng biết, chỉ ngừng đầu nhìn cao hơn mặt bàn, mọi sự sẽ không còn như thế. Những âm thanh, những không gian, những câu nói tình cờ móc nối với những kỷ niệm trong di vãng tạo ra một an bình giả tạo, chàng biết vậy, nhưng thích như thế kéo dài. Hơi nóng từ đèn măng-xông tỏa xuống làm chàng bứt rứt dưới lưng áo. Căn phòng nhỏ bé đóng kín cửa hấp hơi ngọt ngào nhưng đó là một cơ tốt để chàng không mặc gì ăn cơm và Linh phải mặc bikini dài buộc sang một bên hông thành một cái nơ nhỏ ngồi bên kia chiếc va-li đặt trên xi-măng có phủ một tấm vải thay cho bàn 'Mở cửa sổ đi anh, nóng quá em không ăn được'.

Những bát cơm dở dang đổi lẫn cho nhau, những thời gian đứt quãng để hồn giữa những giọt mồ hôi trên da ngực nhòe lẫn, những đôi môi tròn mở thức ăn chen lẫn vào nhau. Không còn gì, không có cách nào khác hơn nữa để hòa lẫn với người yêu bên kia. Không thể còn một cách nào khác. Đôi khi mùi da thịt Linh tỏa ra làm tâm hồn chàng mờ nhạt, tan thành một ý muốn độc nhất và biến làm nàng nhưng chàng biết, khi ghé sát mũi thu làn hương ấy, động tác giao hợp sẽ tới không ít gì cho việc thỏa mãn ý muốn ấy. Giao hợp chỉ là một khoảng khắc sung sướng, pha lẫn tình yêu đôi khi, một thời gian thân mật tiếp cận kế tiếp sau đó bằng mỗi một của cơ thể. Đôi khi chàng đã muốn thử thật tàn bạo, vò xé cấu cắn cái thân thể kia, nhưng chàng không làm được bởi những giọt nước mắt và nỗi đau đớn của nàng còn là một bức tường giấy hơn, cao hơn ngăn cách giữa hai người. Yêu đến bao nhiêu, nhiều đến thế nào, cũng chỉ đạt một tiếp cận như thế, một khoảng chẳng ra gì giữa hai đầu đường cong của một hyperbol với hai trục. Cùng lắm, có lẽ trước khi phải cùng chết chung một lúc, chàng đoán vậy, hai người có thể đạt đến một thứ tiền đồn. Nhưng tiền đồn ấy của tình yêu sự sống hay sự chết? *Em mong rằng có linh hồn, bởi vì như thế người ta dễ sống và dễ chết hơn.* Hardy đặt ly uống cạn xuống bàn, mu bàn tay đầy lông nâu cựa cựa, một câu ngoại ngữ làm chàng lơ đãng lắng nghe :

— Mình có chai whisky, sao không uống, sir ?

Viên thiếu tá lắc đầu, đưa đũa cố kẹp một lá rau :

— Anh quên châu rượu chốc nữa sao ?

(Còn nữa)

**THẾ-UYÊN**

Mỗi người ý thức và tự động tìm đọc :

Tạp chí của một lớp người trước chiến tranh và thân phận

## **SAU LƯNG CÁC NGƯỜI**

*Chủ đề số 1 : Tuổi trẻ, Chiến tranh, và người Mỹ*

Chủ nhiệm

**NGUYỄN LÊ CANG**

Thư từ bài vở ấn phẩm : **PHƯƠNG TẤN**

Tòa soạn và trị sự

39 Phan Thanh Giản 39

**ĐÀ NẴNG**

| N | U | Ớ | C |   | M | Ắ | T |

TRUYỆN NGẮN

Khi tôi nhường được đôi mi nặng trĩu thì trời đã hết nắng. Tôi lại nhắm mắt lại. Biết đâu mình không nhìn thấy gì thì cơn đau giảm bớt một phần nào. Tôi nhắm mắt lại. Tôi tự nhủ ừ phải đó Mai, cứ nhắm mắt lại đi. Cứ tưởng như xung quanh mọi người đều chết hết. Bà chủ chết, chị Tư chết, chị Cúc — bà chủ nuôi em — chết, mấy thằng cha khách chốc nữa đây vào nơi này rồi cũng chết. Ở ngoài xa kia, ba tôi chết, má tôi chết, thằng em trai chết. Cơn đau thật tàn nhẫn đối với tôi. Đáng lẽ tôi không phải đau đớn như thế. Tôi không tàn bạo với ai. Tôi làm bõn phận của một gái chơi, đối với khách, đối với chủ. Tôi cũng biết rồi chứng bệnh nào đó cũng sẽ đến. Tôi ngờ được nhưng tôi không tránh được. Như một ngẫu nhiên, một điều phải xảy ra ngoài tầm lần tránh của tôi. Tôi mê man suốt một ngày hôm qua, một đêm vừa rồi, và trọn ngày hôm nay. Má ơi. Má ơi. Ba ơi. Ba ơi. Ba má ở xa quá. Con không thềm ba má nữa. Con đã đi và con đánh liều thân thể, nhan sắc của ba má đã cho con.

Tôi nhắm nghiền đôi mắt. Trước mặt tôi là bóng đen. Trong đó có những vòng tròn xanh, vàng sáng loé. Vòng tròn nhảy lộn thành những hình mặt trời, mặt trăng. Miệng tôi khô nát. Cờ họng thì nóng bỏng. Tôi không thấy đói nữa. Chỉ mong làm sao, lay trời làm sao cho cơn bệnh mau hết. Cơn bệnh làm tôi không mặc quần được. Tôi quàng ngang mình tấm «drap» bần những vết nước màu. Ối chao, nó đó, bệnh đó, nó làm tôi nghiền răng, nhăn cả mặt mày. Nó nhức nhối đó. Tôi van nó mà. Gì mà đau thế. Nó cứ bẻ xương tôi đi, rồi quăng tôi xuống sông đi. Đừng hành tôi thế này nữa. Hay là nó cứ bắt tôi chết đi tôi cũng ưng. Cái chết gần lắm. Dễ lắm Mai ơi ! Sao mày không chết đi. Nếu không chết được thì cũng không khóc. Đừng khóc Mai nhé. Đau lắm hả. Đau có bằng lúc thằng Xuyên nó bỏ mày đi cưới con

Thanh ở dưới xóm Dừa. Cái đau này tầm thường. Cái đau trên thân thể. Ồi chao, nó đó. Nó giật này mình tôi lên. Nó nhức quá. Nó làm tôi khóc. Tôi ảm ức. Nước mắt đã loang đầy trong tròng mắt. Nước mắt chảy xuống má, vào môi, mặn như muối. Thôi, tôi thua rồi. Tôi khóc rồi còn gì. Tôi đã bảo tôi không chịu thua nó. Tôi quay mình, úp mặt xuống nệm. Bây giờ tôi lại nghĩ tới ba, tới má, tới thằng em. Hồi tôi ra đi, lúc đó tháng tư, trời nắng, mấy chục mẫu ruộng của xóm tôi đều chết cháy. Tôi lên bỏ nhà đi lúc nửa đêm, bụng nói rằng đi luôn nhé, không thêm nhớ ai hết, đi luôn nhé, làm gì cũng được. Bây giờ, không thêm giữ lời hứa. Tại sao lại nhớ? Còn gì để mà nhớ. Ba tôi đó, người đàn ông năm mươi tuổi, lăm lì, ăn cơm thật nhiều và suốt ngày làm việc ở ngoài đồng. Ông có một thế giới riêng để sống lăm lì. Lấy cái lăm lì, ít nói làm cái thế giới hạnh phúc của riêng ông. Còn má tôi, người đàn bà lấy những con gà, con vịt làm bổn phận của người mẹ, người vợ. Hàng ngày má lo dự trữ thóc lúa cho gà, cho vịt. Má trông cho nó mau lớn để thả ra đồng. Má trông cho nó mau lớn để đem xuống phố bán. Rồi má lo nấu cơm cho ba ăn. Lo cho đúng bữa, đúng giờ. Cơm nhão quá ba rầy. Cơm có mùi khét thì ba mắng là đàn bà lẳng, chỉ có việc cơm nước mà không xong. Ba khó tánh và má thì sợ ba như sợ một uy quyền sẵn có từ bao giờ.

Ba tôi đó, má tôi đó. Cuộc sống gọn gàng, thu hẹp chừng ấy. Còn thằng Liêm, năm nay 14 tuổi, đang lang thang dưới Tây Ninh. Nó không giống ba. Cũng không giống má. Càng lớn càng ranh. Nó học lớp nhứt trường làng hồi năm ngoái. Nó biết đi gánh muối vào buổi tối để lấy tiền đánh bài cào, xì lác. Mỗi lần đi gánh được mười lăm đồng. Về nhà nó đánh bài thua. Nó tức. Tối không học bài, không ngủ được. Cả ngày hôm sau nó chờ đợi tối đi kiếm tiền. Nó biết chuyện ông thầy giáo của nó lên tặng cho con Hồng — đứa học trò gái 14 tuổi của lớp ông — một chiếc vòng. Nó còn biết ông thầy giáo trẻ đó bảo rằng sẽ chờ con Hồng 4 năm nữa. Nghe câu chuyện đó, tôi tới trường nhìn mặt anh giáo đó. Qua năm sau thì thằng Liêm bỏ học. Nó xăm trên cánh tay hàng chữ «Chim non lia tổ». Ba tôi bắt nó đánh, hỏi ai bảo mày làm thế này. Nó không nói gì. Ba tôi đánh và nó cứ khóc. Má tôi can ba ra, nói rằng nó nhỏ nó ham vui mà xăm như vậy. Tôi bắt đầu nhìn nó bằng vẻ mặt nghi ngờ. Có lẽ. Em Liêm ơi! Có lẽ em sẽ bỏ nhà ra đi. Tại sao chị bắt đầu buồn như thế này. Đêm ngủ, chị nằm mơ thấy em làm lơ xe, rồi đánh giầy, rồi ăn cắp, bị người ta đánh máu chảy quanh mồm. Chị khóc lên. Chị thương em quá. Em còn nhỏ quá. Má đập tay lên bụng chị nói chi mà hoảng thế Mai, con gái lớn ngủ với má mà còn khóc. Sáng dậy, chị thấy mặt em buồn lắm. Khuôn

mắt em tròn, hai con mắt sáng thông minh, nước da đen chắc. Em con trai lắm. Tại sao khi hôm máu em chảy quanh mồm thế kia. Chị cầm tay em chạy qua nhà con HỒNG hái khế, ổi chua. Em hỏi con HỒNG thừa cô ạ, nghỉ hè thầy về quê rồi, cô giáo có nhớ thầy không? Con HỒNG, tội nghiệp nó nhìn chiếc vòng đen trên cổ tay trái, cúi mặt xuống. Chị dắt em ra sau vườn nói thôi em, con HỒNG nó van em đừng chọc nó đó. Em nhìn chị. Em muốn nói gì đó hả. Thôi chị biết rồi. Chị ngại quá. Chị lại thấy buồn. Mà thật, hôm sau nó bỏ đi. Em tội đó, nó bỏ đi.

Tôi ngừng mặt lên. Cả một khoảnh nệm ướt mềm nước mắt của tôi. Tôi đã khóc nhiều quá. Thôi Mai, khóc làm gì. Ồi chao, Liêm ơi chị nhớ em quá. Bây giờ chị lại đau đớn cả thân thể nữa. Tôi luồn tay qua tấm «drap». Một bên cửa mình tôi sưng vù lên, nóng như nước sôi. Tôi rút tay ra, dang hai chân ra hai bên, hít hà, Gần hai ngày nay tôi chưa ăn uống gì. Tôi nghĩ mình sẽ chết. Chết tại cái căn gác tối tăm, có những bức màn xanh chia ra từng giường. Ba má ơi! Ba má sẽ không hay biết gì. Em Liêm ơi! Giờ này em đang làm gì. Em đã rửa sạch những vết máu trên mặt em chưa? Ai đánh em vậy. Em còn nhỏ quá. Tại sao em bị họ đánh? Ai đánh em đó? Chị lại nhớ tới em. Tại sao nước mắt chị nhiều thế này.

Ở giường bên, chị Tuyết đang kéo một chàng thanh niên ngã vào lòng chị. Chị Tuyết nhí-nhảnh. Chị làm như chị là con gái mới lớn. Hai năm rồi còn gì. Tôi hỏi chị có khi nào chị bệnh như tôi thế này không? Chỉ bảo thường lắm, chịu khó khóc vài hôm, rồi sau đó lại làm ăn như thường. Chị nói dễ dàng. Sao chị không nhìn thấy cái đau khổ của tôi, cái nhức nhối làm tôi khóc và nghĩ tới cái chết là xong hết mọi việc.

Chàng thanh niên kéo tấm màn xanh kêu rền rẹt. Bên trong là sinh hoạt. Cái sinh hoạt dễ dàng. Nói thật tôi chưa lần nào cảm xúc vì cái sinh hoạt đó. Tôi làm việc giống cái máy. Tôi hôn. Tôi vuốt ve. Cả đến cái chia tay nhận tiền. Cái cười. Cái hẹn hò nay mai anh đến cũng thành cái máy nốt. Ai cũng có công việc để làm tối nay. Chỉ riêng tôi bơ vơ trên ba tấm nệm này. Tôi muốn làm việc cho vui.

Hai người khách ngồi trên ghế, hỏi bà chủ em



này sao đó bà chủ. Chị Cúc nói nó bệnh đó. Tôi trơ mắt nhìn khách. Chưa bao giờ mình li đến như vậy. Cái mặt này đầy rồi, dao cạo cắt không đứt. Cái mặt này cũng liều sống chết một phen xem sao. Cái chết và cái sống gần gũi như những giọt nước mắt này. Bỗng một người khách đi lại phía tôi. Hấn ngồi xuống rờ tay lên trán tôi. Tôi nghe hơi lạnh từ lòng bàn tay hấn đi vào tim não tôi. Hấn hỏi em bệnh hả. Tôi nhìn hấn, khẽ gật đầu. Cái khuôn mặt ngơ ngẩn như vừa có việc gì buồn. Hấn mặc cái áo ni-long sọc ngang bỏ ra ngoài. Tóc hấn chải rẽ, giống học trò, cái loại học trò hai mốt, hai hai hằng ngày tôi vẫn thường trông thấy đi ngang trước chiếc xe nước đá của chị Bảy. Hai con mắt hấn sáng, thông minh. Đó cặp mắt của em tôi đó. Tự nhiên tôi có cảm tình với hấn.

Hấn hỏi tôi uống thuốc gì. Tôi nói không uống thuốc gì hết. Sao vậy. Tại không có tiền. Còn bà chủ? Bà chủ hẹn chiều mai đem đi Bác sĩ. Hấn cầm tay tôi, bóp nhẹ. Hấn sợ tôi đau chẳng. Không, bóp bàn tay em đi anh, bóp cho thật mạnh cũng chẳng có gì là đau đớn. Hấn lại thả bàn tay tôi ra, đặt lên một chiếc gối. Rồi hấn đặt tay lên màng tang tôi. Hấn nói hai thái dương em giật mạnh và mau lắm, em nhức đầu nhiều lắm phải không? Tôi nhìn hấn, khi nhướng hai mi mắt. Tự nhiên gật đầu, tôi muốn nói tôi thương hấn đấy. Cặp mắt hấn sáng, thông minh, Cặp mắt của em trai tôi đấy. Tôi muốn ghì cặp mắt ấy vào lòng tôi suốt một đêm này. Tôi bảo hấn, anh nằm xuống đây nói chuyện chơi đi anh. Hấn nằm sát bên tôi hỏi nói chuyện gì bây giờ đây em. Tôi gắng đưa tay lấy chiếc gối trao cho hấn. Vòng đèn bóng nhỏ màu đỏ màu xanh trên trang Bà như tối dần. Mọi vật xung quanh tôi xoay vòng tròn. Cái vòng tròn mờ mịt, mỗi lúc mỗi lan rộng không biết mênh-mông đến bao nhiêu. Tôi trở thành một điềm bé nhỏ, quay cuồng trong đó. Tôi muốn điên lên. Nước mắt tôi lại tuôn ra. Bỗng hấn lật mình ngồi dậy nhìn tôi. Đôi mắt thông minh ấy trong chốc xiu trở thành buồn ngáy ngất. Hấn cúi xuống khuôn mặt tôi. Tôi nhắm nghiền mắt lại nước mắt lại được dịp trào ra nhiều hơn. Hấn hôn lên cặp mắt tôi thật lâu, âu yếm làm tôi trong một phút tôi muốn cho hấn hết tất cả. Nhưng không Mai ơi! Mày không có gì để cho hấn. Một tấm thân thối-tha, sinh lây không ai muốn dung thân mày. Mày như một chiếc lá vàng bay vèo ngoài ruộng năm xuống đó, khô cháy rồi rã tan như bột. Nhưng không, tôi phải còn một cái để hiến dâng cho hấn chứ, cho thật đầy đủ, tròn đầy. Hấn cầm lấy bàn tay tôi bóp nhẹ. Hấn hỏi tại sao em khóc, em tên gì. Hấn ngơ ngẩn quá. Tôi đau đớn thì tôi khóc. Còn tên em ư? Em tên Mai. Hấn gật đầu. Hấn lại vuốt má tôi nói em Mai, em đừng khóc nữa,

anh không muốn thấy em khóc. Tôi nói khờ lắm anh ơi, chắc em tự-tử chết cho rồi. Hấn nhìn trừng vào mặt tôi bảo tự-tử không giải quyết được gì. Rồi hấn lại cúi xuống hôn lên cánh tay trần của tôi. Tôi nói đừng anh, mấy hôm nay em chưa tắm rửa gì.

Chị Cúc bước lên gác, đẩy cửa nhìn. Chỉ hỏi hấn đi em nào. Hấn nói hấn không đi cô nào, thăm cô Mai một chốc rồi về. Tôi cũng muốn hấn ra về. Chị Cúc khó. Một chốc chỉ sẽ dẫn vật Mai cho mà coi. Tôi cầm tay hấn hỏi vội anh đang làm gì ở đây. Hấn lắc đầu nói anh thất nghiệp và đang đi tìm việc làm. Tôi nói thôi anh về đi, mai anh đi tới thăm em cũng được.

Hấn ngồi thẳng dậy bỏ chân xuống giường. Tôi nhìn thấy hấn bước ra cửa. Căn phòng tự nhiên trống. Tôi nghe rõ tiếng dép của hấn bước lạch xạch trên thang gác gỗ. Ngày mai hấn có tới không hấn có tới không, hay hấn sẽ đi mất. Tại sao tôi nhớ đôi mắt hấn thế này. Ồi chao, cái đau nhức lại vùng dậy đó. Như những nhát dao bằm trên ngực trên bụng trên mặt trên đầu tôi. Tôi ngắt đi giữa tiếng kéo màn lệt rệt, tiếng nước chảy trên máng xối và tiếng chị Tư cười với khách ở trong buồng.

## VU - ĐOÀI

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐÈ ĐÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sửu - Téléphone 20-821 - SAIGON

## Gemini-10 : những kỷ-lục mới

Cuối tuần qua, sau chuyến bay ngắn ngủi chưa đầy hai ngày, John Young và Michael Collins, hai phi-hành-gia của Gemini 10, đã trở về trái đất. Chuyến bay của hai người đã là chuyến bay lạng lẽ nhất mà cũng là chuyến bay thành công nhất. Báo chí thế giới chỉ loan tin chuyến bay một cách chiếu lệ. Tổng Thống Mỹ không gọi giây nói cho các phi-hành-gia sau khi thi hành nhiệm vụ, như thường lệ, và trong khi thi hành nhiệm vụ hai phi hành gia cũng lại ít nói hơn thường lệ. Nhưng trong sự thản nhiên gần như lạnh nhạt của cả người trong cuộc lẫn ngoài cuộc, Gemini 10 đã đạt được những thành công đáng kể và đã lập được nhiều thành tích mới

Gemini 10 đã ráp nối được vào hỏa tiễn Agena 10 ở trên quỹ đạo. Sau ba lần thử thách, phi thuyền Gemini mới thực hiện được thí nghiệm khó khăn này. Trong mấy chuyến bay trước, hỏa-tiến Agena chưa được hoàn bị nên đã hoặc đi lạc hướng hoặc nổ trước khi lên quỹ-đạo. Lần này Gemini 10 đã dính liền được vào hỏa tiễn Agena một cách êm thấm.

Sau đó, các phi hành gia của Gemini 10 đã khai-hỏa hỏa-tiến Agena 10 và trong 14 giây, cả hỏa tiễn lẫn phi thuyền đã vọt lên một quỹ đạo cao 760 cây số, phá kỷ-lục bay cao là 495 cây số do Nga đạt được trước đây.

Trong giai đoạn thứ hai của chuyến bay Gemini, 10 được tách rời ra khỏi

hỏa tiễn Agena để đón gặp một hỏa tiễn khác ở một quỹ-đạo khác. Đó là hỏa tiễn Agena 8 được phóng lên trước đây bốn tháng để định làm thí nghiệm đón tàu trong chuển bay Gemini 8. Sau khi tách khỏi hỏa tiễn Agena 10, Gemini 10 đã tiến sát tới Agena 8 trong vòng ba tiếng đồng hồ. Phi-hành-gia Collins đã bước ra phi thuyền và dùng một « khẩu súng phản lực » cầm ở tay để di chuyển từ Gemini 10 đến hỏa tiễn Agena 8. Anh đã tháo tấm bảng đón nhận các tinh-thạch gắn ở thành hỏa tiễn Agena rồi trở về Gemini 10, những tác động tưởng như dẫn-dị và dễ dàng đó đã đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật phi-hành không gian. Lần đầu tiên hai phi thuyền đã ráp vào nhau trên quỹ đạo. Lần đầu tiên phi thuyền đã được tiếp tế nguyên liệu trên quỹ đạo. Và lần đầu tiên một phi thuyền đã gặp hai phi thuyền khác trong một chuyến bay, và người trong phi thuyền này đã đến sát được phi thuyền khác. Nếu Agena 8 là một phi thuyền có người thì các phi hành gia đã có thể đổi phi thuyền cho nhau rồi.

Đó là những động tác căn bản cần cho một cuộc bay tiếp sức ra khỏi trái đất, cần cho một cuộc trao đổi nhân viên giữa trái đất và một đài quan-sát bay trên quỹ-đạo, và cần cho những cuộc cấp cứu hoặc sửa chữa mỗi khi phi thuyền gặp tai nạn. Trước đây, nếu vì một lý do gì phi-thuyền không trở về trái đất được thì các phi-hành-gia xấu số chỉ còn

có cách là biến thành một vệ-tinh vô hồn bay mãi mãi vòng quanh trái đất. Nhưng với thí nghiệm trong chuyến bay Gemini 10, các phi hành gia gặp nạn có nhiều hy vọng có thể được tiếp cứu.

Ngoài hai thí nghiệm đón và ráp tàu ra, Gemini 10 đã mở một chân trời mới trong ngành thiên-văn-học. Trong khi bay trên cao độ kỷ lục là 760 cây số, Michael Collins đã mở nắp phi thuyền nhô nửa người ra ngoài để chụp hình những tia tử-ngoại-tuyến phát xuất từ mấy chòm sao quan trọng trên bầu trời, những bức hình này sẽ giúp cho các nhà thiên-văn nghiên cứu rõ ràng tính chất và nguồn gốc của các vì sao.

Trong khi di-chuyển từ Gemini 10 đến Agena 8, Michael Collins đã trở thành người thứ 5 đã bước ra ngoài không gian, mang số giờ ở ngoài không gian của Mỹ lên 2 giờ 56 phút so với 10 phút của Nga. Cuộc du hành của Collins đã bị rút ngắn đi một nửa từ 55 phút xuống 28 phút vì nhiên-liệu dự trữ của Gemini 10 đã bị hao hụt quá nhiều trong chuyến bay.

Cho tới nay, chương trình thám hiểm không gian của Hoa-kỳ đã bỏ xa Nga về số lượng các thành tích không gian đã đạt được. Những thành-tích đó được tóm tắt và so sánh trong bảng dưới đây :

	Mỹ	Nga
Chuyến bay có người	14	8
Chuyến bay có nhiều người	8	2
Giờ bay có người	1661 giờ 52'	507 giờ
Số người bay	22	11
Thí nghiệm đón tàu	7	0

NGỌC HÂN

## SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Mèo đêm tập truyện của Nguyễn thị-Thụy-Vũ do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Bản đặc biệt không có ghi giá bán.**

— **Yêu trong bóng tối, tiểu thuyết của Tuấn-Huy do Tiến-Hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 390 trang, giá 95đ.**

— **Lạc đường vào Lịch Sử 1945 truyện dài của Nguyễn-Mạnh-Côn, do Giao Điểm xuất bản và gửi tặng. Đây là quyển thứ nhất: 1945 trong một bộ truyện dài của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Sách dày 294 trang, giá 70đ**

— **Một nền giáo-dục nhân bản và dân tộc của Đoàn-Nhật-Tân, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 184 trang, thuộc loại sách tìm hiểu giáo-dục và phổ biến sự phạm, giá 75đ.**

— **Gió nồm tập thơ của Đông-Xuyên, do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, khổ 20x25, 40 trang in một mặt gồm 45 bài thơ, và 7 bài thơ dịch trình bày trang nhã.**

— **The nine dragons hymn tập thơ của Xuân Việt có dịch ra Anh ngữ do Người Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 40 trang, gồm 10 bài thơ trong có bài Cửu-Long ca đã lấy làm tên tập thơ có bản dịch ra anh ngữ đối chiếu. Giá 30đ.**

# SINH HOẠT

## THỜI SỰ VĂN NGHỆ

### Sức sống của ngôn ngữ

Ở Tây-Ban-Nha của Franco có miền Catalogne, dân cư vừa đông tới sáu triệu người, kể cả số ở trong nước và số lưu vong qua Pháp, qua Mỹ v.v..

Trong chủ trương thống nhất Tây Ba Nha, người Catalan bị cấm không được sáng tác bằng tiếng Catalan. Trong khoảng từ 1930 đến 1947, lệnh cấm rất ngặt nghèo; về sau có nới rộng dần : cho phép tái bản các án danh văn cổ điển, rồi cho in một ít tiểu thuyết v.v... Nhưng đến nay báo chí vẫn không được ra đời bằng tiếng Catalan.

Vậy mà, vẫn cứ có một nền văn chương Catalan. Nền văn chương ấy cứ tiếp tục sống, tiếp tục nảy nở. Và quá quắt hơn nữa là năm nay, tại kỳ đại hội thứ 34 của Văn Bút quốc tế tại Nữu-Uớc, chính văn nghệ sĩ trong hội Văn Bút Catalan lại đại diện cho cả nước Tây Ban Nha; cái đó mới lại oái oăm. Những văn nghệ sĩ Catalan nhất định tranh với các đồng nghiệp viết bằng tiếng Tây Ban Nha để cho chỉ có hội Văn Bút được thừa nhận, được đại diện cho xứ sở.

Nền văn nghệ Catalan, mấy mươi năm rồi, đã sống bằng những tác phẩm do các nhà văn lưu vong in ở ngoại quốc, bằng những tác phẩm lưu hành trong nước dưới hình thức bản thảo, dưới hình thức in ronéo v.v..

Tiếng nói địa phương, Alphonse Daudet có những trang cảm động về nó khi viết nhà thơ Mistral; chính quyền Ấn-Độ đã và đang khốn đốn về nó; tại hội nghị Văn Bút kỳ này nó lại thêm một bằng chứng chứng về mức sống phi thường.

### Con người điển hình

John Le Carré viết chừng năm chục cuốn truyện, mỗi cuốn bán chừng triệu bản, thu được chừng bạc triệu. Sự nghiệp văn nghệ của ông là tiểu thuyết trinh thám.

Viết truyện trinh thám với truyện kiếm hiệp, như J. Le Carré như Ian Fleming, như Kim Dung v.v... mà hốt bạc, chuyện ấy thời nay ai nấy đều thấy rõ. Chỉ lần thân là cái anh chàng phỏng-vấn-viên của tạp chí *Arts* bỗng nhiên lại mò tới hỏi vợ văn : « Tại sao ông viết truyện gián-điệp ? »

làm cho nhà văn có cơ hội thuyết một hơi dài về vai trò cao cả của người gián điệp trong thế giới « hôm nay ».

Gián điệp hả? À! Gián-điệp, theo tôi, là một khuôn mặt điển hình của thời đại. Đó là con người cô đơn, con người kẹt giữa các ý thức hệ... Người gián điệp giống như chiếc đèn pha, nó phải tự soi sáng bằng ánh sáng của mình, bằng ánh lửa của mình, phải đau đớn một mình, phải chết một mình... Người gián-điệp theo tôi, ở trong một hoàn cảnh y hệt như hoàn cảnh nhà văn...

Thế mới biết gián điệp, mặt vụ là ghê gớm thật! Nhưng nếu phỏng-vấn-viên lại đến hỏi một nhà thơ ca tụng tình yêu, một nhà văn viết ái tình tiểu thuyết, chắc chắn bấy giờ người tình nhân lại là con người điển hình muôn thuở. Và nếu hỏi đến Kim-Dung thì chắc chắn Trương-vô-Kỵ là con người điển hình của thời đại và phóng chương là mối ưu tư lớn lao nhất của thế hệ.

### Sách in trên thế giới

Theo tài liệu của Liên-Hiệp-Quốc, trong năm 1965, các nước in được nhiều sách nhất trên thế giới là Nga, Mỹ, Anh, Tây Đức, Nhật, Pháp. Số sách xê xích nhau không xa, đại khái mỗi nước vào khoảng trên 20 nghìn cuốn. (Trừ trường hợp nước Nga ở đây có nhiều ngôn ngữ địa phương,

cho nên mỗi cuốn sách nhiều khi in làm nhiều bản khác nhau, và cơ quan thống kê thường ghi làm nhiều lần cho lớn số).

So sánh với bảng tổng kết cuối năm về tình hình xuất bản của nguyệt san TIN SÁCH thì chúng ta có thể có một ý niệm về địa vị của Việt-Nam trong lãnh vực hoạt động văn hóa quốc tế?

Ý niệm ấy đề dành trình lên Viện Văn hóa sắp thành lập.

### TRANG THIÊN

## SÁCH MỚI

*Bách Khoa vừa nhận được :*

— **Dọc đường tập truyện của Thanh - Tâm - Tuyền do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng.** Sách này 90 trang, gồm 5 truyện-Bản quý không đẽ giá.

— **Yoga của Trần văn Kha do tác giả xuất bản và gửi tặng.** Sách này 324 trang, trình bày sáng sủa và đầy đủ về Yoga, gồm 3 phần chính: Đại cương về Yoga, Hatha Yoga, Raja Yoga-giá 120đ.

— **Ào tượng tập truyện ngắn của Sơn Nam, Hồ Hữu-Tường, Chín Ba, Thiệu Chi, Nhất Hạnh, Võ-Phiến, Tuệ Uyển, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng.** Sách này 252 trang gồm 7 truyện, giá 50đ.

## Một ngày lịch-sử của Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa

Đó là ngày thứ năm 30-6-1966. Vì là ngày tưởng niệm một nhân vật lịch sử mà cuộc đời gắn liền với Dưỡng trí viện Nguyễn - văn - Hoài ; cố bác sĩ Nguyễn-văn-Hoài, thất lạc tại nơi người làm việc, chốc đã mười một năm trời, ngày 28-5-1955.

Ngày lịch sử tiếc không được tổ chức đúng ngày cố bác sĩ từ giã cõi đời vì « cây đình » của cuộc tưởng niệm là buổi nói chuyện về « Cảm tưởng đối với luận án tiến sĩ Y-khoa của bác sĩ Nguyễn-văn-Hoài », mà diễn giả, bác sĩ Đàm-quang-Thiện lại chỉ có thể trình bày từ ngày 30 tháng 6 trở đi mà thôi.

Sáng sớm hôm ấy, một tốp binh nhân mạnh mẽ đã vui vẻ quét tước, dầy cỏ chung quanh phần mộ người bác sĩ quý yêu ấy. Một chậu bông vạn thọ được đặt trước mồ và một bó hoa lai-ơn hai màu trắng đỏ đã sẵn sàng để rồi nằm ngay trên mặt mộ phần.

Đúng 15 giờ, bác sĩ giám đốc vui vẻ giới thiệu diễn giả, vốn không xa lạ gì với anh chị em nhân viên và binh nhân, vì bác sĩ có một đứa con trai vốn nằm dưỡng bệnh ở đây và tháng trước, bác sĩ đã thuyết trình trước anh chị em về đề tài « Phân tâm học ».

Phòng khách trại Quan sát chật cả người. Ngoài ban giám đốc, người ta còn thấy ông Nguyễn-văn-Thuyết, con

trai cố bác sĩ và các con, cháu đại diện cho gia đình người quá cố, ông Nguyễn-văn-Phác, ông Hồ-Hữu-Tường v.v... là những người bạn của bác sĩ Hoài.

Trên bàn, bình nước lã và hai cốc nhỏ đứng yên lạnh một bên, và bên kia, là một bức ảnh lớn bán thân của bác sĩ, vẻ mặt rất là siêu thoát.

Sau khi nhập đề có hơi dài dòng, bác sĩ Thiện giới thiệu mấy phần chính của bản luận án « Về cách tổ chức dưỡng trí viện miền Nam nước Việt », mà ông cho rằng nếu đứng về mặt chuyên môn mà xét thì có lẽ điều thú vị, mà nếu đứng về một tâm lý và triết lý, thì lại càng thú vị hơn nữa.

Đến đoạn nói về những nỗi « đoạn trường » mà dưỡng-trí-viện và người lèo lái nó phải chịu trong « thuở trời đất nổi cơn gió bụi » diễn giả trở nên hùng hồn, say sưa, trong lời nói, trong điệu bộ, và nhất là trong đôi mắt xuất thần, cử tọa bị chinh phục hoàn toàn, và lúc ông chấm dứt câu chuyện « giữa bao nhiêu đồng tổ đó, mà bác sĩ không diên cái đầu lên (ông ôm đầu mình, vò) thì đó không phải là một người nữa, mà đó là một vị thánh ! » thì một tràng pháo tay sôi nổi hoan nghinh ông.

Ông Phác vội đứng lên, thay mặt gia đình và thân bằng người được nhắc đến, ôm diễn giả mà thưởng hồng hai cái hôn nồng nàn bên má.

Sau đó là một cuộc hành hương đến phần mộ cố bác sĩ, nơi đó một số nhân viên và bệnh nhân đã đứng sẵn.

Khi ai nấy tề tựu đông đủ, bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh thay mặt ban tổ chức, đốt nén hương thành, rồi đọc ít lời đề nhắc nhở công ơn người mà « thân xác đã về với lòng đất từ hơn mười năm, nhưng gương sáng còn sống mãi với tháng ngày qua » và đề sau cùng kết luận rằng những người dự lễ tưởng niệm này « chỉ làm một việc tất nhiên của những đàn em đang mang hoài bão nuôi dưỡng người, một hành động mà

những bệnh nhân, những nhân viên của người đã từng làm, và sẽ còn làm mai mãi ».

Buổi lễ kết thúc bằng những bài thơ được ngâm, đọc lên, thơ của người đã khuất, thơ của bạn Nguyễn-hữu-Ngư, một « thân chủ trung thành » của Dưỡng trí-viện :

*Bác đã nằm yên ở một nơi,  
Ngờ đâu con cháu vẫn bền soi  
tấm gương sáng chói còn nêu ấy :  
«Địa ngục trần gian = cõi thắm tươi!»*

NGÊ BÁ LÍ

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

# DESCOURS & CABAUD

## Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS  
Tai Nạn      Hỏa Hoạn      Hàng Hải      Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

**MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS**

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE  
LA MUTUELLE DU MANS

*Chi Nhánh :* Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane  
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala





**Đôi hàng cảm ơn:**

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.